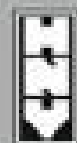




NGƯỜI CÔ ĐỘC

Christopher
Isherwood



NHÀ XUẤT BẢN
HỘI NHÀ VĂN

Người cô độc

Christopher Isherwood

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>

Table of Contents

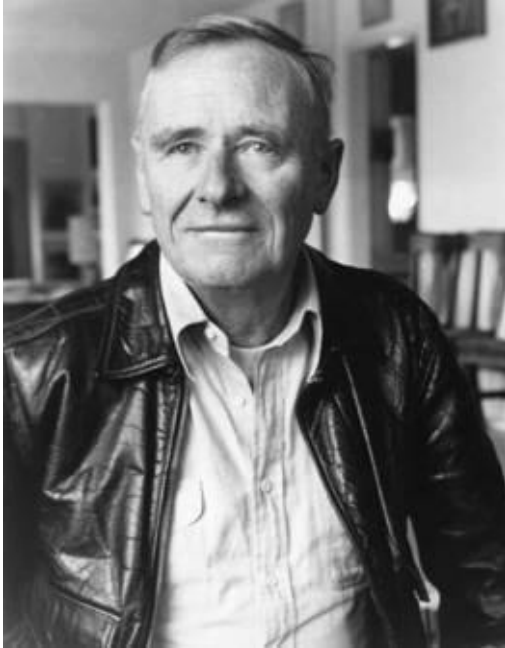
[1]
[2]
[3]
[4]
[5]
[6]
[7]
[8]
[9]
[10]
[11]
[12]
[13]
[14]
[15]
[16]
[17]
[18]
[19]
[20]
[21]
[22]
[23]
[24]
[25]
[26]
[27]
[28]
[29]

Giới thiệu nội dung:

Khi *Người cô độc* được xuất bản lần đầu tiên năm 1964, nó đã gây ra một cơn chấn động ở Mỹ bởi bức chân dung sinh động của một người trung niên đồng tính, chân thực và cảm động.

Câu chuyện miêu tả lại 24 giờ một ngày bình thường của George - giáo sư người Anh sống ở khu ngoại ô Nam California - đang thích ứng với cuộc sống của mình sau cái chết bất ngờ của người bạn đời - Jim - người đã cùng ông chung sống suốt 16 năm. Ông vật lộn dai dẳng với những thói quen cuộc sống thường nhật. Châm biếm, sâu sắc, vui buồn thất thường, hài hước, và nỗi buồn miên man của một con người đã mất đi lẽ sống, *chỉ còn ba phần người*, cuốn tiểu thuyết này đã lột tả bộ mặt của cuộc sống một cách sắc sảo.

Giới thiệu tác giả:



Christopher Isherwood (1904-1986) là một tiểu thuyết gia lớn của thế kỷ 20, người có những đóng góp tích cực trong phong trào đấu tranh quyền lợi cho người đồng tính, tác giả của hơn 40 tác phẩm nổi tiếng trong những năm giữa thế kỷ 20.

Đón đọc các tác phẩm của Isherwood sắp được Youth Books xuất bản:

- *Tạm biệt Berlin*

- *Thế giới về đêm*

- *Gặp gỡ nơi dòng sông*

- *Prater Violet*

Nhận xét về tác giả, tác phẩm:

“Một trong những cuốn tiểu thuyết đầu tiên và hay nhất về sự vận động giải phóng nhân quyền của người đồng tính hiện đại.”

Edmund White

“Isherwood là nhà viết văn xuôi tiếng Anh tuyệt vời nhất.”

Gore Vidal

Nếu bạn đang tìm một cuốn tiểu thuyết nóng bỏng, đang muốn đọc về những va chạm xác thịt, hay muốn nghe những câu chuyện ly kỳ về Thế giới thứ Ba, thì tôi khuyên bạn hãy bỏ cuốn sách này xuống - **Người cô độc là mọi thứ trừ sự trần tục**.

Vào thời điểm cuốn tiểu thuyết này ra đời, “Thế giới thứ Ba” vẫn còn là chủ đề nhạy cảm, kiêng kị. Những con người “thiếu số” và “kém may mắn” (theo quan điểm của số đông được đề cập trong tiểu thuyết), vẫn phải vật lộn, trăn trở, day dứt và nỗ lực hết sức để có thể thích nghi với thế giới xung quanh, thế giới mà như George - nhân vật chính trong câu chuyện này - gọi là, “thế giới của những con người khác ngoài kia”, những người đòi hỏi ở ông một lối cư xử và hành vi thỏa đáng.

Chúng ta sẽ được chứng kiến sự nỗ lực trong một ngày, một ngày như bao nhiêu ngày khác của George để có thể sống cuộc sống của một người gần như đã chết, hay đúng hơn là tù nhân của sự sống. Nỗ lực để hòa nhập vào số đông, nỗ lực để vượt qua những ám ảnh của bóng ma Jim - người bạn đời đã gắn bó cùng ông suốt 16 năm, người đã mất trong một vụ tai nạn xe cộ.

Chúng ta sẽ bắt gặp những triết lý sâu sắc về lẽ sống và sự tồn tại, sự mâu thuẫn giữa những chiếc “mặt nạ”, những vai diễn mà George đang phải đeo chồng lên bản ngã con người thực sự của mình, ông phải đè nén ham muốn bộc lộ cái tôi dưới lớp mặt nạ để *những con người ngoài kia* “nhìn nhận về ông như những gì ông đã gây dựng”. Lúc ông được tự do, được giải phóng khỏi sự giam cầm của sự sống, cũng là lúc nó đến với ông - một cái chết nhẹ nhàng, êm ái.

Người cô độc sẽ đem đến cho bạn những trải nghiệm quý giá về tâm tư, nguyện vọng cũng như cuộc sống của một “thiếu số” mà hiện nay không hẳn còn xa lạ với bạn, hoặc góc nhìn khác hay giống của một số phận như bạn.

Đây là cuốn tiểu thuyết được viết sau khi Isherwood chính thức trở thành công dân Mỹ. Giới phê bình Mỹ cho rằng, cuốn tiểu thuyết này mang đậm hơi hướng Anh quốc. Bạn có thể sẽ lật từng trang để kiểm chứng xem điều gì đã khiến cho một cuốn sách lấy bối cảnh ở Mỹ lại có hơi hướng Anh. Người hùng George? Ông có xuất thân từ Anh, nhưng ông Mỹ không kém gì người đã tạo ra ông (Theo nhiều nguồn tin cho biết, Isherwood chính là nguyên mẫu của nhân vật George). Đó chắc phải là ở phong cách viết: nhẹ nhàng, lập lờ khó nắm bắt, bóng gió và không hề cộc cằn, khác hẳn Mailer. Tôi không thích phân chia các tiểu thuyết viết thành những quốc gia tương ứng. Đây đơn giản là một cuốn tiểu thuyết ngắn cực kỳ hay, viết bằng tiếng Anh.

Người cô độc được biết đến như một tiểu thuyết tiêu biểu dành cho cộng đồng người đồng tính. Nhân vật chính, George, có mối quan hệ tình cảm lâu dài - 16 năm - với một người đàn ông khác, nay đã chết. George bị bỏ lại với cuộc sống cô độc; và chúng ta được nghe kể về một ngày trong cuộc sống đó của ông. 58 tuổi, ông là giảng viên của trường cao đẳng bang California (chúng ta được nghe ông giảng, rất hài hước, về tác phẩm *Thiên nga chết sau những ngày hè* của Huxley). Ông duyên dáng, hào phóng, không thực sự bảo vệ quyền lợi của *thiểu số* cho lắm. Giới tính của chính ông được đặt vào một tình huống của *thiểu số* khác. Ông nói với sinh viên của mình rằng, "Cộng đồng thiểu số chỉ được coi là thiểu số khi nó tiềm ẩn một mối đe dọa nào đó đối với số đông, thực hay ảo. Và không có đe dọa nào là ảo... *Thiểu số* cũng là người, người, chứ không phải thiên thần". Nhưng ông không có vẻ gì là đe dọa được ai cả - khép kín, lịch sự, cảm thông cho thói hám vật chất tầm thường và sự xấc xược của người Mỹ, một người đàn ông đã mất đi lẽ sống. Ông thuộc về *số đông* đó (hay số đông đó là thiểu số?), số đông có tên gọi người sống, sống có nghĩa là vượt qua được một ngày. Ngày của ông làm say mê độc giả, mặc dù chẳng có gì đặc biệt xảy ra. Ông say xỉn rồi nằm vật ra giường, thủ dâm, và chìm vào giấc ngủ. Ông có một cái chết sống động - được miêu tả đặc biệt xuất sắc: các động mạch lắng bùn, trái tim mỗi mảy, sự tỉnh táo dần nhạt. Ông chìm vào giấc ngủ; một ngày đã hết. Khiến người đọc mê mải say sưa với những ngày bình dị của một cuộc sống bình dị là biệt tài của James Joyce^[1]. Nhưng ở *Người cô độc*, không có một mẹo Joyce nào sử dụng để đề cao cái sáo rỗng vô thường. Nó đơn giản là một tác phẩm hay của một lối viết đơn giản nhưng khiến ta nhớ mãi.

Anthony Burgess, trong cuốn *99 tiểu thuyết hay nhất bằng tiếng Anh kể từ 1939*.

“Để tẩy rửa những bụi trần đeo bám, George loạng choạng bước tới con sóng đang ào ạt xô đến, dang rộng hai tay để đón nhận dòng nước tẩy trần tuyệt diệu trút lên mình. Dồn cả tấm thân vào con sóng, ông rửa trôi tất cả những suy tư, thuyết giáo, tâm trạng, cảm hứng và rửa trôi cả con người ông, cả cuộc đời ông. Hết lần này đến lần khác, cứ mỗi khi chìm dưới một con sóng dữ dội, là một lần ông trở nên sạch sẽ hơn, tự do hơn.”

Dành tặng Gore Vidal

Tỉnh giấc bắt đầu bằng việc nhận thức *tôi* và *hiện tại*. Hắn mở mắt và cú thể nằm yên đó, nhìn bàng quơ lên trần nhà và vào trong chính hắn cho đến khi ý thức được *tôi* của mình. Để từ đó biết được rằng hắn đang ở đây, trong cái *hiện tại* của ngày mới. Rồi ý niệm về nơi chốn chậm rãi đến với hắn làm hắn yên lòng đôi chút; vì nơi chốn ấy, trong cái buổi sáng này, là nơi mà hắn gọi là NHÀ.

Nhưng *hiện tại* không chỉ đơn thuần là *hiện tại*. *Hiện tại* còn là một gợi nhớ đau thương: là một ngày sau ngày trước đó, một năm sau năm trước đó. Mọi *hiện tại* đều được gắn móc với ngày của chính nó, kết nối quá khứ cổ xưa với hiện tại, cho đến khi - sớm hay muộn - mà có lẽ - không, không phải có lẽ, mà là chắc chắn - giây phút đó sẽ đến.

Nỗi sợ hãi vặn nhéo mọi tế bào thần kinh trong hắn. Phát bệnh khi nghĩ đến điều đang đợi ngoài kia, cái chết đang chờ hắn.

Nhưng trước đó, cái bộ não kỷ luật không gì xoay chuyển được vẫn đang chiếm giữ quyền kiểm soát cơ thể này và đang dần ra lệnh cho chúng hoạt động từng bộ phận một: đôi chân duỗi dài, phần lưng dưới khẽ cựa mình, những ngón tay siết lại rồi thả ra. Và giờ thì, tổng thể cái bộ máy đó đang chuẩn bị thi hành cái mệnh lệnh đầu tiên được đưa ra trong ngày: NGỒI DẬY.

Cái thân thể đó ngoan ngoãn nhấc mình rời khỏi giường - khẽ nhăn mặt bởi cơn đau từ chứng viêm khớp nơi ngón tay và đầu gối trái, hơi buồn nôn vì cơn đau dạ dày lại đang trỗi dậy hành hạ - trần truồng lê bước vào nhà tắm, với cái bàng quang trống rỗng trong cái thân thể nặng trên bảy mươi kí lô, bất chấp những nỗ lực như hành xác trong phòng tập thể dục của hắn! Hắn đi tới trước gương.

Những gì hiện ra trong chiếc gương kia không chỉ đơn giản là một khuôn mặt mà còn là vết hằn sâu của những khắc khổ. Đó là những gì hắn đã tự chuốc lấy, là mớ ngổn ngang hắn đã tự đặt mình vào sau năm mươi tám năm rông rãi. Phản chiếu trên đó là cái nhìn vô hồn buồn bã, chiếc mũi thô kệch, cái miệng chảy xệ tới tận góc của khuôn mặt, nhãn nhó như thể hắn đang ngậm trong miệng cả một nhúm thuốc độc; hai gò má hốc hác thiếu vắng những thớ thịt; cổ họng ẩn nấp trong những chùm nếp nhăn ử rữ. Đôi mắt sầu muộn như thể của một người vừa chạy hay bơi đến không còn một chút sức lực nào trong người. Cái thân thể tạo hóa tạo ra đó sẽ cứ vật lộn không ngừng cho đến khi nó không còn có thể tiếp tục được nữa. Không phải vì nó kiên cường. Mà vì nó không thể hình dung ra một con đường nào khác.

Cứ dán mắt vào trong gương bất định, hắn nhìn thấy nhiều khuôn mặt khác nhau lấp ló trong khuôn mặt của chính hắn - khuôn mặt của một đứa trẻ sơ sinh, một cậu nhóc, một chàng trai trẻ, rồi của một chàng trai *không còn trẻ lắm* - tất cả vẫn tồn tại trong hắn, được bảo quản như những tảng hóa thạch cứ xếp chồng lên nhau, lớp này đến lớp khác, và, cũng giống như hóa thạch, chúng đã không còn sự sống. Thông điệp chúng gửi đến cho cái xác sống của tạo hóa này

là: Hãy nhìn chúng ta đây - chúng ta đã chết - chết thì có gì mà phải sợ?

Rồi hắn trả lời họ: Nhưng cái chết đến với các người thật từ tốn và dễ dàng. Ta sợ phải vội vã.

Hắn cứ nhìn rồi nhìn, cứ dăm dăm vào chính hắn trong chiếc gương kia. Đôi môi hắn khẽ rời nhau ra. Hắn bắt đầu thở qua khoe miệng. Cho đến khi bộ não hắn nóng lòng ra lệnh cho hắn rửa mặt, cạo râu và chải tóc. Cái thân thể trần truồng của hắn cần phải được che chắn. Hắn phải mặc quần áo vào, vì hắn đang sắp phải ra ngoài, bước vào thế giới của những con người khác ngoài kia, mà những người này cần được nhìn nhận về hắn như những gì hắn đã gây dựng. Hành vi của hắn cần phải nằm trong sự thỏa đáng với họ.

Chậm rãi, hắn rửa mặt, cạo râu và chải tóc, để hắn có thể tiếp nhận những trách nhiệm của chính hắn đối với những con người ngoài kia. Hắn thậm chí lại cảm thấy phần chần vì trong thế giới ngoài kia, có chỗ cho hắn. Hắn biết người ta mong đợi gì.

Hắn biết tên của hắn. Người ta gọi hắn là **George**.

Đến khi đã ăn vận chỉnh tề, hắn đã dần trở lại là *Ông* - một người trung niên đỉnh đạc, đã dần trở lại, dù ít dù nhiều, là George - mặc dù không hoàn toàn là George mà người ta trông đợi và sẵn sàng để nhận ra. Ai gọi điện cho hắn vào giờ này của buổi sáng chắc hắn sẽ ngạc nhiên và bối rối, thậm chí sợ hãi, nếu họ có thể thực sự thấy được cái thể xác chỉ ba phần người này là thứ mà họ đang nói chuyện cùng. Nhưng, dĩ nhiên, họ sẽ không bao giờ biết - giọng của hắn bắt chước George của họ hầu như hoàn hảo. Thậm chí Charlotte cũng bị nó qua mặt. Chỉ đôi ba lần bà cảm nhận được điều gì đó không tự nhiên, bà hỏi: “Geo - anh vẫn ổn chứ?”

Ông đi qua căn phòng phía ngoài, nơi ông gọi là phòng đọc, và đi xuống cầu thang. Những bậc thang hẹp và dốc rẽ vào một góc căn nhà. Bạn có thể chạm vào cả hai tay vịn của lan can bằng khuỷu tay của mình, và phải cúi đầu xuống, ngay cả khi nếu bạn giống như George, chỉ cao 1 mét 73. Căn nhà này khá nhỏ và được tính toán để sử dụng triệt để diện tích. Ông thường cảm thấy được bảo vệ trong sự chật hẹp của căn nhà; chẳng có chỗ để mà cảm thấy cô độc.

Ấy thế mà...

Hình dung hai con người, sống cùng nhau ngày qua ngày, tháng đoan tháng, năm tiếp năm, trong một khoảng không gian nhỏ hẹp, khuỷu tay chạm khuỷu tay khi đứng nấu nướng bên bếp lò, ép vào nhau trong những bậc thang chật chội, cùng đứng cạo râu trước tấm gương nhỏ trong phòng tắm, không ngừng đụng chạm, huých đẩy vào thân thể của nhau vô tình hay hữu ý, với tràn đầy nhục dục, mạnh bạo, ngược ngùng và nóng vội, trong thịnh nộ lẫn trong ý tình - hình dung những gì mà họ đã khắc dấu vô hình vào trong từng khoảng không, từng ngõ ngách của căn nhà. Cánh cửa phòng bếp được xây quá hẹp. Hai con người trong vội vã, với thức ăn trong đĩa trên tay, không khỏi chạm vào nhau nơi này. Và cũng tại đây, hầu như mọi buổi

sáng, khi George đặt chân tới nấc cuối cùng của bậc thang, ông lại có cảm giác bất chợt như thấy mình đang ở trên một tấm răng cưa lởm chởm, tàn độc và vỡ vụn ra từng mảnh - cho dù những dấu vết đã phai nhạt và chìm vào trong đồ nát. Và giờ, tại nơi đây, ông dừng lại trong khoảnh khắc và nhận thức với một nỗi thống khổ tột cùng như thể nó chỉ mới vừa hôm qua đây thôi: Jim đã chết. Đã chết.

Ông đứng trân trân ở đó trong yên lặng, đợi cho cơn đau thắt qua đi. Rồi ông bước vào trong bếp. Những cơn đau vào những buổi sáng như thế này quá mãnh liệt để có thể dập tắt bằng sự đa cảm. Khi chúng qua đi, ông thấy nhẹ nhõm. Như thể vượt qua một cơn chuột rút khủng khiếp.

Hôm nay có nhiều kiến chạy thành từng hàng dài cong cong uốn lượn dọc sàn nhà, trèo qua bồn rửa bát và đe dọa ngấn tử nơi ông cất giữ mứt và mật ong. Ông với tay lấy bình xịt côn trùng và bất chợt tưởng tượng ra hình ảnh mình như một kẻ già nua ngoan cố và đầy ác tâm đang ra oai trước đám côn trùng đáng để ta ngưỡng mộ và học hỏi này. Sinh vật sống hủy hoại sinh vật sống - trước sự chứng kiến của những đồ vô tri giác - nồi và chảo, dao và đĩa, hộp và chai - những thứ không góp mặt trong vương quốc của sự tiến hóa. Tại sao? Tại sao? Có phải những kẻ thù từ vũ trụ, những kẻ bạo chúa không gian đang cố làm lu mờ chúng ta trước sự tồn tại của chính ông bằng cách sắp đặt cho chúng ta chiến đấu chống lại những đồng minh của tạo hóa khác, những đồng nạn nhân với sự tàn bạo của chính ông? Nhưng, than ôi, trong lúc George đang mãi chìm đắm trong những suy nghĩ mông lung này thì đàn kiến đã chết sạch, thân xác chúng bị chùi sạch bằng tấm giẻ ướt và được giữ bỏ bởi những dòng nước xối mạnh xuống bồn rửa bát.

Ông tự chuẩn bị cho mình một đĩa đồ ăn sáng gồm trứng chần, thịt lợn muối xông khói với bánh mì nướng và cà phê. Ông ngồi xuống một góc bên chiếc bàn ăn và bắt đầu nhai. Trong đầu ông không ngừng vang lên những vần điệu mà vú nuôi của ông đã dạy khi ông còn là một đứa trẻ ở Anh quốc hàng chục năm về trước:

Trứng chần ăn với bánh mì nướng rất ngon.

Ông vẫn nhớ rõ từng nét trên khuôn mặt của bà, mái tóc bạc với đôi mắt màu chuột xám, thân hình đầy đà bụng bừa sáng trong khay đặt gọn gàng, hơi thở của bà đứt quãng vì phải trèo qua những bậc thang dài. Bà thường cầu nhàu với từng bậc thang và gọi chúng là “Những ngọn núi gỗ” - một trong những câu nói nhiệm màu của tuổi thơ ông.

Trứng chần ăn với bánh mì nướng rất ngon.

Nếu đã ăn lần một, bạn sẽ muốn ăn lần hai!

A, những kỷ niệm ấm áp đến se lòng của những khoái lạc được nâng niu chăm sóc đó! Ông chủ George nhâm nhi bữa sáng của mình, vú nuôi đứng nhìn, mỉm cười và đoán chắc rằng họ

được bình an trong thế giới bí ẩn nhỏ bé thân yêu của họ!

Bữa ăn sáng với Jim đã từng là một trong những thời điểm đẹp nhất trong ngày của họ. Đó là lúc, khi đang tận hưởng tách cà phê thứ hai hay thứ ba của mình, họ chia sẻ với nhau những giây phút chuyện trò tuyệt diệu nhất. Họ nói với nhau về mọi thứ, về bất kể điều gì trong đầu họ - dĩ nhiên, cả về cái chết, về sự tồn tại sau cái chết là có hay không, nếu có, thì điều gì sẽ còn được giữ lại. Họ thậm chí còn thường xuyên chia sẻ với nhau quan điểm về cái lợi và cái hại của việc bị mưu sát và về việc dự báo trước cái chết của mình. Nhưng giờ George không tài nào nhớ nổi quan điểm của Jim trong các vấn đề này. Những câu hỏi đó thật khó để tiếp nhận một cách nghiêm túc. Họ đã trông thật học thuyết, hàn lâm.

Cứ giả sử rằng kẻ đã chết có thể quay về thăm người còn sống. Rằng một vật thể hữu hình hay vô hình nào đó được gọi là Jim quay trở về để biết George đang sống tiếp ra sao. Liệu nó có thỏa mãn một chút nào? Liệu nó thậm chí có đáng không? Trường hợp tốt đẹp nhất, dĩ nhiên, là nó sẽ như chuyến viếng thăm ngắn ngủi của kẻ đang dỗi theo từ một đất nước khác, người được phép nhìn trộm trong giây lát từ sự tự do bao la của chính anh ta để trong xa cách, qua những tấm kính, nhìn thấy hình hài đang ngồi lặng lẽ bên chiếc bàn nhỏ trong căn phòng chật hẹp này, đang ăn những quả trứng chần trong im lặng và cô độc, như một tù nhân của sự sống.

Căn phòng khách thấp trần và tối tăm với những chiếc giá sách trải dài dọc trên các bức tường đối diện cửa sổ. Những cuốn sách này đã không biến George trở nên cao quý, tốt đẹp hay khôn ngoan hơn. Chỉ là ông thích được nghe tiếng nói của chúng, cuốn này hay cuốn khác, tùy vào tâm trạng của ông. Ông bạc đãi chúng một cách nhẫn tâm - bất chấp những gì ông nói về nó trước công chúng - để đem ông chìm vào giấc ngủ, để cướp đi tâm trí của ông từ tay *kẻ nắm giữ thời gian*, để giúp ông thư giãn trước những cơn đau co thắt do chứng hở môn vị gây vò, để tán gẫu cùng ông và kéo ông ra khỏi sự sầu muộn, để *khai mở* những phản xạ có điều kiện của kết tràng của ông.

Ông đưa tay lấy một trong số chúng xuống, và Ruskin nói với ông[2]: “Bạn thích những khẩu súng hơi khi còn là một đứa nhóc, rãnh súng và Armstrongs là những điều giống nhau duy nhất được tạo ra hoàn hảo. Điều tệ hại nhất là, là một đứa trẻ bạn thích bắn, những con chim nhận lại ghét bị bắn. Là một người lớn, bạn chơi với quyền lực của chính trị, những kẻ thấp cổ bé họng ở nước Mỹ này, lại không thích bị chĩa mũi dùi vào họ. Khi đối mặt với những con đại bàng lớn, bạn sợ không dám bắn chúng, và nếu tôi không lầm thì bạn không dũng cảm trước những anh chàng cao lớn như bạn đã dũng cảm trước những chú chim nhỏ.”

Ông già Ruskin quá quắt, luôn luôn thâm thúy trong từng câu nói, điên khùng và không trói buộc, với sự mỉa mai tinh tế trong ngôn ngữ của mình - ông ta chính là tri kỷ hoàn hảo cho năm phút trong nhà cầu sáng nay. George thấy bụng mình chuyển động và vội vã trèo qua những bậc thang để đi vào nhà vệ sinh, sách cầm trên tay.

Ngồi ung dung trên bệ, ông có thể nhìn thấy cảnh vật ngoài kia qua cửa sổ. Những người hàng xóm bên kia đường cũng có thể nhìn thấy từ vai ông trở lên, nhưng không thể thấy việc ông đang làm. Một buổi sáng mùa đông California xám xịt và ẩm áp; bầu trời thấp và êm ái với

sương mù Thái Bình Dương. Xa xa dưới bến cảng ngoài kia, bầu trời và đại dương sẽ chỉ mang một màu xám xịt u ám. Từng hàng cột vẫn đứng đó hiên ngang và những giọt sương rịn ra trên lá các bụi trúc đào.

Con đường này mang tên Hẻm cây Nhãn. Có thể tại nơi đây những cây nhãn đã từng mọc quanh; nhưng giờ thì chẳng còn thấy bóng dáng chúng đâu. Nhiều khả năng cái tên này được chọn bởi những người khai hoang đang tìm cách chạy trốn khỏi thành phố Los Angeles bụi bặm và Pasadena[3] hơm hĩnh ngọt ngào, những người đã đặt chân đến đây vào đầu thế kỷ 20 và bị quyến rũ bởi vẻ đẹp như tranh vẽ của nơi này. Họ gọi căn nhà gỗ một tầng trát vữa và những căn lán vách che của họ là biệt thự ngoại ô, đặt cho chúng những cái tên dễ thương như “Mũi Boong” và “Nhà Tranh”, họ gọi những con đường của họ là hẻm, ngõ và đường mòn cho hợp với không gian rừng làng mà họ muốn tạo ra. Giấc mơ lý tưởng của họ là tạo ra một khu làng nhiệt đới Anh Quốc theo kiểu Montmartre[4]: một địa điểm hoàn hảo, nơi bạn có thể vẽ một chút tranh, viết một chút văn và uống rượu thật nhiều. Họ tự coi mình là những chiến binh đang gắng sức thực hiện những nỗ lực cuối cùng để chống lại thế kỷ 20. Họ gào rú lên lời cảm ơn từ sáng đến tối vì đã thoát khỏi tỉnh con buôn thành thị đang dần hủy hoại tâm hồn những con người sống trong nó. Họ trần tục, hồ hởi, bướng bỉnh và không theo lễ thói xã hội thông thường, tò mò không ngừng nghỉ về hành vi của nhau và khoan dung vô bờ bến. Họ đánh nhau bằng nắm đấm, bằng vỏ chai và đồ vật, chứ không bằng luật sư. Đa phần bọn họ đã may mắn chết trước khi *Đại biến chuyển* diễn ra.

Đại biến chuyển bắt đầu vào những năm cuối thập của niên 40, thế kỷ 20, khi những cựu chiến binh của Đại chiến Thế giới II ồ ạt rời khỏi Bờ Đông, cùng với những cô vợ mới cưới của họ, như những bầy ong vỡ tổ, đi tìm những vùng đất màu mỡ sinh sôi mới của miền Nam đầy nắng gió, nơi dừng chân để giữ bỏ nỗi nhớ nhà thoáng qua trong họ trước khi giông bão ra khơi Thái Bình Dương bao la. Và có mảnh đất nào màu mỡ hơn vùng đồi núi thân thiện này, chỉ năm phút đi bộ là ra tới biển, và chẳng có bóng dáng xa lộ đông đúc ồn ào nào cản trở họ tạo ra những thằng cu, con nhóc mới. Vậy nên, những căn nhà ngoại ô, nơi đã từng nồng nặc mùi rượu tự nấu, nơi đã từng luôn tràn ngập tiếng thơ Hart Crane[5], cứ từng cái từng cái một trở thành nơi chiếm đóng của đội quân *xem ti vi và uống Coca*.

Những cựu chiến binh đó, không chút nghi ngờ, đã thích nghi với sự tự do phóng khoáng bản năng của mảnh đất này khá tốt. Nhưng các cô vợ đã cảnh báo với họ ngay từ những ngày đầu rất rõ ràng, rằng sự phồn vinh và tự do là không cùng tồn tại. Để có sự phồn vinh bạn cần phải có công việc ổn định, cần có sự cầm cố, có tài sản và bảo hiểm. Và bạn không dám chết cho đến khi tương lai của gia đình đã được đảm bảo.

Những thằng cu, con nhóc cứ phọt ra từng đũa, từng đũa một. Và ngôi trường làng nhỏ bé cũ kỹ đã trở thành những tòa cao ốc mới coong. Khu chợ tồi tàn ven biển đã mở rộng thành siêu thị quy mô. Và ở Hẻm cây Nhãn, hai biển hiệu được dựng lên. Một trong số chúng cảnh báo bạn không nên ăn những ngọn cải xoong mọc hai bên bờ sông, vì nước ở đó đã bị ô nhiễm nặng. Những người khai hoang thuở xưa đã ăn chúng hàng năm trời chẳng thấy có vấn đề gì xảy ra. George và Jim cũng đã thử, chúng có vị ngon đến lạ lùng. Biển báo còn lại - những nét vẽ đen trên nền vàng - cảnh báo **KHU VỰC NHIỀU TRẺ EM**.

Dĩ nhiên, George và Jim đã chú ý đến tấm biển báo vàng ngay trong lần đầu tiên họ đặt chân đến nơi này để tìm mua nhà. Nhưng đã lờ chúng đi vì họ đã quá yêu mến nơi này. Họ yêu căn nhà này, vì để đến được nó bạn chỉ có con đường duy nhất là cây cầu bắc qua sông đằng xa

kia; căn nhà nằm khuất trong những hàng cây cao và bờ đá chót vót, khiến nơi đây trở nên như một căn lán tận sâu trong rừng vắng. “Đây là hòn đảo của riêng chúng ta”, George đã nói khi họ đang bước qua cổng vào, xác lá ngô đồng ngụp đến tận mắt cá chân, đó cũng chính là lúc họ quyết định, kể từ giờ, sẽ yêu mọi thứ thuộc về nơi này. Sánh vai bước vào căn phòng khách tối tăm và ẩm ướt, họ nói với nhau nơi đây sẽ ẩm cúng biết chừng nào khi đêm xuống bên ánh lửa bập bùng nơi lò sưởi. Những rặng thường xuân rậm rạp già nua, nửa sống, nửa chết héo khô, queo quắt bám chặt lấy bốn bề garage, khiến nó có vẻ rộng gấp đôi. Thực tế, bên trong nó chỉ là một khoảng không gian chật chội, bé tẹo teo, được xây dựng từ thời mẫu xe T. Ford còn đang thịnh hành. Jim nói họ sẽ nuôi một vài con vật ở đây, xe của họ quá lớn đối với gara này, họ sẽ đỗ chúng ngoài đầu cầu. Cây cầu cũng có vẻ như bắt đầu lún dần, Jim lại nói, “Ừ thì, ít nhất nó cũng sẽ không sập trước khi chúng ta chết”.

Không ngạc nhiên khi những đứa trẻ trong khu nghĩ về căn nhà giống y như George và Jim đã nghĩ trong buổi sáng đầu tiên họ nhìn thấy nó. Ấm thấp, tối tăm và bí ẩn với những rặng tường vi khủ kín, nơi hoàn hảo cho những con quái vật trong câu chuyện cổ tích xưa ẩn náu. Chính xác là vai diễn mà George thấy mình khoác lên người, và ngày càng mãnh liệt hơn kể từ khi ông sống một mình. Nó giải phóng một phần bản chất con người ông, phần mà ông ghét phải để cho Jim nhìn thấy. Jim sẽ nói gì khi thấy ông vung vẩy hai tay và gào rú như một kẻ khùng điên qua ô cửa sổ, khi thấy nhóc Benny nhà Strunk và nhóc Joe nhà Garfein thách đố nhau chạy qua chạy lại cây cầu bắc qua nhà George? Jim lúc nào cũng bắt chuyện với chúng thật dễ dàng. Anh để cho chúng vỗ về những con chồn hôi và gấu trúc Bắc Mỹ, và nói chuyện với sáo sậu, chúng đã chẳng bao giờ bước qua cầu khi không được mời.

Bà Strunk, sống bên kia cầu, thỉnh thoảng cũng nghiêm khắc quở mắng con bà hãy để ông được yên, rằng ông là một giáo sư đại học, ông phải làm việc vất vả. Nhưng bà Strunk, Chúa rủ lòng lành, bà quả một phụ nữ hiền hậu - đầu tắt mặt tối với công việc nhà, cam chịu từ bỏ những ngày tháng ca hát trên radio để chăm sóc cho năm cậu nhóc và hai cô nhóc của ông Strunk - cũng không kiềm chế nổi mình khỏi nói với George, bằng một nụ cười áy náy pha lẫn chút đồng tình, rằng Benny (đứa con nhỏ nhất của bà) gọi ông là “Ông già ấy”, kể từ khi George rượt đuổi Benny ra khỏi khu vườn của ông, qua cây cầu và tới tận cuối phố; rằng ông bị nó nện lên ngưỡng cửa hẳng ngày bằng một cây búa tạ.

George cảm thấy xấu hổ khi thấy mình gầm rú như vậy, vì đó không phải chỉ là đóng kịch. Ông thực sự đã không giữ được bình tĩnh, đã thực sự cáu giận. Ông thấy bề mặt và chán ghét chính mình sau đó. Ông cũng nhận thức khá rõ rằng bọn trẻ muốn ông hành xử theo lối này. Chúng thực sự thích thú khi thấy ông nổi đóa. Nếu có một ngày kia ông bỗng nhiên từ chối đóng vai quái vật, và chúng không còn có thể chọc tức ông được nữa, thì chúng sẽ phải tìm trò chơi khác thay thế. Câu hỏi liệu đây có phải chỉ là diễn kịch hay ông thực sự ghét chúng chẳng bao giờ vụt qua tâm trí chúng. Đối với chúng, ông chỉ là một nhân vật trong câu chuyện thần thoại của chúng mà thôi. Chỉ có George là để tâm. Đã có lúc ông thấy quá xấu hổ với những phút yếu đuối không giữ nổi mình của ông, ông mua kẹo và chia cho chúng khi gặp chúng trên phố, khoảng một tháng trước. Chúng nhận nó mà không nói một lời cảm ơn, chúng nhìn ông lạ lẫm và dè chừng, trong giây phút đó, lần đầu tiên chúng biết đến con người khác của ông ngoài

con quái vật trong nhà hoang.

*

* *

Ruskin đã đang đánh mất chính mình. “Sự tinh tế là đạo đức DUY NHẤT!” ông ta đang gào thét, ngoe nguẩy ngón tay giữa về phía George. Ông ta đang trở nên tê nhạt, nên George bỏ mặc ông ta nói dở câu bằng việc đóng cuốn sách lại. Vẫn ngồi trên bệ toilet, George ngó ra ngoài cửa sổ.

Buổi sáng yên tĩnh. Hầu hết bọn trẻ đã đến trường. Kỳ nghỉ Giáng sinh vẫn còn vài tuần nữa mới đến. Nghĩ đến Giáng sinh, George cảm thấy một cơn tuyệt vọng thoáng qua. Có thể ông sẽ làm gì đó điên khùng một chút, lên máy bay đến thành phố Mexico, uống say trọn một tuần và nổi loạn khắp các quán bar. Mà sẽ không đời nào dám làm, một giọng nói chán chường lạnh lùng vang lên.

À, Benny đây rồi, vẫn chiếc búa vung vẩy trên tay. Nó lục lọi trong các thùng rác đang để gọn gàng bên vỉa hè và lôi ra một cái cân dùng trong nhà tắm đã hỏng. George nhìn Benny bắt đầu nện chiếc búa tạ xuống cái cân, vừa đập cho nó dần vỡ vụn vừa giả đồ khóc, thẳng nhóc đóng vai cái cân đang khóc rống lên vì đau đớn. Ấy vậy mà bà Strunk, bà mẹ đầy tự hào của sinh vật kia, đã thường xuyên hỏi Jim, trong cái rừng mình ghê tởm rằng làm sao anh có thể đựng đến những con rắn chúa con vô hại.

Giờ thì đến lượt bà Strunk xuất hiện trên hiên nhà, vừa lúc Benny hoàn tất cuộc mưu sát cái cân và đang đứng hiên ngang nhìn xuống những mảnh vụn tung tóe. “Đặt chúng trở lại!” bà nói với thằng nhóc. “Đặt chúng trở lại thùng rác! Đặt chúng vào, ngay bây giờ! Bỏ trở lại!” giọng bà lên xuống theo nhịp có chủ ý như một bài hát ngọt ngào. Bà ta không bao giờ quát mắng bọn trẻ. Bà ta đã đọc rất nhiều sách tâm lý học. Bà ta biết Benny đang trải qua thời kỳ hung hãn của nó, đúng theo lịch trình phát triển; như thế nó không thể bình thường và khỏe mạnh hơn được nữa. Bà ta biết rõ rằng cả con phố có thể nghe thấy bà. Đó là quyền của bà để được người ta nghe, vì đây là *Giờ của Mẹ*. Khi Benny cuối cùng cũng ném những mảnh vỡ cuối cùng của cái cân trở lại thùng rác, bà lại ngân nga theo nhịp “Ngoan lắm!” và mỉm cười quay trở lại căn nhà.

Benny bỏ đi chơi lang thang với ba đứa nhóc khác, hai trai và một gái, chúng đang cố đào một cái hố trên lô đất trống giữa hai nhà Strunk và Garfein. Hai căn nhà của bọn họ nằm tênh hênh ngay mặt tiền giữa con phố, nổi bật, trái ngược hẳn với căn lán riêng tư bên vệ phố của

George.

Trong lô đất trống, bên dưới gốc cây bạch đàn già nua, Benny đang giành lấy phần đào bới. Nó tuột bỏ chiếc áo chắn gió rồi ném cho cô bé cầm; nó nhổ nước bọt vào bàn tay, xoa xoa chúng vào nhau rồi nhấc chiếc thuổng lên và bắt đầu đào bới. Chúng như những kẻ truy tìm kho báu ngủ sâu trong lòng đất mà ta hay thấy trên ti vi. Những đứa trẻ nhóc này chưa biết gì khác ngoài việc bắt chước những gì chúng thấy. Sẽ sớm thôi, khi bắt đầu biết nói, chúng sẽ bắt đầu hằng hái mong được góp mặt vào những đoạn nhạc kịch quảng cáo.

Nhưng giờ thì một trong mấy đứa bé trai - có lẽ bởi vì việc đào bới của Benny khiến nó chán cũng như cách mà những dự án hướng đạo sinh của ông Strunk đã khiến Benny chán - bỏ đi khai ngòi khẩu súng đại bác các bon. George đã từng qua gặp bà Strunk về chuyện khẩu súng này, cố giải thích với mẹ của lũ nhóc rằng nó khiến ông phát điên lên được. Nhưng bà Strunk không có ý định chiều lòng ông. Mỉm cười thoái thác, bà nói với George, "Tôi chẳng nghe thấy lũ trẻ gây ồn ào gì cả, chỉ toàn là tiếng động vui tai, khoan khoái của trẻ nhỏ thôi mà."

Thời gian và năng lượng của bà Strunk sẽ còn cho đến giữa trưa, khi bọn trẻ lớn từ trường trở về. Chúng vào nhà theo từng nhóm một, rồi hầu hết tất cả bọn con trai sẽ ủa ra ngoài cùng một lúc để tham gia vào những giờ giải trí đầy *nam tính* bằng việc chơi bóng. Chúng hò hét ầm ĩ, gắt gỏng lẫn nhau, rồi đá, rồi nhảy, rồi vồ bóng trong sự náo loạn. Khi bóng chạm xuống đất trong vườn, chúng giẫm đạp lên hoa cỏ, bò lên những tảng đá, phi ầm ầm lên sân hè của những nhà hàng xóm mà không thèm nghĩ đến chuyện sai quấy. Nếu có chiếc xe nào tình cờ đi qua con phố, ắt hẳn phải dừng lại và đợi cho đến khi chúng sẵn sàng để cho nó đi qua; chúng biết lợi thế trẻ con của chúng. Những bà mẹ phải nhốt bọn nhóc nhỏ hơn trong nhà để khỏi bị thương tích. Lũ con gái ngồi trên hiên nhà khúc khích cười với nhau, mắt lúng liếng nhìn đám con trai, và sẵn sàng làm những việc kỳ quái để thu hút sự chú ý của chúng: giả dụ như những đứa con gái nhà Cody cứ không ngừng phe phẩy quạt cho chú chó đen lông xù Hi Lạp, như thể con chó đó là nữ hoàng Cleopatra của sông Nile huyền thoại. Chúng bị ngó lơ bởi chính lũ bạn trai của chúng, vì đây không phải là giờ yêu đương. Những đứa con trai duy nhất để ý đến chúng vào lúc này là những đứa hiền khô, bẽn lẽn, như cậu con trai ẻo lả của ông bác sĩ đang buộc nơ lên những cuộn lông quần tít của con chó Hy Lạp kia.

Rồi cuối cùng, khi những người đàn ông trở về nhà sau một ngày làm việc, đó là lúc giờ dành cho họ bắt đầu, những trận cầu phải dừng lại. Vì thần kinh của ông Strunk đã chẳng lắng dịu được chút nào sau cả ngày dài cố thuyết phục bà góa phụ dần dần nhưng giàu có quyết định mua mảnh đất, còn tính khí ông Garfein thì sẽ chẳng ổn định chút nào sau hàng giờ chịu đựng sự căng thẳng ở công ty xây lắp bể bơi của ông. Nên họ và các đồng ông bố khác không thể nghe thêm một tiếng ồn ào nào nữa. Vào các ngày Chủ nhật, ông Strunk sẽ chơi bóng cùng các cậu con trai, nhưng đây cũng chỉ là một dự án giáo dục thể chất khác của ông, lịch sự, nghiêm túc và chắc chắn là chẳng vui vẻ chút nào.

Mọi cuối tuần đều có tiệc tùng. Các cô cậu thanh niên được khuyến khích ra ngoài nhảy

nhót và tán gẫu cùng nhau, ngay cả khi chúng chưa hoàn thành bài tập về nhà của mình, để người lớn có thể nghỉ ngơi thư giãn, chẳng suy tâm chuyện đời. Bà Strunk đang chuẩn bị sa lát cùng với bà Garfein trong bếp, ông Strunk đang bê bếp nướng ra ngoài sân, còn ông Garfein đang băng băng bước qua bãi đất trống với khay bia rượu và đồ chế cocktail trên tay, miệng bô bô trong hân hoan theo nhạc điệu của Thủy quân lục chiến “Martoonies đến đây!”

Hai, ba giờ đồng hồ sau, khi đã nốc hàng đồng cocktails, khi những tràng cười hô hố và những câu chuyện tục tĩu chấm dứt cùng với vài ba cái véo vào mông bà vợ của ông hàng xóm, khi bít tết và bánh ngọt đã nằm yên vị trong bụng, khi *Cánh Chì Em* - cách mà bà Strunk và các bà nội trợ khác sẽ còn tự gọi chính họ cho đến khi tròn tuổi 90 - đang dọn dẹp, bạn sẽ nghe thấy tiếng ông Strunk và các đức ông chồng khác nói chuyện oang oang và cười đùa trên hàng hiên, lưỡi thì lú lú nhưng đồ uống vẫn không ngừng được rót ra. Những rắc rối kinh doanh của họ đã biến xa ngàn dặm. Giờ thì họ sáng khoái và tự hào. Tự hào vì là những người chủ của mảnh đất Mỹ huyền thoại, vương quốc của cuộc sống tươi đẹp trên địa cầu, nơi mà những kẻ Xô Viết thì chế nhạo, lũ Trung Quốc thì ghét bỏ. Ồ đúng vậy, ông Strunk và ông Garfein rất tự hào về đất nước của họ. Nhưng tại sao giọng họ lại như của những đứa trẻ đang í ới gọi nhau khi khám phá ra một hang động tối tăm chưa ai biết đến, ngày càng lớn hơn, táo bạo và trơ tráo hơn? Liệu họ có nhận ra mình đang sợ? Không. Nhưng họ thực sự rất sợ.

Họ sợ cái gì ư?

Họ sợ những gì họ đang biết chỉ là một bóng đêm mờ ảo bao quanh họ, sợ điều có thể hiện ra bất cứ giây phút nào trước ánh sáng không thể trốn tránh được của những ngọn đèn, mà họ sẽ chẳng có thể tiếp tục tảng lờ chúng đi được nữa. Họ sợ những kẻ tàn ác trong xã hội, sợ phải nhìn người đàn bà quá xấu xí mà lại không chịu phẫu thuật thẩm mỹ, sợ con ma cà rồng hoang tàn thềm khát máu, sợ con quái vật hôi hám không thềm che giấu mùi, sợ sự tồn tại của tất cả những sinh vật xấu xa không dám kể tên.

Bên cạnh rất nhiều loại quái vật ngoài kia, George tự nhủ, họ sợ tôi.

Ông Strunk cố dùng những lời lẽ tàn độc để hạ gục George. Đã không ít lần ông gầm gừ “Pê dê” khi thấy George đi qua. Nhưng, dù sao thì đây cũng đã là năm 1962, đến cả người bảo thủ như ông Strunk cũng chỉ dừng lại ở đó, “Tao chẳng cần biết hần là cái loại người gì, miễn sao hần đừng có dây dưa gì đến tao là được.” Ông Strunk nói. Buồn cười là, nếu đánh giá trên tấm ảnh chụp ông Strunk trong bộ đồng phục của đội bóng trường đại học thì cũng khối người sẽ gọi ông là con búp bê di động.

Khác với chồng mình, bà Strunk lại có quan điểm và thái độ ôn hòa hơn nhiều, vì bà được đào tạo trong sự khoan dung, trong tuyệt chiêu hủy diệt của sự dịu dàng. Theo những cuốn sách tâm lý học của bà - tiếng chuông và ngọn nến không còn là cần thiết. Đọc chúng trong nhịp điệu ngân nga, bà bắt đầu trừ tà *điều xấu xa không được nhắc đến* ra khỏi George. Không có lý do để ghê tởm, không có chỗ cho sự chỉ trích, bà thì thầm. Không có gì là xấu xa chủ tâm

cả. Tất cả chỉ vì di truyền và môi trường sống (Xấu hổ thay cho những bà mẹ ích kỷ, nhục nhã thay cho những ngôi trường tư thục Anh Quốc tách biệt nam sinh riêng và nữ sinh riêng!) và sự ngưng trệ phát triển tuổi dậy thì. Kết quả là họ lạc lõng, bị tước đi mãi mãi những điều tốt đẹp nhất trong cuộc sống, họ đáng thương, không đáng trách. Một vài trường hợp phát hiện đủ sớm có thể sẽ khỏi bệnh khi điều trị tâm lý. Còn số còn lại thì - ôi, thật buồn; đặc biệt là khi nó xảy đến với những người thật đáng trân trọng, những người có thật nhiều điểm tốt đẹp để cống hiến cho gia đình và xã hội. Thậm chí họ có là những thiên tài đi nữa, thì các sáng tác vĩ đại của họ cũng luôn bị bóp méo giá trị. Vậy nên chúng ta hãy thấu hiểu, và nhủ lòng rằng, dù sao thì, cũng có những kẻ chống lại Chúa. Mặc dù nó hơi khác một chút, vì họ là những kẻ ngoại đạo hơn là lũ thần kinh. Chúng tôi bạo miệng mà nói rằng, mỗi quan hệ tình cảm kiểu này đôi khi có thể là đẹp tuyệt vời - nhất là nếu một trong hai người đã chết, hay cả hai thì còn đẹp hơn nữa.

Bà Strunk kính mến sẽ thích thú với cảm giác thương tiếc cho Jim lắm đây. Nhưng, tiếc thay cho bà, bà chưa biết tin gì về Jim; chẳng ai trong số họ biết. Nó xảy ra ở Ohio, và tuần báo L.A thì chẳng thêm màng đến câu chuyện này. George chỉ đơn giản loan tin trong phố rằng các đồng sinh thành của Jim, những người rất thân thiện với ông trong hàng năm trời, đã từ lâu cố gắng thuyết phục Jim trở về nhà và sống với họ; và rằng, trong chuyến viếng thăm gần đây nhất của Jim về gia đình, anh quyết định sẽ lưu lại đó mà chưa biết khi nào sẽ trở về. Mà đúng thực là như vậy. Về phía những con thú, những vật gọi nhắc về Jim đó, George đã phải tổng ra khỏi tầm mắt ngay lập tức; ông không thể chịu được ý nghĩ chúng lớn vờn quanh khu vực này. Nên khi bà Garfein hỏi ông có muốn bán những con sáo sậu hay không, George trả lời ông đã gửi chúng về ở với Jim. Thực tế thì, một kẻ buôn thú ở San Diego đã mang chúng đi mất biệt.

Và giờ, cứ mỗi khi bà Strunk hay ai hỏi, George lại trả lời rằng, Jim mới gọi và anh vẫn khỏe. Cho đến khi những lời hỏi thăm của họ về anh ngày một thưa dần. Họ tọc mạch nhưng cũng khá thờ ơ.

Nhưng những cuốn sách của bà sai rồi, bà Strunk ạ, George nói. Trong lòng ta, Jim không phải là sự thay thế cho đứa con trai, anh bạn trẻ, hay cho người chồng, người vợ ta chưa bao giờ có. Jim chưa bao giờ là vật thay thế cho bất kỳ thứ gì. Và xin lỗi bà, chẳng thứ gì có thể thay thế được Jim cả, không có thứ gì, ở bất cứ nơi đâu.

Lẽ trù tà của bà thất bại rồi, bà Strunk ơi. George vừa ngồi trên bệ tiêu nghĩ thầm vừa ngó ra từ *hang ổ* của ông để ngắm bà Strunk trút túi đựng rác của máy hút bụi vào trong thùng. *Điều xấu xa cấm kỵ* vẫn còn ngụ ở đây - ngay trước mắt bà.

*

* *

Trời đánh thánh vật. Có điện thoại. Kể cả khi công ty điện thoại đã cung cấp cho ông đường dây dài nhất có thể, nó vẫn không đủ dài để kéo tới nhà tắm. George đứng dậy và lạch bạch lê bước vào phòng đọc sách, trông ông như thể đang tham dự cuộc đua chui vào bao và nhảy lò cò.

“A lô.”

“Chào buổi sáng. Phải anh đấy không, Geo?”

“Chào buổi sáng, Charley.”

“Em không gọi sớm quá chứ?”

“Không.” Ôi trời, chưa gì bà đã khiến ông cáu tiết lên được! Nhưng làm sao ông nỡ trách bà vì đã làm ông phải đứng khố sở trong tình trạng chưa “chùi” sạch sẽ, với chiếc quần vẫn còn nằm tụt dưới mắt cá chân? Dù sao bạn cũng phải thừa nhận, Charlotte đã chọn chẳng đúng thời điểm lắm để mà gọi cho ông.

“Anh chắc chứ?”

“Dĩ nhiên là chắc. Anh đã dùng xong bữa sáng.”

“Em đã sợ nếu em đợi thêm chút nữa mới gọi thì anh sẽ đến trường mất... Ôi trời, em không để ý, đã muộn thế này rồi cơ à! Chẳng phải đã đến giờ anh lên lớp rồi sao?”

“Hôm nay anh chỉ có một tiết. Và sẽ không bắt đầu cho đến tận 11 giờ 30. Những ngày anh phải dậy sớm là thứ Hai và thứ Tư.” Tất cả những điều này được giải thích trong sự từ tốn và kiên nhẫn.

“Ồ phải, phải, đúng rồi. Em mới đoảng trí làm sao! Lúc nào cũng quên.”

Im lặng. George biết bà muốn hỏi ông điều gì đó. Nhưng ông sẽ không tạo điều kiện cho bà. Ông bực bội vì sự ngớ ngẩn của bà. Tại sao bà phải ngụ ý rằng bà nắm rõ lịch trình của ông? Lại một trong những biểu hiện của tính muốn chiếm hữu của bà. Nếu bà thực sự nghĩ bà rành lịch dạy của ông, tại sao còn nhầm lẫn?

“Geo...” bà ngập ngừng hồi lâu. “Liệu tối nay anh có rảnh không?”

“Anh e là không. Không.” Một giây trước khi mở miệng trả lời, ông không biết mình sẽ nói gì. Nhưng sự tuyệt vọng trong giọng nói của Charlotte đã khiến ông quyết định hôm nay ông không có hứng cho một cơn khủng hoảng nữa của bà.

“Ồ... Em hiểu rồi... Em cũng đã sợ là anh sẽ không rảnh. Em biết là hơi gấp.” Giọng bà nghe nửa sững sờ, rất lặng lẽ và vô vọng. George đứng đó chờ đợi tiếng cúp máy. Không có gì xảy ra. Mặt ông nhăn lại vì khó chịu và áy náy - kết quả của việc nhận ra mắt cá chân của mình đang ngày càng dính nhớp và bị trói chặt.

“Em đoán là anh không thể - ý em là - em đoán anh có việc quan trọng?”

“Anh sợ là vậy.” Cái nhăn nhó vì tội lỗi trên mặt ông dần dần ra và biến mất. Giờ thì ông giận bà thật rồi. Ông sẽ không để bà làm cho mặc cảm.

“Em hiểu rồi... Dù sao thì, chẳng có gì to tát.” Bà đã kiên cường trở lại. “Em sẽ gặp anh sau vậy, có thể trong vài ngày tới?”

“Dĩ nhiên rồi.”Ồ, giờ thì bà đã yên vị ở nhà, tại sao không tỏ ra thân thiện một chút cho bà vừa lòng? “Hoặc anh sẽ chủ động gọi cho em.”

(Một thoáng yên lặng).

“Vậy thì, tạm biệt, Geo.”

“Tạm biệt, Charley.”

Hai mươi phút sau, bà Strunk bước ra bậc thềm và tưới nước cho những bụi dâm bụt của bà, bà nhìn George lái xe băng qua cây cầu. Đạo gần đây, nó lún ngày càng tợn. Bà hi vọng ông sẽ sớm sửa lại nó. Một trong số lũ trẻ của bà có thể bị đau khi chơi ở đây không chừng. Khi ông đi vào con phố, bà vẫy tay với ông, ông vẫy lại.

Người đàn ông đáng thương, bà nghĩ thầm, sống một thân một mình. Ông ta có khuôn mặt cũng khá phúc hậu.

*

* *

Một trong những điều kỳ diệu và may mắn của hệ thống cao tốc Los Angeles là bạn có thể đi từ bãi biển tới Cao đẳng bang San Tomas chỉ trong vòng 50 phút, thay vì gần hai giờ đồng hồ bò trên đường qua hết đèn đỏ này đến đèn đỏ khác dọc khu nội thành cho đến ngoại ô như ngày trước.

George dành một tình yêu mến đặc biệt cho những xa lộ cao tốc. Ông tự hào rằng chúng thật nhanh, rằng người ta lạc trong cơn say tốc độ khi đi trên nó đến độ đôi khi hoảng loạn và phải tấp vội vào điểm ngừng cắt gằn nhất. George yêu những xa lộ cao tốc vì ông vẫn còn có thể đương đầu với nó; và vì ông vẫn còn có thể đương đầu với nó chứng tỏ rằng ông vẫn còn hoạt động, vẫn còn là một thành viên của xã hội. Ông vẫn còn có thể sống.

Giống như mọi kẻ thích coi thường nguyên tắc khác, George rất nhạy cảm trước luật lệ và quy định của thành phố. Hãy nghĩ xem, bao nhiêu người đã bị bắt chỉ vì phốt lờ, không chịu nộp phạt khi đỗ xe sai quy định. Chưa một lần George nhìn hộ chiếu của mình khi bị đóng dấu ở hải quan hay đưa chứng minh nhân dân để nhận dạng khi có việc ở bưu điện mà không nghĩ thầm hân hoan, “Lũ gốc, lừa được chúng mày rồi nhé!”

Sáng nay, ông sẽ lại qua mặt chúng lần nữa, trong cuộc đua xe hai bánh không mui do ngựa kéo điên cuồng giữa phố phường - mà đến Ben Hur^[6] chắc cũng sợ hãi mà bỏ cuộc - phi nước đại từ ngõ này đến hẻm khác, tốc độ không bao giờ tụt xuống dưới 80 dặm khi ngoặt qua những con hẻm trái, không nảy lên rầm rầm khi có đứa bé điên khùng nào bám vào đuôi, hay khi một bà nào đó vượt qua mặt ông một cách sắc gọn. Lũ cớm trên những chiếc xe mô tô của chúng sẽ chẳng phát hiện được gì để mà rú ánh đèn nhấp nháy màu đỏ của chúng nhằm cảnh báo ông dừng lại và tấp vào lề đường, để mà từ đó hộ tống ông một cách nhã nhặn nhưng đầy cứng rắn đến nhà dưỡng lão, nơi những *Công dân có thâm niên cao* an nhàn đi vào tuổi già (trong đất nước của sự diu dằng tử tế này, “già” đã và đang trở thành một từ xấu xa bản thủ ngang với “*đồ Do Thái*” hay “*mọi da đen*”), và được “tái dạy” cách chơi những trò chơi thời thơ ấu, nhưng có điều khác: bây giờ người ta gọi nó là “trò tiêu khiển” thay vì chơi để học hỏi như ngày xưa. Ôi, cứ kệ xác bọn họ ra sao thì ra, cứ để cho họ thỏa mãn những thú vui họ muốn mà không bị ngăn cấm như khi còn trẻ con - như trò chơi tình ái chẳng hạn. Thậm chí cứ để cho họ kết hôn nếu họ thích, 80 tuổi, 90 tuổi hay 100 tuổi, ai thêm bận tâm? Bất cứ điều gì có thể khiến cho họ bận rộn suốt ngày để khỏi lượn lờ ngoài đường và làm tắc nghẽn giao thông.

Lúc nào cũng có một khoảnh khắc khó chịu thoáng qua khi bạn vượt qua con dốc để đi vào xa lộ và bắt đầu cái gọi là “nhập làn giao thông”. George có cảm giác sợ đến rùng mình không thể lý giải, cảm giác không thể dập tắt chỉ bằng việc kiểm tra đường qua gương chiếu hậu, rằng, ông sắp bị tông phải từ phía sau. Rồi giây phút tiếp sau đó, ông đã nhập làn, an toàn phóng tiếp trên con dốc dài vắng, vượt qua cửa ngõ xa lộ nhắm tới hướng thung lũng.

Và giờ, ngồi sau tay lái, có thứ gì đó như thuật thôi miên tự động chồm lên chiếm quyền kiểm soát. Khuôn mặt ông giãn ra, hai vai thả lỏng, thân thể từ từ thoải mái yên vị trên ghế. Ông cứ thế lái theo phản xạ; chân trái giữ một lực chắc chắn và đều lên bàn côn, chân phải cần trọng nhấn ga. Tay trái ông đặt hờ lên bánh lái, tay phải chuyển số sang cao hơn. Mắt ông cứ thong thả chuyển từ đường đến kính, kính sang đường, bình tĩnh đo khoảng cách phía trước, phía sau và tới chiếc xe gần nhất... Dù sao thì đây cũng không phải là một cuộc đua xe ngựa khùng điên thực sự - chỉ là nó có vẻ như vậy đối với những người nhìn từ ngoài vào hay với

những kẻ mới học lái còn đang run rẩy - nói chính xác thì nó phải như một con sông, chảy xiết về phía trước với dòng nước cuồn cuộn êm ái đầy sức mạnh. Chẳng có gì phải sợ, miễn sao bạn để chính mình thư giãn với nó, thậm chí bạn sẽ còn khám phá ra ở giữa dòng chảy tốc độ đó là một cảm giác thanh nhàn và biếng nhác.

Lại có gì đó mới xảy đến với George, khuôn mặt ông trở nên căng thẳng, từng thớ thịt cuộn lại nơi quai hàm, môi ông mím vào nhau và giật giật đầy giận giữ, hai hàng lông mày nhíu lại. Ấy vậy mà, trong khi tất cả những điều này đang diễn ra, cơ thể ông vẫn giữ được tư thế hoàn toàn thoải mái. Càng lúc nó càng chứng tỏ rằng nó đang tách rời ra và trở thành một thực thể riêng biệt: một dáng hình người tài xế ẩn danh bình thản với hầu như chẳng chút cá tính hay ý chí của riêng nó, chỉ đơn thuần là hiện thân của sự hợp nhất các tế bào cơ, không chút lo âu và yên lặng lái chủ nhân của nó tới nơi làm việc.

Và George, như một ông chủ đã phó mặc việc lái xe cho người hầu của mình, giờ đây rảnh rỗi để dành sự chú ý của mình vào mọi nơi khác. Trong lúc họ vượt qua đỉnh con đèo của xa lộ, ông ngày càng mất đi sự quan tâm đến mọi việc bên ngoài - xe cộ khắp nơi, con dốc của xa lộ đang ở trước mặt, nhà cửa, vườn tược trong thung lũng dần hiện ra trước mắt trong làn sương khói ẩm ướt và u ám trên hoặc dưới những ngọn đồi trọc nhô cao. Ông đã chìm vào sâu trong chính mình.

Ông định làm gì?

Bên rìa bãi biển, một tòa cao ốc khổng lồ xấp xỉ, nơi sẽ chứa hàng trăm căn hộ mới, đang ngày một vươn lên chọc trời trong giàn giáo xù xì của nó. Nó sẽ che chắn khung cảnh của bãi biển từ công viên cho tới những rặng đá chót vót phía xa. Khi trả lời cho những bất bình của dân chúng, người đại diện cho dự án này nói rằng, (hay ít ra là ông ta đã ám chỉ rằng) nếu những người sống ở đây chấp nhận trả 450 đô la hằng tháng để ngắm cảnh này, thì tại sao những người sử dụng công viên (bao gồm cả George) lại được ngắm miễn phí?

Một biên tập viên tờ báo địa phương đã bắt đầu chiến dịch chống lại sự lệch lạc giới tính (mà một lần nữa cũng bao gồm cả George). “Họ có mặt ở mọi nơi,” hắn ta nói. “Bạn không còn có thể đi bar, vào nhà vệ sinh nam, hay vào thư viện công cộng mà không bắt gặp phải một cái nhìn đến ghê tởm từ phía họ. Và phải nhắc bạn rằng, tất cả bọn chúng, không ngoại lệ, đều mang trong người bệnh giang mai. Những bộ luật hiện hành chống lại chúng là còn quá nhân từ.”

Ngài thượng nghị sĩ vừa đưa ra lời phát biểu xác minh rằng chúng ta nên tấn công Cuba ngay tức khắc bằng tất cả vũ lực chúng ta có. Ngài thượng nghị sĩ cũng không bác bỏ rằng, điều này đồng nghĩa với việc chiến tranh tên lửa sẽ có thể xảy ra. Chúng ta phải thừa nhận sự thật rằng, nếu không chiến đấu có nghĩa là đánh mất danh dự. Chúng ta phải sẵn sàng để hy sinh ba phần tư dân số (bao gồm cả George).

George nghĩ, sẽ khá thú vị nếu lên vào khucao ốc đó ban đêm, ngay trước khi khách trọ chuyển đến và xịt “chất thơm” được chuẩn bị *đặc biệt* lên khắp các bức tường của mỗi căn phòng, mà chắc chắn sẽ chẳng ai để tâm lúc mới đầu, nhưng dần dần nó sẽ mạnh dần lên cho đến khi bốc mùi như những xác chết đang thối rữa. Họ sẽ cố để làm nó biến mất bằng mọi chất khử mùi mà khoa học có thể phát minh, nhưng vô ích thôi. Đến cuối cùng khi họ buộc phải xé toạc các tấm thạch cao và sàn gỗ ra trong tuyệt vọng, họ sẽ nhận ra rằng, chính những cái xà nhà là thứ đang bốc mùi nồng nặc. Họ sẽ bỏ rơi tòa nhà này như những người Khmer đã bỏ rơi Angkor[7]. Nhưng nó sẽ cứ mãi bốc mùi ngày càng mạnh cho đến khi họ phải dỡ bỏ nó ra khỏi bờ biển này. Rồi cuối cùng, cả công trình đó sẽ bị các công nhân trong mặt nạ chống độc đập vụn ra thành từng mảnh và nghiền thành bột mà ném xuống đại dương sâu thẳm. Hay có lẽ sẽ là thực tế hơn nếu khám phá ra một loại vi rút có thể ăn mòn cái thứ gì đó đã tạo nên tính rắn của kim loại. Điểm lợi của cách phá hoại này so với “chất thơm” là chỉ cần một phát duy nhất vào một điểm duy nhất đã đủ để vi rút ăn mòn toàn bộ kim loại của cả tòa nhà. Và rồi, khi tất cả mọi người đã dọn vào căn hộ của họ với những bữa tiệc tân gia ấm ỉ, cả tòa cao ốc đó sẽ lún xuống và sụp đổ thành một đồng hồ lớn như món mì Spaghetti.

Rồi George nghĩ, sẽ buồn cười làm sao nếu bắt cóc gã biên tập viên tờ báo địa phương và những nhà báo dưới trướng hắn, những tên chịu trách nhiệm cho các bài luận chống lại sự lệch lạc giới tính - và có thể cả lão cảnh sát trưởng cùng với tên trưởng nhóm bảo vệ trật tự, những tên bộ trưởng đã tán thành chiến dịch đó nữa - đem chúng đến trường quay ngầm bí mật dưới lòng đất, sau một hồi thuyết phục - chắc chắn chỉ cần cho chúng thấy những que còi và kim sắt nung đỏ rực cũng đủ khiến chúng sợ, rồi bắt chúng quan hệ tình dục với nhau đủ kiểu, theo từng đôi, từng nhóm trong sự thỏa mãn tột cùng. Cuốn phim đó sẽ được xử lý thêm để mau chóng cho ra rạp chiếu. Trợ lý của George sẽ gây mê những người bảo vệ rạp để không ai có thể bật điện lên cả, rồi sẽ khóa cửa ra vào, chiếm lấy máy chiếu và bắt đầu cho phim chạy sau phần quảng cáo phim mới.

Về phần ông thượng nghị sĩ, sẽ chẳng phải là rất thú vị sao nếu như...

Không.

Lúc này, lông mày George nhíu lại và giật giật hung tợn, môi ông mím lại mỏng như dao cạo.

Không. Thú vị không phải là từ có thể diễn tả hết. Những loại người này không phải dành cho sự vui vẻ thông thường. Bọn chúng không đáng để được cảm nhận sự vui thú. Với chúng chỉ có một loại ngôn ngữ duy nhất mà chúng hiểu: vũ lực tàn độc.

Bởi thế nên ta phải chuẩn bị một chiến dịch đáng sợ có hệ thống bài bản. Để có thể thành công, việc này cần phải có một tổ chức gồm ít nhất là năm trăm sát thủ nhà nghề và những kẻ tra tấn máu lạnh. Kẻ cầm đầu tổ chức sẽ phác thảo một danh sách gồm những mục tiêu cụ thể và đơn giản như thủ tiêu tòa nhà chung cư cao cấp kia, bịt miệng bọn nhà báo và loại bỏ tên thượng nghị sĩ. Bọn chúng sẽ nhận được những mệnh lệnh từ tổ chức, tùy vào thời gian và số lượng thương vong. Trong mỗi trường hợp, mục tiêu sẽ nhận được một thư cảnh cáo, ký tên “Bố già George”, giải thích cặn kẽ những việc hắn cần làm trước thời gian hành quyết nếu hắn

muốn bảo toàn tính mạng. Thư cảnh cáo cũng nói rõ rằng “bố già George” hành động theo quan điểm khoan dung cho kẻ biết quay đầu.

Một phút trước giờ hành quyết, cuộc tàn sát sẽ bắt đầu. Việc xử tử mục tiêu sẽ chậm lại một vài tuần hay vài tháng để cho hắn có thể sửa đổi. Trong thời gian đó, sẽ có những cảnh cáo thường nhật. Ví dụ như vợ của mục tiêu sẽ bị bắt cóc, thắt cổ cho đến chết rồi đặt lên ghế trong phòng khách đợi mục tiêu trở về từ văn phòng. Hay đầu những đứa con của hắn sẽ được chặt gọn, đóng vào thùng các tông và gửi đến nhà cho hắn. Hay quay lại cảnh người thân của hắn bị tra tấn cho đến chết. Nhà của bạn bè hắn nổ tung trong đêm. Bất kể ai đã từng qua lại quen biết với hắn đều sẽ lọt vào tầm ngắm.

Khi hành động của tổ chức đã đủ để chứng minh rằng họ nói là sẽ làm, thì dân chúng sẽ dần nhận ra rằng họ phải răm rắp tuân theo lệnh của “Bố già George” mà không có quyền chất vấn.

Nhưng “Bố già George” có muốn được người ta tuân lệnh không? Chẳng phải ông muốn dân tình chống đối để ông có thể tiếp tục chém giết mãi không thôi sao? Chẳng phải tất cả những người này chỉ là một lũ sâu bọ vô lại, càng nhiều người trong số chúng chết thì càng tốt cho xã hội sao? Suy cho cùng thì, cái chết của Jim cũng chính là vì chúng, vì lời lẽ, suy nghĩ và cách sống của chúng nó, cho dù chúng đã chẳng biết Jim là ai. Nhưng khi George chìm sâu vào những suy tưởng này thì Jim chẳng còn là vấn đề nữa. Jim chẳng còn là gì ngoài lý do để ông ghét ba phần tư dân số còn lại của nước Mỹ... Quai hàm George động đậy, rằng ông nghiền lại như thể ông đang nhai từng chút từng chút một nỗi căm ghét của ông.

Có phải George thực sự ghét hết tất cả bọn họ? Chẳng phải bản thân họ chỉ là lý do để ông được ghét? Vậy lòng căm hận của George là gì? Chẳng gì hơn là chất kích thích; cho dù không chút nghi ngờ, nó rất tệ cho ông. Thịnh nộ, oán giận, cáu bẳn - là sức sống của tuổi trung niên. Nếu ta nói rằng ông ấy khá khủng điên ngay trong lúc này đây, thì có lẽ ít nhất nửa tá những người đang bò ra đường trong ô tô của mình ngoài kia cũng vậy. Giao thông mỗi lúc một đông hơn. Hàng dòng xe tuột xuống phía bên kia ngọn đồi, chạy dưới cây cầu lửng, rồi lại vọt lên bỏ xa Nhà kho Công đoàn... Ôi trời! Chưa gì đã vào tới trung tâm thành phố rồi đấy. George sửng sốt ra mặt khi nhận thấy tên tài xế mang bóng hình của chính ông đã phá kỉ lục: chưa bao giờ nó tự chạy với tốc độ cao đến thế này. Và điều này lại khiến câu hỏi lúc trước quay trở lại: liệu có phải cái thân xác bên ngoài của ông đang ngày càng trở thành là một cá thể của chính nó, tách ra khỏi sự điều khiển của não bộ của ông? Liệu có phải nó đang sẵn sàng để chiếm lấy một phần lớn hơn trong cuộc sống của George?

Bây giờ không phải là lúc để lo lắng đến chuyện đó. Chỉ mười phút nữa ông sẽ đến nơi rồi. Chỉ mười phút nữa, George sẽ phải là George - George mà bọn họ gọi và nhận ra. Vậy nên ông phải giành lại ý thức, giành lại quyền kiểm soát của cái thân thể này cả trong suy nghĩ, hành động lẫn tâm trạng. Với kỹ năng của một người kỳ cựu lãnh nghề, ông nhanh chóng lấy lại vẻ đĩnh đạc, *điểm trang tâm lý* lại cho vai diễn của ông.

Ngay sau khi rời khỏi đường cao tốc để tiến vào Đại lộ San Tomas bạn sẽ quay trở lại một Los Angeles lờ mờ, buồn ngủ và chậm chạp của những năm 30, vẫn còn vật lộn hồi phục sau cuộc Đại khủng hoảng, chẳng có một đồng xu dư thừa nào cho việc sơn mới. Và quyến rũ làm sao! Một địa hình nhấp nhô của những ngọn đồi dốc đứng đầy những ngôi nhà trắng với đầy những vết vôi vữa rạn nứt ở hai bên hông và trên nóc nhà, chúng được xây với dụng ý tạo nên vẻ độc đáo duyên dáng chứ không xấu xí như mớ lùm xùm những dây nhợ và cột điện kia. Người Mexico sống ở đây, nên có rất nhiều hoa. Người da đen sống ở đây nên luôn tràn ngập tiếng cười. George không phiền nếu phải sống ở đây vì chẳng ai họ cũng sẽ chỉ chú mắt vào tivi hay radio của họ cả ngày mà thôi. Nhưng ông sẽ chẳng bao giờ quát mắng những đứa trẻ này, những người dân ở đây không phải là kẻ thù. Nếu họ chấp nhận George, họ thậm chí còn có thể trở thành đồng minh không chùng. Họ chưa bao giờ có mặt trong những tưởng tượng của “Bố già George”.

Khuôn viên của trường Cao đẳng Bang San Tomas nằm ở bên kia xa lộ. Để đi đến đó, bạn phải băng qua cây cầu vượt, quay ngược trở lại một chút về phía công trình đập phá - tái xây dựng - đập phá - tái định cư. Đó vốn là một ngọn đồi nhỏ trước khi bị *vỡ ra* từng mảnh và được chở đi bằng xe tải hay bị *chặt đầu* bởi những chiếc xe ủi khổng lồ, và mảnh đất tràn ngập những dây nhà thô còn chưa hoàn thiện. Từng khu nhà tập thể thấp mái (mà lúc nào cũng được gọi là “nhà” và mô tả như “một hình thức sống mới”) được dựng nên nhanh nhất có thể ngay khi họ nối được đường dây điện và đường thoát nước. Thật đối trá khi nói chúng giống hệt nhau; có căn thì mái màu nâu, căn thì mái xanh, và gạch lát trong nhà tắm của mỗi căn cũng chẳng mấy khi trùng nhau cả. Mỗi khu nhà cũng có sự độc lập riêng của nó. Chúng mang những cái tên khác nhau, mà chỉ có những tên nhà thầu mới nghĩ ra nổi. Bọn họ gọi chúng là: Bầu trời của Chúa, Viễn cảnh lớn, Thợ săn độ cao...

Trung tâm của những phân loại, dịch chuyển và đập phá này là khuôn viên của trường Cao đẳng Bang. Một tòa nhà hiện đại bằng gạch, kính và những cửa sổ lớn, đã xây được ba phần tư và đang gấp rút đến điên cuồng để hoàn thiện. Tiếng ồn từ công trình xây dựng thật là khủng khiếp ở một số lớp học, sinh viên phải thực sự tập trung nhưng cũng chẳng nghe được các giáo sư nói gì. Khi cơ sở vật chất của trường được hoàn thiện hoàn toàn và đi vào hoạt động hết công suất thì nó sẽ có thể đủ sức chứa đến tận 20 nghìn sinh viên. Nhưng chỉ không đến 10 năm nữa, nó sẽ phải gồng mình gánh bốn mươi, năm mươi ngàn sinh viên. Rồi thì mọi thứ sẽ lại bị đập bỏ một lần nữa để xây mới lại, cao gấp đôi hiện giờ.

Nhưng dù sao, cũng đáng ngờ rằng cho đến lúc đó, khuôn viên trường sẽ bị xâm chiếm bởi chính bãi đỗ xe của nó, rồi nó sẽ là nguyên nhân khiến một rừng xe bị bỏ rơi bởi các sinh viên vào các ngày trong tuần vì lý do kẹt xe, trong tương lai gần. Thậm chí vào thời điểm này đây, bãi đỗ xe đã rộng bằng một nửa khuôn viên cả trường rồi mà vẫn chật kín chỗ, đến mức bạn phải đi lòng vòng mãi mới có thể tìm được một chỗ trống để tấp vào. Hôm nay George gặp may. Ngay gần lớp học của ông có một chỗ trống. George đẩy tấm thẻ đỗ xe của mình vào đó (một chút bằng chứng chứng tỏ ông là George); thanh ba-ri-e mở ra trong co giật khe khẽ (đồ máy móc dở hơi) và ông lái xe vào.

Gần đây, George đang tự huấn luyện mình để nhận ra xe của các sinh viên của ông. Ông vẫn không ngừng những quá trình tự phát triển bản thân: có lúc đó là huấn luyện trí nhớ, có lúc là giảm cân, có lúc chỉ là tự nhủ sẽ đọc một trong Một trăm cuốn sách hay nhất không thể nuốt nổi. Ông hiếm khi kiên trì với chúng được lâu. Nhiệm vụ hôm nay là nhận diện được ba chiếc xe, không kể chiếc xe mô tô tay ga của cậu du học sinh người Ý, mà cậu ta dùng để phóng như điên như dại (hoặc giả cậu ta quá dũng cảm) hết lên rồi lại xuống trên xa lộ cao tốc như thể cậu ta đang ở trên con đường Via Veneto[8]. Có một chiếc xe Ford hơi tả và không-được-trắng-lắm của Tom Kugelman, mà cậu ta giờ đây đã in vết lên phía sau một chữ TRẮNG to chà bá. Có một chiếc Pontiac xám đậm của cậu sinh viên nửa Trung nửa Hawaii, dán đầy những tấm sticker lên gương chiếu hậu, trên đó viết “CHỦ NGHĨA DUY NHẤT MÀ TÔI TIN VÀO LÀ TRƯỜNG PHẢI NGHỆ THUẬT TRỪU TƯỢNG”. Cậu nói đùa đó cũng không hẳn là đùa, vì cậu ta thực sự đang theo ngành nghệ thuật trừu tượng. Thật không tương xứng khi một cậu trai với nụ cười ngọt ngào như nụ cười của con mèo Cheshire, làn da mịn như kem, và sự trang nhã như một con mèo thanh lịch lại có thể tạo ra những bức tranh sơn dầu u ám, ảm đạm hay sở hữu một chiếc xe thô tục như vậy. Cậu ta có cái tên tuyệt đẹp, Alexander Mong. Còn có một chiếc xe MG bóng lộn không một vết bẩn của Buddy Sorensen, ngôi sao bóng chày với cặp mắt trắng dã long lanh nước, và một huy hiệu “Vì một thế giới không Bom” trên ngực. George đã bắt gặp Buddy phóng vọt qua mặt vài lần trên xa lộ, vừa lái vừa cười một mình như thể đời chẳng có gì đáng để bận tâm.

Giờ thì George cũng đã đến nơi. Ông không thấy hồi hộp một chút nào. Bước chân ra khỏi ô tô, ông đột nhiên cảm thấy một luồng năng lượng dồi dào dâng lên, hăm hở sẵn sàng bắt đầu vở diễn. Ông hăng hái bước đi thoăn thoắt trên con đường rải sỏi qua tòa nhà Âm nhạc để đến khu phòng làm việc của các Giáo sư. Lúc này, ông như một diễn viên siêu hạng đang trên đường đến phòng thay đồ, gấp gấp bước qua cánh gà, nơi chứa đựng nào những cột chống, cột đèn và những người phụ việc hậu đài, để mở ra tấm rèm che sân khấu và bước lên sàn diễn. Một diễn viên kỳ cựu, điềm đạm và tự tin. Ông đo lường chính xác để dừng lại một giây trước cửa vào văn phòng, rồi ngân nga một giọng Anh chuẩn xác, mạnh bạo, rõ ràng và tinh tế mà mọi người trông đợi ở ông để mở màn cho vở diễn: “Chào buổi sáng!”

Ba cô thư ký, mỗi cô quyến rũ và thành công với mỗi phong cách riêng trong vai diễn của chính mình, nhận ra ông ngay lập tức, không chút mảy may nghi ngờ. Họ “Chào buổi sáng tốt đẹp!” đáp lại ông. Có gì đó thật tín ngưỡng trong những lời chào này, như cách mà các con chiên trong nhà thờ đáp lại lời linh mục - một sự xác nhận đức tin giáo điều căn bản của người Mỹ, luôn luôn là một buổi sáng tốt đẹp. Tốt thôi, bất chấp người Nga và tên lửa của họ, bất chấp mọi bệnh tật và lo toan của xác thịt trần tục. Vì dĩ nhiên, chẳng phải là chúng ta đều biết người Nga và những lo lắng chẳng đáng ngại, phải không? Chúng có thể bị tâng lờ và làm cho tan biến khỏi trần gian để cho buổi sáng có thể trở nên tốt đẹp. Ừ, thích thì tốt đẹp.

Mỗi giảng viên trong khoa Anh Ngữ có ngăn tủ riêng của họ ở văn phòng, và tất cả chúng đều được chất đầy những giấy tờ. Thật là một phương pháp giao tiếp kỳ quặc làm sao. Mọi thông báo của mọi ủy ban, phòng khoa, với mọi chủ đề, sẽ được đánh máy và in ra hàng trăm bản. Mọi người đều được thông báo trong MỌI vấn đề. George liếc qua đồng giấy tờ của ông rồi quẳng chúng vào sọt rác, chỉ trừ tấm các hình chữ nhật bị cắt rãnh, xé toạc và lồng vào nhau bởi máy IBM, trông như tấm thẻ căn cước của một sinh viên nào đó. Đúng vậy, đó là thẻ sinh viên. Có lẽ thay vì ký nhận theo yêu cầu và gửi trả lại Phòng Tổ chức thì George đã có ý định xé nó ra thành nhiều mảnh vụn? Nếu vậy, ngay tức khắc sinh viên đó sẽ không còn tồn tại trong

Cao đẳng Bang San Tomas này nữa. Cậu ta sẽ trở nên vô hình và sẽ chỉ lại xuất hiện sau khi trải qua một quá trình cam go, hoàn tất hàng đồng thủ tục rườm rà: điền vào cả tá những mẫu đơn và bản cam kết để được cấp lại một tấm thẻ mới.

George ký vào tấm thẻ, giữ chặt nó bằng hai đầu ngón tay. Thậm chí ông ghét phải chạm vào những thứ này, vì sự thần bí ngu si nhưng đầy uy lực tiềm ẩn và ma thuật xấu xa của chúng: ma thuật của những vị thần tư duy máy móc, những kẻ chỉ có một giáo điều duy nhất là không được phạm sai lầm. Ma thuật này ở chỗ: bất kể khi nào họ phạm sai lầm (mà buồn cười thay là khá thường xuyên), họ sẽ nhớ mãi sai lầm đó và không bao giờ dám tái phạm. Cứ nhón hai đầu ngón tay mà cầm tấm thẻ như vậy, George mang nó lại chỗ một trong ba cô thư ký, người sẽ đảm trách việc trả nó về Phòng Tổ chức. George nhặt chiếc giữa móng tay trên bàn cô thư ký, vừa giả đồ rạch một đường trên tấm thẻ vừa nói, “Để xem có đủ sắc không nào.” Cô thư ký cười nhạt, ánh mắt thoáng lên vẻ khó chịu vì bị quấy rầy. George coi đó như sự báng bổ.

Cảm thấy thà tự vui vẻ với chính mình còn hơn ở lại đây, George bước ra khỏi văn phòng, hướng tới khu căn-tin.

Ông bắt đầu sải bước trên con đường trống rộng lớn giữa khuôn viên trường, bao quanh bởi tòa nhà Khoa Nghệ thuật, phòng thể dục, tòa nhà khoa Công nghệ và tòa Quản lý. Bãi cỏ và những rừng cây con vừa được trồng với hy vọng sẽ cao lớn và tỏa tán xum xuê, đem lại cho nơi đây chút bóng râm dịu mát trong vài năm nữa, nhưng chẳng biết chừng khi đó chúng sẽ lại bị chặt bỏ cùng với các tòa nhà này để xây lại như ông đã dự đoán. Không khí phảng phất vị sương khói, khiến mắt ông cay cay. Những ngọn núi trong dãy San Gabriel - thứ vẫn mang lại cho trường Cao đẳng Bang San Tomas này vẻ huyền bí quyến rũ của một trường học cao chót vót trên rặng Andes - đang ẩn náu trong làn khói vàng chán ngấy tỏa ra từ thành thị dưới chân nó như thường lệ.

Và giờ thì, bốn bề xung quanh George, những bóng người đang tiến sát lại gần, từ mọi hướng vượt qua lối ông đi, đó là những cô cậu sinh viên, những sinh vật hữu hình, những nguyên liệu thô sơ được nuôi dưỡng hằng ngày tại nơi đây, vượt qua chặng đường dài trên xa lộ chờ để được nhồi nhét, đóng gói và chuyển ra chợ bán: Da đen có, Mexico có, Do Thái có, Nhật có, Trung Quốc có, La tin có, Đông Âu có, Bắc Âu có, những cái đầu đen nhóm lẩn át những cái đầu vàng. Có kẻ vội vã cho kịp thời gian biểu, có kẻ đứng quanh quẩn vô công rồi nghề buôn chuyện với nhau, có kẻ vừa đi vừa nghiêm túc tranh cãi, có kẻ lăm nhăm bài học một mình, kẻ nào cũng tay nách xách mang hàng đồng sách trên mình, kẻ nào cũng căng thẳng lo lắng.

Chúng nghĩ chúng đang làm gì ở đây? Ừ thì còn gì khác ngoài việc chuẩn bị sẵn sàng cho cuộc sống trước mắt (Có nghĩa là công việc, sự ổn định để có thể nuôi dưỡng con cái của chúng sau này). Nhưng bất kể những hướng nghiệp viên đã khuyên nhủ gì, bất kể những tờ bướm nói bao nhiêu tiền chúng sẽ kiếm được nếu chọn những ngành học tân tiến - như dược sĩ, kế toán hay hàng loạt những công việc đa dạng chúng có thể có nếu chọn ngành điện tử chẳng hạn - vẫn có không ít sinh viên theo đuổi văn chương, kịch nghệ. Đờ đẫn vì thiếu ngủ, chúng tranh

thủ vôi vàng ngoặc ngoác chút thơ văn trong giờ giải lao giữa các tiết, trong lúc chuyển ca làm thêm buổi tối, hay trong cuộc sống gia đình bận rộn. Đầu óc chúng mụ mị với ngôn từ khi đang lau chùi sàn nhà của các văn phòng cao ốc, phân loại thư trong bưu điện, pha sữa cho trẻ nhóc hay rán hăm bơ gơ trong nhà hàng. Đầu đó trong sự nô lệ của cuộc sống với những ràng buộc của chúng, một giọng nói thì thảo thúc giục chúng hãy sống đi, hãy trải nghiệm và tận hưởng đi. Chúng tự hỏi, “Một mùa ở địa ngục”, “Hành trình xuyên đêm”, “Bảy cột thông thái”, “Ánh sáng khuyết”... Liệu chúng có bao giờ viết được thứ gì giống như vậy? Ồ, dĩ nhiên rồi. Ít là có một đũa, nhiều thì hai, ba đũa - trong cả chục ngàn người.

Ở đó trong chính giữa sự khởi đầu của hành trình của chúng, George cảm thấy chóng mặt bàng hoàng thay. Hỡi Chúa, tất cả chúng nó rồi sẽ về đâu? Chẳng lẽ ta nên hét vào mặt chúng nó, ngay lúc này đây, ở chính giảng đường này đây, rằng tất cả chỉ là vô vọng mà thôi?

Nhưng George không thể làm vậy. Bởi vì, lỗi bịch làm sao, bất công làm sao, cho dù thế nào đi nữa thì ông cũng là đại diện của hi vọng. Mà hi vọng thì không thể là sai lầm. Không, chỉ là, George giống như một người đang cố bán những viên kim cương để đổi lấy một đồng xu, trên đường phố. Viên kim cương bị ngó lơ bởi mọi người trừ một số hiếm hoi những người biết giá trị của nó, vì phần đông những người vôi vã ngoài kia chẳng dám dừng lại để tin rằng nó lại có thể là thật.

Các thông cáo về hoạt động hiện thời của sinh viên được dán đầy ngoài cửa căn-tin: Đêm Bắc Mỹ, Dã ngoại Hiệp sĩ, Vũ hội Hoàng gia, Hội nghị Công dân và trận đấu quan trọng với LPSC. Những thông cáo về các sự kiện của các đoàn thể San Tomas này không được thuyết phục cho lắm, vì chúng được truyền thông chỉ bởi một số nhỏ những thành viên tích cực. Lũ nam sinh nữ sinh còn lại thì không nghĩ chúng thuộc về hội nhóm, đoàn thể nào cả, cho dù chúng sẵn sàng giả vờ là chúng có, trong những dịp lễ đặc biệt mà thôi. Điểm tương đồng duy nhất mà chúng chia sẻ với nhau là sự vôi vã, gấp rút, sự cấp bách phải hoàn thiện bài tập mà chúng đáng lẽ phải nộp từ ba ngày trước. Mỗi khi George tình cờ nghe được cuộc hội thoại giữa chúng, thì luôn luôn là về những gì chúng đã không làm được, về nỗi sợ hãi của chúng trước những gì giáo sư sẽ bắt chúng làm, về sự liều mạng cố tình không làm và rồi may mắn thoát nạn.

Căn-tin chật ních. George đứng ở ngưỡng cửa, ngó xung quanh. Giờ đây khi đã trở lại là người có ích cho công chúng, ít nhất là cho công chúng ở trong trường này, một tấm gương ở Cao đẳng San Tomas, ông nóng lòng để được sử dụng. Ông ghét phải nhìn thấy dù chỉ một phút của mình bị lãng phí. Ông bắt đầu đi dọc các bàn với một nụ cười thăm dò trên môi, một nụ cười mang công suất 40 oát và sẵn sàng nhảy lên 100 oát ngay khi có người muốn thấy nó.

George đã nhìn thấy Russ Dreyer. Dreyer đang đứng lên khỏi bàn của mình để chào ông. Cậu ta thực sự hữu ích với George trong thời gian vừa qua. Dreyer đã dần dần trở thành người giúp việc, trợ lý và vệ sĩ cho George. Cậu ta là một chàng trai trẻ góc cạnh, khuôn mặt mỏng với kiểu đầu cắt thẳng bằng ở đỉnh và cặp kính không vành. Dreyer đang mặc loại áo thể thao gì đó của người Hawaii, trông chẳng ăn nhập với tạng người cậu ta chút nào. Áo lót của cậu ta hiện ra lấp ló nơi cổ áo hình chữ V không cài khuy, trông sạch bong như áo mỡ giống mọi ngày.

Dreyer là một sinh viên xuất sắc, bản sao người châu Âu của cậu ta chắc hẳn phải khô khan và cáu bẳn lắm. Nhưng bản thân Dreyer thì không hề khô khan hay cáu bẳn chút nào. Ở cậu ta có sự hài hước ngầm, và với tư cách một cựu thủy quân, cậu ta khá mạnh mẽ. Có lần, Dreyer kể cho George nghe một buổi tối giản dị giữa cậu ta và vợ, Marinette, cùng với bạn cậu ta - Tom Kugelman và vợ Tom. “Tom và em đã tranh cãi về tác phẩm *Finnegans Wake*^[9]. Nó kéo dài cho đến tận khi bữa tối đã kết thúc. Vậy nên cánh chị em nói họ chán nghe bọn em cãi nhau lẫn rồi và bỏ đi xem phim. Tom và em rửa bát. Lúc đó, đồng hồ đã điểm 10 giờ đêm mà cuộc tranh luận vẫn chưa ngã ngũ. Thế là bọn em lại lôi bia từ trong tủ lạnh ra, kéo nhau ra vườn. Tom đang xây một căn nhà kho ở đó, nhưng vẫn chưa lợp xong mái. Bỗng nhiên cậu ta thách em thi kéo xà. Thế rồi bọn em bắt đầu dùng dầm mái thay cho xà, em đã đánh bại cậu ta với tỷ số 13-11.”

George bị mê hoặc bởi câu chuyện này. Bằng cách nào đó mà nó nghe như thể một câu chuyện thần thoại Hi Lạp.

“Chào buổi sáng, Russ.”

“Chào buổi sáng, thưa ngài.” Không phải vì sự khác biệt tuổi tác mà Dreyer gọi George là “ngài”. Ngay khi họ vượt qua mối quan hệ “giả quân đội” này, cậu ta sẽ gọi ông là “George” hay thậm chí là “Geo” không chút ngần ngại.

Họ cùng nhau đi đến máy pha cà phê, đổ đầy cốc, chọn doughnuts từ quầy bánh ngọt. Họ quay trở lại quầy thanh toán, Dreyer đã nhanh tay đưa tiền cho cô bán hàng. “Để em được trả cho ngài.”

“Ngày nào cậu cũng trả cho tôi rồi.”

Dreyer cười toe toét. “Kể từ ngày em bảo Marinette nhà em đi làm, chúng em ngập trong tiền.”

“Cô ấy đã bắt đầu đi dạy rồi sao?”

“Mới bắt đầu thôi ạ. Dĩ nhiên chỉ là tạm thời. Phiền nỗi, cô ấy phải dậy khá sớm để đến trường.”

“Vậy là cậu phải tự chuẩn bị bữa sáng cho mình?”

“Ôi, có gì to tát đâu ạ. Vả lại, chỉ cho đến khi cô ấy kiếm được việc gần nhà hơn. Hoặc cho đến khi em làm cho bụng cô ấy to ra.” Rõ ràng cậu ta thích thú với những chia sẻ kiểu đàn ông - với - đàn ông này với George. George tự hỏi liệu cậu ta có biết chuyện về ông? Liệu có ai biết? Ồ, dĩ nhiên là có rồi. Nhưng họ cũng chẳng thêm bận tâm. Họ không muốn biết về cảm xúc hay nỗi đau cũng như bất kỳ thứ gì từ cổ ta trở xuống. Ta chỉ như một cái đầu đặt trên đĩa được mang đến giảng đường để dạy.

“Nói mới nhớ,” Dreyer nói, “Marinette muốn nhờ em hỏi ngài, không biết ngài có thấy phiền nếu ghé qua nhà của bọn em một lần nữa không? Bọn em sẽ nấu spa-ghét-ti, có thể Tom sẽ mang cuộn băng mà em đã kể cho ngài nghe - cuộn băng cậu ấy lấy được từ cửa hàng băng đĩa trên Berkeley về Katherine Anne Porter[\[10\]](#) đang đọc tác phẩm của chính bà...”

“Dĩ nhiên rồi,” George trả lời bằng quơ. Ông liếc nhìn đồng hồ rồi nói “Chúng ta nên khẩn trương vào lớp đi thôi.”

Dreyer không phiền lòng vì sự thờ ơ của George. Có thể vì cậu ta cũng chẳng muốn George đến dùng bữa nhiều hơn bản thân George muốn đi là mấy. Tất cả chỉ là hình thức mà thôi. Marinette đã bảo anh mời ông, anh đã mời và George đã đồng ý ghé thăm nhà họ, một lần nữa. Điều này có nghĩa là George đã trở thành một người thân thiết và sẽ được nhắc đến sau nhiều năm nữa như một phần cuộc sống của họ trong những ngày xa xưa.Ồ phải, nhà Dreyer sẽ trung thành làm hết sức mình để vị trí của George được đảm bảo cùng với những câu chuyện cũ rích của những ngày xưa cũ. George có thể dễ dàng hình dung ra một buổi tối những năm 1900, khi Russ đã là Chủ nhiệm khoa Anh ngữ ở Trung Tây Mỹ và Marinette là mẹ của những cậu con trai, con gái đã trưởng thành. Trước sự có mặt của những trợ giảng trẻ và vợ của họ ngồi đó giải khuây cho ông bà Dreyer, vui mừng khôn xiết khi đưa được ông Chủ nhiệm khoa vào hứng kể chuyện, thơ thần và lầm bầm những giai thoại cũ rích với nụ cười ngà ngà say trên môi, viếng thăm lại mê lộ của các truyền kì, mà George và nhiều những người khác sẽ là những nhân vật của câu chuyện, dĩ nhiên sẽ bị xuyên tạc đi phần lớn. Còn Marinette sẽ không thôi mỉm cười, sẽ ngồi đó lắng nghe với một lỗ tai thứ ba - lỗ tai đã nghe những câu chuyện này không biết bao nhiêu lần trước đó - vừa cầu nguyện cho đồng hồ mau điểm 11 giờ. Và nó sẽ điểm. Và tất thấy mọi người sẽ gật gù tán thưởng rằng đó quả là một buổi tối đáng nhớ.

Vừa đi về phía giảng đường, Dreyer vừa hỏi George nghĩ gì về những điều giáo sư Leavis nói về ngài Charles Snow[\[11\]](#) (Những nhân vật già nua bất hạnh cũ kỹ và các câu chuyện chiến chinh từ thuở hồng hoang của họ vẫn còn là tin thời sự ở cái Bang rộng tuếch luôn trong tình trạng lơ mơ ngái ngủ này). “Đầu tiên phải nói là...” George bắt đầu.

Lúc này, họ đang đi ngang qua sân tennis. Chỉ một phần sân là đang bận rộn. Một cặp thanh niên đang thi đấu đơn. Mặt trời đã ló dạng với cái nóng dữ dội xuyên qua màn sương đổ bóng lên hai chàng trai gần như đang trần truồng trên sân kia. Trên người họ hầu như chẳng có gì ngoài đôi giày thể thao và đôi vớ dầy cộm ướt đầm mồ hôi, quần đùi giống của vận động viên đua xe đạp hay mặc, rất ngắn và bó sát làm hiện rõ hình dáng của cặp mông tròn căng và thắt lưng thon gọn. Họ hoàn toàn không nhận ra có kẻ vãng lai đang đi ngang qua, lạc lõng trong sự mãi mê hăm hở với trận đấu của họ. Bọn sẽ cứ tưởng không có sợi dây liên kết nào giữa hai người bọn họ. Nhưng sự lơ đãng khiến họ gần nhau hơn và trực tiếp đối chọi, thân thể với thân thể, như những đấu sĩ. Nếu đây là một cuộc chiến, thì đó sẽ là cuộc chiến một chiều, vì cậu trai bên cánh trái nhỏ hơn rất nhiều. Có lẽ cậu ta người Mexico, tóc đen, điển trai, sắc sảo như một chú mèo, dữ tợn, săn chắc, uyển chuyển, cơ bắp, nhanh nhẹn và duyên dáng trên đôi chân của mình. Thân thể cậu ta màu vàng nâu sẫm tự nhiên. Những sợi lông tơ xoắn đen nhô ra ở ngực, bụng và đùi cậu ta. Cậu ta chơi rất nhanh nhẹn và mạnh mẽ với sự điều khiển quyết

liệt, lộ ra hàm răng trắng bóng mỗi khi đánh bóng trả lại phía đối phương. Cậu ta sẽ thắng và đối thủ - một chàng trai tóc vàng to lớn - cũng đã biết điều này, nhưng vẫn can đảm chống trả. Anh chàng tóc vàng có vẻ đẹp tự nhiên ngọt ngào, lộng lẫy. Nhưng dáng dấp của một chiến binh Hi Lạp vô cảm mạnh mẽ dường như là bất lợi cho cậu ta. Những luật lệ của cuộc chơi đã ngăn cản hoạt động của chính cậu ta. Cậu ta chiến đấu trong sự bất lợi đến vô vọng. Đáng lý cậu ta nên vút quách cây vợt đi, nhảy qua rào chắn giữa hai sân và chứng tỏ sức mạnh cơ bắp lạnh lùng cho con mèo vàng Mexico kia biết. Nhưng không, trái lại, cậu trai tóc vàng chấp nhận luật chơi và gắng gượng chống trả, cậu thà chấp nhận giã giũa trong thất bại và tủi nhục còn hơn là phá vỡ luật. Vóc dáng to khỏe và mái tóc vàng tuy không giúp cậu chiến thắng nhưng sẽ giúp cậu có được tinh thần thượng võ mà ngày nay chẳng còn ai thêm bận tâm. Cậu sẽ chiến đấu công bằng, như một vận động viên chân chính nhất, cho đến khi cậu bị đánh bại. Liệu điều tương tự có xảy ra với cậu suốt cuộc đời này? Liệu cậu có tự đưa mình vào những trận đấu sai lầm, những trận đấu không dành cho cậu, chống lại những đối thủ nhanh nhẹn, mạnh bạo, thông minh và tàn độc?

Trận đấu này thật tàn nhẫn; nhưng chính sự tàn nhẫn đó khiến George bị kích động và rung cảm, đẩy lên một nỗi hưng phấn tràn ngập trong lòng. Ông cảm thấy run lên bần bật vì sự thỏa mãn khi cảm nhận được sự hăm hở bùng nổ trên sân. Từ sâu thẳm trái tim, ông cảm ơn những con mãnh thú trẻ kia vì vẻ đẹp của chúng. Và chúng sẽ không bao giờ biết được việc chúng đang làm kia đã khiến giây phút này thật huy hoàng và rực rỡ đối với ông, khiến cho cuộc sống trở nên bớt cay nghiệt...

Dreyer vẫn đang liến thoắng bên tai ông, “Xin lỗi, thưa ngài - em không được hiểu ý ngài lắm. Dĩ nhiên, em hiểu về sự khác biệt giữa hai nền văn hóa, nhưng có phải ý ngài là ngài đồng ý với giáo sư Leavis?” Không chút bận tâm đến những gì đang diễn ra trên sân tennis, Dreyer sai bước quay lưng lại phía họ, tất cả sự tập trung của anh hướng vào đôi môi mấp máy của George.

Dĩ nhiên cái đôi môi đó vẫn đang liến thoắng không ngừng. George nhận ra với cùng một cảm giác hụt hẫng như lúc ở trên xa lộ, khi cái thân thể ông tự động lái cả con người ông đến đây.Ồ phải, ông biết cái miệng tự động nói của mình có thể làm được những gì, ông đã chứng kiến nó nói chuyện hàng giờ đồng hồ trong những buổi tối muộn, khi chính ông đang mệt, buồn chán và ngà ngà say, nó đã giúp ông vượt qua những buổi tiệc chán ngắt. Nó có thể tự động bắn ra những tràng diễn thuyết ưa thích của George, miễn sao không có ai cãi lại nó, nếu không nó sẽ bị làm cho rối ren. Nó biết ít nhất ba chục giai thoại về ông để kể. Nhưng hôm nay nó lại xuất hiện ở đây, trong ánh sáng ban ngày, giữa khuôn viên trường, giữa những giờ lên lớp, khi George cần phải ở trong trạng thái diễn kịch mọi phút giây và phải hoàn toàn kiểm soát vở diễn của mình. Liệu có phải cái miệng tự động và cái thân thể tự động của ông đang cùng nhau nổi dậy? Có phải chúng đang muốn hợp nhất?

“Chúng ta không có đủ thời gian để bàn về chuyện đó vào lúc này,” ông nhẹ nhàng nói với Dreyer. “Và thêm vào đó, tôi muốn tham khảo lại bài luận của Leavis thêm một chút. Tôi nghĩ mình vẫn còn giữ cuốn *Độc Giả* mà có đăng bài đó ở nhà... Ồ, nhân tiện, cậu đã đọc tác phẩm

mới của Mailer[12] chưa? Đăng trên tạp chí *Esquire*[13] khoảng một tháng trước thì phải. Đó là một trong những tác phẩm hay nhất mà tôi được đọc trong một thời gian khá dài trở lại đây...”

Giảng đường nơi George dạy là một phòng học dài có hai cửa ra vào, một ở trước, một ở cuối phòng. Hầu hết các sinh viên vào lớp qua cánh cửa ở đằng sau, bởi vì chúng, những thanh niên nhút nhát bướng bỉnh đến điên tiết thích hòa nhau đối mặt với các giáo sư sau rào cản của những hàng ghế trống đằng trước. Nhưng học kỳ này, số sinh viên ít hơn số ghế của căn phòng một chút, nên những kẻ đến sau buộc phải ngồi dần lên trước, tới gần sự thỏa mãn quý quyết của George; rồi cuối cùng chúng cũng phải ngồi hết lên tới hàng ghế thứ hai. Riêng hàng ghế đầu, mà hầu hết bọn chúng đều cố tránh xa hết mức, George có thể lấp đầy với những sinh viên *ruột* của ông: Russ Dreyer, Tom Kugelman, Nữ tu Maria, ông Stoessel, bà Netta Torres, Kenny Potter và Lois Yamaguchi.

George không bao giờ đi vào lớp cùng một lúc với Dreyer hay với bất kỳ sinh viên nào khác. Một bản năng chính kịch đã ăn sâu vào gốc rễ ngăn cấm ông làm điều đó. Chính trong những lúc như thế này là lý do duy nhất ông dùng đến văn phòng của mình - một nơi để ông rút lui vào trước khi bắt đầu giờ lên lớp, đơn giản chỉ để ông có thể tái xuất hiện trở lại từ đó và bước vào cửa lớp. Ông không tiếp sinh viên trong đó, vì những văn phòng kiểu này phải chia sẻ với ít nhất là hai thành viên khác của khoa, mà giáo sư Gottlieb, giảng viên Thơ Trừu tượng thì lúc nào cũng ở đó. George không thể nói chuyện với một người khác như thế chỉ có hai người với nhau khi mà thực tế không phải vậy. Ngay cả một câu hỏi vô hại nhất như, “Cậu thực sự nghĩ gì về Emerson?” cũng thật là quá mức riêng tư, và một lời phê bình hòa nhã như, “Bài cậu viết là một sự ẩn dụ nửa vời hồn độn và nó không thực sự có nghĩa”, nghe cũng tàn nhẫn không cần thiết, khi mà giáo sư Gottlieb đang ngồi ngay đó, trên chiếc bàn làm việc của ông, nghe hoặc tệ hơn là giả vờ không nghe bọn họ nói chuyện. Hiển nhiên Gottlieb không nghĩ như ông. Có lẽ đó là sự thận trọng quá mức đến kỳ quặc của người Anh.

Chia tay Dreyer, George đi vào văn phòng của ông. Nó nằm ngay cuối hành lang. Lạ kỳ, Gottlieb chưa đến. George liếc nhìn qua cửa sổ giữa những khe hở của tấm rèm che mỏng và thấy ở xa xa, hai cậu thanh niên trẻ vẫn đang chơi trên sân tennis. Ông ho nhẹ, lật qua lật lại cuốn danh bạ mà không thèm nhìn vào nó, đóng lại ngăn tủ đang hé mở nơi bàn làm việc. Rồi ông đột ngột đứng dậy, lôi chiếc cặp ra khỏi tủ và rời văn phòng để lên lớp.

Sự xuất hiện của ông khá lặng lẽ so với tiêu chuẩn thông thường. Tuy nhiên, đây là một việc có tính toán trước, tinh vi và hiệu quả đặc biệt. Không có những tiếng “Suyt!” vang lên khi George bước vào. Hầu hết các sinh viên vẫn tiếp tục trò chuyện ồn ào. Nhưng chúng đều nhìn và đợi ông ra hiệu, dù chỉ là một tín hiệu nhỏ, báo rằng lớp học bắt đầu. Sự căng thẳng dần tăng lên khi George cố tình chọc ghẹo bằng cách không đưa ra bất kì tín hiệu nào và các sinh viên thì kiên quyết không ngừng nói chuyện cho đến khi ông bảo ngược lại.

George cứ đứng đó, trầm lặng và khoan thai như một ảo thuật gia, ông lôi trong cặp ra một cuốn sách và đặt nó lên bàn. Trong khi làm việc đó, mắt ông thông thả đảo qua từng khuôn mặt các sinh viên trong lớp. Mũi ông cong lên tạo ra một nụ cười phảng phất nhưng mạnh bạo.

Một số sinh viên mỉm cười lại với ông. George thấy việc đối mặt này cực kỳ thú vị. Ông kéo sức mạnh từ những nụ cười, những ánh mắt sáng ngời của chúng ra. Với ông, đây là một trong những khoảnh khắc cao trào trong ngày. Ông cảm thấy sáng ngời, lỗi lạc, sống động, thử thách, một chút bí hiểm và trên hết là lạ lẫm. Bộ cánh sẫm màu thon gọn, áo sơ mi trắng và cà vạt (chiếc cà vạt duy nhất trong cả căn phòng) của ông lạc lõng đến khác thường trước những nam sinh viên trẻ xuề xòa và hung hăng. Hầu hết bọn họ đi giày bệt và tất len trắng, mặc quần jean khi trời trở lạnh, quần soóc khi trời nóng (loại quần bó sát đến tận vùng Bermuda mà phải nói là ông cực ghét vì chúng thật khiếm nhã). Nếu nóng, chúng kéo tay áo lên cao và thi thoảng không thềm cài khuy áo để khoe những sợi lông ngực cong một cách khêu gợi. Trông chúng như thể sẵn sàng bỏ việc học hành bất cứ lúc nào để đi khai quật hay quyết đấu bang hội vậy. Chúng trông như những đứa trẻ vụng về nếu đem so với các cô bạn gái cùng lớp, những nữ sinh trưởng thành sớm hơn so với lứa tuổi vị thành niên của chúng trong những chiếc quần Capri, những chiếc áo hở hang và những cái đầu to tổ chẳng vì mái tóc bông quá lố. Chúng đã là những phụ nữ trưởng thành và đến trường ăn mặc như thể chúng đang đi dự dạ tiệc thượng lưu sang trọng.

Buổi sáng hôm nay, George để ý thấy tất cả sinh viên hàng ghế đầu của ông đều đã có mặt. Dreyer và Kugelman là hai người duy nhất ông đã từng nhờ ngồi đó để lấp đầy những ghế trống, số còn lại có lý do riêng của chúng để chọn chỗ này. Trong lúc George giảng bài, Dreyer nhìn ông với vẻ lạnh lợi động viên; nhưng George biết rằng Dreyer không thực sự thấy ấn tượng với ông. Trong con mắt của Dreyer, ông sẽ mãi chỉ là một kẻ ngoại đạo với tấm bằng và lai lịch của một người Anh, điều đó có nghĩa rằng ông không đáng tin tưởng cho lắm. Cho dù vậy, George vẫn là *cấp trên*, là một Ông Già, và Dreyer bằng việc hỗ trợ quyền thế cho ông, sẽ là sự ủng hộ cho cơ cấu quyền lực thăng tiến mà cậu ta định trèo lên theo đó. Vậy nên cậu ta bám lấy George để được trở nên nổi bật và ấn tượng trước con mắt của người ngoài - mà ở đây là, tất cả mọi người trong lớp. Điều buồn cười là, Dreyer, với lòng trung thành tuyệt đối không che đậy, được quyền tự do để rỉ vào tai Kugelman, cánh tay mặt của hắn, bất cứ khi nào cậu ta muốn. Và mỗi lần như vậy, George lại dừng lại để lắng nghe những gì họ nói về ông. Theo bản năng, George chắc chắn rằng Dreyer sẽ chẳng bao giờ dám nói về ai khác ngoài ông trong lớp, vì như vậy thì không được tốt đẹp cho lắm.

Sơ Maria thì ở đây theo yêu cầu. Cô sẽ sớm nhận được chứng chỉ sư phạm và trở thành một giáo viên. Không chút nghi ngờ, cô chính là một mẫu phụ nữ trẻ không tham vọng, cần cù và quá đỗi bình thường. Cô chọn ngồi ở hàng ghế đầu để có thể tập trung hơn, hoặc có thể vì những nam sinh viên vẫn còn thích thú với cô và cô muốn tránh nhìn vào chúng. Nhưng chúng ta, hay ít nhất là phần đông chúng ta, đều đánh mất sự cân bằng của bản thân trước sự hiện diện của một nữ tu; và George, với một khoảng cách ngắn tới cô dâu của Chúa trong trang phục nữ tu đó, thấy mình bối rối và cảnh giác. Là một cư dân của thế giới Địa ngục, ông đối mặt với chiến binh của Thiên đàng trong cuộc chiến tranh lạnh của sự lịch sự quá mức. Mỗi câu từ ông nói với cô, ông đều gọi cô là “Sơ”; mà có lẽ cô chẳng thích được gọi chút nào.

Ông Stoessel ngồi ở hàng ghế đầu, vì ông đã luống tuổi và điếc đặc. Ông mới chuyển đến từ châu Âu, tiếng Anh của ông tệ vô cùng.

Bà Netta Torres cũng đã luống tuổi. Có vẻ như bà đi học lớp Ngữ Văn này chỉ vì tò mò và để giết thì giờ. Bà mang trên mình vẻ mặt của một người phụ nữ trung niên đã li dị. Bà chọn ngồi ở đây vì bà hứng thú một cách lộ liễu với George. Bà thích được ngắm ông hơn là nghe ông. Bà thậm chí còn có vẻ như hay lắm nhấm lại từng lời ông nói, bắt chước từng cử chỉ và dáng điệu của ông. Sự hứng thú của bà không phải vì đam mê xác thịt trần tục mà vì đối với bà Torres, George giống như một đứa trẻ con, và rất dễ thương. George khao khát được đá vào đít bà và bảo bà thôi đừng đến lớp của ông nữa bằng việc cho điểm bà thật thấp. Nhưng ông không thể. Bà Torres nghe cũng giỏi chẳng kém nhìn; bà có thể lặp lại mọi thứ ông nói, từng từ một.

Kenny Potter ngồi ở hàng đầu, vì cậu ta là điển hình cho thứ mà ngày nay người ta gọi là “điên”. Cậu ta có xu hướng làm ngược lại những gì mà người khác làm; không phải xuất phát từ những khác biệt trong nguyên tắc đạo đức hay niềm tin, càng không phải vì thích nổi loạn. Nhiều khả năng vì cậu ta quá lơ đãng để chú ý đến cách hành xử và tục lệ của số đông, đồng thời cũng quá lười nhác để làm theo nó. Cậu ta có dáng người cao và thanh mảnh với đôi vai khom khom, mái tóc đỏ vàng, cái đầu nhỏ, đôi mắt xanh sáng. Cậu ta sẽ được coi là đẹp trai nếu không có cái mũi điều hâu; dù sao đó cũng khá đẹp, một món nội tạng to đến hài hước.

George thấy mình không ngừng để ý đến sự hiện diện của Kenny trong lớp, nhưng nó không có nghĩa là ông coi Kenny như một đồng minh. Ôi không, ông sẽ chẳng bao giờ có thể liều lĩnh mà mạo hiểm như vậy. Đôi lúc, khi George bông đùa và Kenny xoắn ra tràng cười dài hào sảng của mình, George cảm thấy như cậu ta đang cười vào mặt ông. Lúc khác, khi tiếng cười đến chậm hơn một chút sau khi câu chuyện được kể, George có cảm giác rờn rợn rằng Kenny không cười vào bản thân câu chuyện mà cười vào cả hệ thống giáo dục trên đất nước này, vào nền kinh tế, chính trị, tâm lý mà đã đẩy bọn họ vào cùng một giảng đường này. Những lúc đó, George ngờ rằng Kenny thấu hiểu tận cùng ý nghĩa của cuộc sống, rằng cậu ta là một loại thiên tài nào đó (mặc dù bạn sẽ chẳng bao giờ nghĩ vậy nếu nhìn vào những bài tập về nhà của cậu ta). Nhưng dù sao, có lẽ Kenny cũng chỉ là một cậu nhóc với sự quấy rối khiến ta sai lạc và ngớ ngẩn mà thôi.

Lois Yamaguchi ngồi cạnh Kenny vì cô ta là bạn gái của cậu. Họ hầu như lúc nào cũng dính lấy nhau. Cô ta mỉm cười với George theo kiểu khiến ông nghi ngờ liệu có phải bọn họ có những trò đùa riêng với nhau về ông. Nhưng ai mà biết chắc được trong đầu những người châu Á bí ẩn này nghĩ gì chứ? Alexander Mong cũng có nụ cười bí hiểm, cho dù cái đầu xinh đẹp của cậu ta hầu như chẳng chứa gì khác ngoài những bức tranh sơn dầu. Lois và Alexander có thể được coi là những tạo vật đẹp đẽ nhất trong giảng đường này; vẻ đẹp của họ tựa như vẻ đẹp của thực vật, không bị vướng bận bởi những chuyện phù hoa, lo lắng hay nỗ lực.

Lúc này, sự căng thẳng cứ ngày càng gia tăng. George vẫn tiếp tục nhìn những kẻ đang nói chuyện riêng kia mà mỉm cười và vẫn giữ sự yên lặng khiêu khích của mình. Giờ thì, cuối cùng, sau gần bốn phút, sự im lặng của ông đã chế ngự được chúng. Tiếng nói chuyện hết dần. Những người đã dừng giờ đây quay sang nhắc kẻ chưa dừng hãy im lặng đi. George đã chiến thắng.

Nhưng ông cũng chỉ giữ được nó trong một khoảnh khắc mà thôi. Bởi ông sắp phải phá bỏ chính bùa mê ông tạo ra. Ông sắp phải giũ bỏ vẻ bí hiểm và để cái kẻ mà cả lớp phải lắng nghe - cho dù hẳn có nói xằng nói bậy hay lấp bắp không nên lời, hay với giọng điệu của một thiên thần đi nữa - ra mặt, ông lại phải là một giáo sư. Cả lớp phải lắng nghe George bởi nhờ cái sức mạnh quyền lực được trao vào tay ông trong địa hạt Bang California này, ông có thẩm quyền bắt chúng phải quy phục và tiếp thu thậm chí cả những định kiến ngu si và tính đồng bóng vô trách nhiệm của ông. Tất cả để giải quyết một vấn đề giá trị cốt lõi: Làm sao ta có thể gây ấn tượng, bợ đỡ ông giáo già khó tính này để có được điểm cao?

Phải, ông sẽ phải hủy hoại mọi thứ. Ông sẽ phải mở miệng nói.

“Thiên nga chết sau những ngày hè[14],” George thốt ra lời du dương, quyến rũ, như thể đang đọc những áng thơ của W. B Yeats[15] (Ông xuống giọng khi nói “chết”, nhấn mạnh nó để bù cho chữ “và” mà Aldous Huxley đã lược bỏ từ câu nguyên bản). Rồi bằng cách nào đó, sau khi cố tình khiến cho một vài sinh viên phải hoảng hốt hoặc xấu hổ, ông nhìn quanh căn phòng với nụ cười châm biếm và nói nhanh, “Tôi đoán là các cô cậu đều đã đọc cuốn tiểu thuyết này của Aldous Huxley như tôi đã dặn hơn ba tuần trước?” Ông thoáng thấy vẻ rụt rè e ngại của Buddy Sorensen, chẳng phải khó đoán trước, và sự bất ngờ chuyển sang giận dữ với cái nhún vai kiểu giờ-mới-được-nghe của Estelle Oxford, mà ông coi là đáng để bận tâm. Estelle là một trong những sinh viên sáng dạ nhất của ông. Và bởi vì cô sáng dạ, nên cô cũng ý thức được rõ hơn việc là một người da đen trong xã hội này hơn các sinh viên da màu khác. Thậm chí, cô quá nhạy cảm với nó. George ngờ rằng cô nghĩ ông phân biệt đối xử. Nhiều khả năng cô đã không có mặt trong lớp khi ông dặn mọi người về đọc cuốn tiểu thuyết này. Chết tiệt, đáng lẽ ông phải chú ý để nhắc cô sau đó. Ông hơi sợ cô một chút. Ông cũng thích cô và cảm thấy tiếc cho cô. Ông cũng ghét cách mà cô khiến ông cảm thấy. “Ừ thì,” ông nói ôn tồn hết mức có thể, “nếu có ai trong số các cô cậu chưa kịp đọc thì cũng không quan trọng lắm. Cứ lắng nghe bài giảng hôm nay rồi sau đó các cô cậu có thể đọc sau để thấy mình tán thành hay không tán thành với quan điểm của tôi.”

Ông nhìn Estelle và mỉm cười. Cô mỉm cười lại với ông. Vậy là lần này sẽ không có chuyện gì xảy ra cả.

“Tiêu đề cuốn tiểu thuyết dĩ nhiên được trích từ bài thơ của Tennyson, *Tihonus*. Nhân tiện, có ai biết Tihonus là ai?”

Im lặng. Ông nhìn hết khuôn mặt này đến khuôn mặt khác. Không một ai biết. Đến cả Dreyer cũng không biết. Chúa ơi, ông chẳng thấy ngạc nhiên chút nào! Tihonus chẳng khiến chúng bận tâm vì có hai bước gián tiếp tới chủ đề của họ. Huxley, Tennyson, Tihonus. Chúng đã chuẩn bị để đón nhận câu hỏi về Tennyson, nhưng xa hơn vậy là chúng chịu bó tay. Sự tò mò tìm hiểu của chúng chỉ đến đó. Bởi vì, căn bản là, chúng chẳng thêm quan tâm.

“Các cô cậu không định nói với tôi rằng không một ai biết Tihonus là ai chứ? Không một ai bận tâm tìm hiểu? Vậy thì, tôi khuyên các cô cậu hãy dành cuối tuần này để đọc Thần thoại Hi Lạp và bài thơ đó. Nhưng phải nói rằng, tôi không hiểu sao một người có thể giả vờ hứng thú với cuốn tiểu thuyết khi anh ta không thèm dừng lại một giây để hỏi tiêu đề cuốn tiểu thuyết đó có nghĩa là gì.”

Sự bùng nổ của cơn cáu giận này đã khiến George hoang mang ngay khi ông nghe chính mình thốt ra những lời đó. Ôi trời, ông đang dần bức mình! Và tệ nhất là, ông không biết khi nào thì ông sẽ lại hành xử như vừa rồi. Ông không có thời gian để nhìn lại chính mình. Ông đeo vào khuôn mặt tội lỗi và tránh nhìn vào mắt họ - đặc biệt là Kenny Potter, cậu ta đã ngoảnh mặt đi nhìn chăm chăm lên bức tường đối diện.

“Chuyện bắt đầu khi nữ thần Aphrodite bắt gặp người tình của mình đang trên giường với Eos, nữ thần của Bình minh (Nhân tiện, bạn cũng nên tìm hiểu về họ đi). Dĩ nhiên, Aphrodite đã rất tức giận và nguyên cho Eos trở nên say mê những chàng trai loài người trẻ trung - để dạy cho cô biết rằng hãy để cho các thần của người khác được yên” (Đến đây George nghe thấy tiếng cười khúc khích của một cô cậu nào đó và ông thấy nhẹ nhõm. Ông đã sợ họ sẽ thấy bị xúc phạm với những lời quở mắng và sẽ hờn dỗi ông). Không hạ tầm mắt xuống, ông tiếp tục với một tiếng cười nhếch mép trong giọng nói, “Eos đã rất xấu hổ, nhưng cô bắt đầu thấy mình không thể kiểm soát bản thân. Cô bắt đầu bắt cóc và quyến rũ những chàng trai dưới mặt đất. Tihonus là một trong số họ. Eos đồng thời cũng bắt cả Ganymede, em trai của Tihonus - để bầu bạn” (Lần này, nhiều tiếng khúc khích từ bốn phía căn phòng vang lên). “Nhưng không may, thần Zeus đã nhìn thấy Ganymede và yêu anh ta say đắm” (Thật tệ nếu sơ Maria có thấy choáng váng khi nghe đến đây. Nhưng George đã chẳng nhìn cô, mà thay vào đó ông nhìn Wally Bryant - người mà ông chắc chắn rằng đang nhấp nhóm trong thích thú). “Biết mình sẽ phải từ bỏ Ganymede, nên Eos đã đòi Zeus (tội gì mà cô ta không mặc cả đôi chút) phải ban cho Tihonus sự sống vĩnh cửu. Zeus nói dĩ nhiên rồi, sao lại không chứ? Và ông đã thực hiện lời hứa của mình. Nhưng Eos đã quá ngu xuẩn, cô quên không đòi Zeus đồng thời ban cho Tihonus sự trẻ trung vĩnh cửu. Tình cờ là sự trẻ trung vĩnh cửu đó không bị bỏ phí. Selene, nữ thần mặt trăng đã xin nó về cho bạn trai Endymion của mình. Nhưng rắc rối là, Selene chẳng muốn làm việc gì hơn với Endymion ngoài hôn hít, mà anh chàng thì dĩ nhiên có nhiều ý tưởng phong phú hơn thế; nên cô đã đưa anh vào giấc ngủ vĩnh hằng để giữ anh im lặng. Và trẻ đẹp mãi cũng chẳng để làm gì nếu cô cậu thậm chí không thể thức dậy và ngắm mình trong gương” (Giờ thì hầu như ai cũng mỉm cười, thậm chí cả sơ Maria. George đã khiến họ thích thú trở lại. Ông rất ghét sự cãi cọ, khó chịu). “Tôi đang nói đến đâu rồi nhỉ? Ồ phải, vậy là Tihonus tội nghiệp dần dần trở thành một ông lão già nua ghê tởm vĩnh cửu...” (Những tiếng cười ầm ĩ rộ lên). “Và Eos, với sự nhẫn tâm đặc trưng của một nữ thần đã chán Tihonus và nhốt ông lại. Ông ngày càng già nua, giọng nói ngày càng the thé, cho đến một ngày kia, ông hóa thành con ve sầu.”

Căn phòng im lặng. George đã không trông đợi sự hào hứng khi câu chuyện kết thúc, và đúng như ông đã nghĩ. Ông Stoessel phát điên lên vì không hiểu được và rủ rỉ vào tai Dreyer khẩn khoản mong được giải thích. Dreyer thì thào lại vào tai ông, mà George ngờ là chỉ khiến ông rối mù hơn. Rồi cuối cùng ông Stoessel cũng hiểu và kêu lên, “Ồ, con ve!” bằng một giọng quở trách ngụ ý tại George và cái giọng Ấng lê của ông đã phát âm sai khiến ông không hiểu. George lại bắt đầu giằng với sự thay đổi trong giọng nói. Ông không còn cố giành lấy sự ưu ái của các sinh viên, không còn giải trí cho họ nữa; mà thay vào đó, ông nói với chúng bằng giọng bề trên, kẻ cả, giọng của một quan tòa đang ra lệnh cho bồi thẩm đoàn.

“Lý do Huxley chọn tựa đề này cho cuốn tiểu thuyết của mình đã quá rõ ràng. Nhưng dù sao, các cô cậu cũng sẽ phải tự hỏi, liệu sự tương quan giữa hai câu chuyện sẽ xa đến đâu ngoài việc có chung một tiêu đề như nhau? Ví dụ, bá tước nhà Goniar[16] có thể được coi như đại diện cho Tihonus, người đã kết thúc sự vĩnh cửu bằng việc biến thành một con khỉ, cũng giống như Tihonus đã hóa thành con côn trùng. Thế còn Jo Stoyte[17]? Và Obispo[18]? Ông ta giống Mephistopheles[19] của Goethe[20] hơn là giống Zeus. Và Eos? Chắc chắn không phải là Virginia Maunciple[21] rồi. Virginia không hay dậy sớm đến thế.” Không ai nhận ra câu nói đùa này của ông. Thi thoảng George hay chêm vào những câu nói đùa bằng phong cách Anh như vậy trong bài giảng của mình. Hơi phật ý vì không ai hưởng ứng, ông lại tiếp tục, bằng giọng kẻ cả hơn, “Nhưng, trước khi chúng ta có để đi sâu hơn, các cô cậu cần phải biết được cuốn tiểu thuyết này thực sự nói về điều gì.”

Họ dành phần còn lại của tiết học để *biết* được điều đó.

Ban đầu, như thường lệ, sự im lặng bao trùm. Cả lớp học ngồi dán mắt vào sách nhằm bóc mẽ nội dung từng câu chữ. Về gì? Cuốn tiểu thuyết này nói về điều gì? George muốn họ nói gì về cuốn sách? Chúng sẽ nói bất cứ thứ gì ông muốn, bất cứ thứ gì. Hầu hết trong số chúng, bất chấp những yêu cầu bắt buộc phải học, tận sâu trong đáy lòng, chúng vẫn coi đây như một trò chơi tẻ nhạt, buồn chán. Một số ít còn lại, những kẻ có nhận thức sắc sảo hơn, những kẻ đang mơ mộng một ngày kia sẽ viết nên một cuốn tiểu thuyết của riêng mình, như Faulkner, James hay Conrad, đang tỏ ra chắc nịch rằng, những tác phẩm trước đó về đề tài này chẳng đáng một đồng xu - chúng sẽ không nói gì thêm trong một khoảng thời gian nữa. Chúng đang đợi đến khoảnh khắc khi chúng có thể bước ra dưới ánh đèn như một thám tử ngôi sao đưa ra lời giải cho vụ án Huxley này. Cho tới lúc đó, hãy cứ để những kẻ ngu si khác lúng túng với câu đố, hãy cứ để đồng bunn được khuấy lên trước đã.

Đồng bunn được khuấy lên đầu tiên bởi Alexander Mong. Dĩ nhiên cậu ta nhận thức được việc mình đang làm, cậu ta không phải là thằng ngốc. Thậm chí có thể một phần triết lý của một họa sĩ tranh sơn dầu như cậu ta là phải nhìn nhận và hành xử mọi việc dưới lớp vỏ của một đứa trẻ con. Một người da trắng sẽ có thể trở nên hung hãn vì vấn đề này, nhưng Alexander thì không. Bằng một nụ cười phương Đông tuyệt đẹp, cậu ta nói, “Cuốn tiểu thuyết này nói về một ông già nổi đóa ghen tuông vì sự rằng ông ta đã quá già đối với cô bạn gái. Lão ta bỏ tiền ra thuê người tìm cách biến lão trở nên trẻ trung hơn. Nhưng vô ích. Trong khi ông bác sĩ của lão thì đang bẽ mặt vì người yêu của lão. Uất quá lão ta mới định giết ông bác sĩ, ai dè bắn nhầm tên trợ lý. Ông bác sĩ vì tiền đã bao che cho lão rồi tất cả bọn họ biến sang Anh để tìm tên bá tước, người đang làm trò khỉ với một cô gái trẻ trong hầm rượu...”

Sự hưng phấn gầm lên khi Alexander nói đến đây. George mỉm cười độ lượng và nói, “Cậu bỏ qua Pordage và Propter, vai trò của họ trong câu chuyện là gì?”

“Pordage? Ồ phải, hẳn ta là người phát hiện ra việc tên bá tước ăn những con cá điên...”

“Cá chép.”

“Phải rồi. Và Propter,” Alexander cười toe toét và gãi đầu bốn cọt. “Xin giáo sư bỏ quá, chứ em cũng chưa đọc cuốn sách này cho đến mãi tận hai rưỡi sáng nay, cố lắm mới nhét vào đầu được chừng đó. Trời, phải nói là em chẳng khoái món này cho lắm.”

Nhiều tiếng cười nữa vang lên. Alexander đã làm tròn chức năng của mình. Cậu đã lôi chủ đề ra bằng sự dốt nát lỗ mãng. Giờ thì nhiều cái miệng đã giãn ra và cuộc điều tra đã có thể bắt đầu.

Đây là một số những nhận định được đưa ra:

Propter không nên nói rằng cái tôi và bản ngã là hão huyền, điều này chứng tỏ ông không có niềm tin vào bản chất con người.

Cuốn tiểu thuyết này thật vô vị và không thực tế. Chúng ta cần sự vĩnh cửu để làm gì chứ?

Cuốn tiểu thuyết này rất sâu sắc nhưng hơi cay nghiệt. Huxley nên đào sâu vào các cảm xúc tốt đẹp của con người hơn.

Cuốn tiểu thuyết này là một bài học đạo đức sâu sắc. Nó dạy chúng ta đừng nên tò mò với những bí ẩn của cuộc sống, đừng đùa giỡn với sự vĩnh cửu.

Huxley là kẻ quái gở lập dị. Ông muốn loại bỏ loài người để thế giới trở nên an toàn hơn cho động vật và các linh hồn.

Nói thời gian là ác quỷ vì ác quỷ tồn tại trong thời gian thì giống như nói đại dương là cá vì cá sống trong đại dương.

Propter không có cuộc sống tình dục. Việc xây dựng nhân vật này có vẻ khiên cưỡng quá.

Cuộc sống tình dục của Propter là khiên cưỡng.

Propter là người theo đảng dân chủ, ủng hộ Thomas Jefferson[\[22\]](#), một kẻ Bolshevik, một kẻ John Bircher sơ khai.

Propter là người theo phái thoát li thực tế. Điển hình là trong câu chuyện của ông với Pete về Cuộc Nội chiến ở Tây Ban Nha. Pete là một người tốt cho đến khi Propter tẩy não anh, khiến anh mất đi lòng can đảm và bắt đầu tin tưởng ở Chúa.

Huxley thực sự hiểu đàn bà rất rõ. Việc ông cho Virginia một cái xe máy tay ga màu hoa hồng quả là cao tay.

Và nhiều nhiều những nhận xét khác nữa...

George đứng đó mỉm cười im lặng để cho họ tận hưởng ý kiến của chính mình và của nhau, chỉ thì thoả ông mới lên tiếng. Ông đứng đó chủ trì cuộc tranh luận như thể ông đang quản lý quầy bán hàng ở lễ hội, khuyến khích đám đông ném và nghiền nát mục tiêu của mình; đó quả là thú vui khôn xiết. Nhưng dù sao thì vẫn cần phải có những luật lệ nhất định cho cuộc chơi. Khi có ai đó bắt đầu ném hơi cay và a-xít, ngầm chỉ rằng Huxley đang gần chạm đến ngưỡng cửa của một tên nghiện ma túy, George ngay lập tức dập tắt suy nghĩ đó. Hay khi có người dè dặt muốn ngụ ý nói cuốn tiểu thuyết này là một vở nhạc kịch tình yêu - có không? Chẳng phải mối liên kết giữa quý cô lãng nhãng và cuộc hành sát Pete của Jo Stoyte cũng lãng mạn lắm sao? - George nói ngay rằng không đời nào, rằng chuyện cổ tích trong văn chương đã nổ banh xác từ những năm 30 rồi.

Và cuối cùng cũng đến lượt câu hỏi mà George đang chờ đợi. Nó được hỏi bởi Myron Hirsch, dĩ nhiên rồi, còn ai khác ngoài cậu sinh viên Do Thái luôn thắc mắc không biết mỗi một. “Thưa giáo sư, ở trang 79, Propter có nói rằng, câu ngu xuẩn nhất trong kinh thánh là ‘họ ghét tôi mà không vì lý do gì.’ Liệu có phải nó hàm ý rằng những tên phát xít đã đúng khi ghét người Do Thái? Có phải Huxley cũng kỳ thị người Do Thái?”

George hít một hơi dài rồi ôn tồn đáp, “Không.”

Sau sự im lặng ngập ngừng - cả giảng đường thích, thú sự thẳng thắn và cùn tính của Myron hơn - George nhắc lại, to hơn, mạnh hơn, “Không, Huxley không kỳ thị người Do Thái. Những người Đức Quốc xã đã không đúng khi ghét người Do Thái. Và sự kì thị của họ không phải là không có lí do. Không có ai ghét bỏ người khác mà không cần lý do cả...”

“Nghe này, hãy gác vấn đề Do Thái lại. Bất kể quan điểm của các cô cậu là gì thì cũng là bất khả thi để bàn luận về Do Thái một cách khách quan vào thời đại ngày nay. Có thể sau hai mươi năm nữa, nhưng không phải lúc này. Vậy nên hãy coi đây như vấn đề của một cộng đồng thiểu số nào đó khác, bất kể cộng đồng nào các cô cậu muốn nhưng nhỏ thôi - một cộng đồng mà chưa được hình thành bền vững và không có bất kỳ tổ chức nào đứng ra đấu tranh quyền lợi cho nó cả...”

George nhìn Wally Bryant bằng cái nhìn đầy ý nhị như thể để nói, ta cũng như cậu, *cậu em gái* nhỏ ạ. Wally là một chàng trai bụ bẫm, cái khuôn mặt vàng bủng; sự tỉ mỉ cậu ta dùng để chải mái tóc bông bênh bóng lộn, để giữa từng cái móng tay cho thật gọn gàng và cặp lông mày được tỉa kín đáo chỉ khiến cậu ta trông mất ngon hơn mà thôi. Dĩ nhiên cậu hiểu cái nhìn của George có ý gì. Cậu ta đỏ mặt xấu hổ. Kệ đi. George sẽ dạy cho cậu ta một bài học mà cậu ta sẽ suốt đời không quên. Sẽ bắt Wally nhìn thẳng vào tâm hồn nhút nhát của cậu. Sẽ cho cậu ta sự can đảm để ném đi cái giữa móng tay và đối mặt với sự thật của cuộc sống...

“Ví dụ thế này nhé, những người có tàn nhang không được những người không có tàn nhang coi là một cộng đồng thiểu số. Hay ít ra là họ không được coi là một cộng đồng thiểu số

theo nghĩa mà chúng ta đang đề cập. Tại sao? Bởi vì một cộng đồng chỉ được coi là thiểu số khi nó tiềm ẩn những đe dọa tới số đông còn lại, dù thực hay tưởng tượng. Và hãy nhớ, không có mối đe dọa nào là hoàn toàn không có thực cả. Có ai không tán thành với ý kiến này không? Nếu có, hãy tự hỏi chính mình, sẽ ra sao nếu nhóm cộng đồng thiểu số này bỗng nhiên trở thành đa số sau một đêm? Các cô cậu hiểu ý tôi không? Nếu không, hãy dành thêm chút thời gian mà nghĩ cho kĩ!”

“Được rồi, giờ thì bàn đến những người theo đảng tự do - mà tôi tin là bao gồm tất cả những người đang ngồi đây, trong căn phòng này. Họ nói, ‘Các cộng đồng thiểu số cũng là con người, như chúng ta.’ Chắc chắn rồi, người thiểu số cũng là người, con người, không phải thiên thần. Và dĩ nhiên họ giống chúng ta, nhưng không hoàn toàn giống. Đây chỉ là lý luận quá quen thuộc của chủ nghĩa tự do quá khích, đánh lừa chính bản thân họ đến nỗi không nhận ra sự khác biệt giữa người da đen và người Thụy Điển...” (Ôi, sao George không dám nói thẳng toẹt ra là giữa Estelle Oxford và Buddy Sorensen chứ? Nếu ông đã dám, có thể mọi người đã sẽ cười ồ cả ra và rồi sẽ ghì chặt lấy khoảnh khắc này cùng nhau, và rồi vương quốc địa đàng có thể bắt đầu tại đây, ngay chính trong giảng đường này. Nhưng nói đi cũng phải nói lại lỡ chẳng may nó lại diễn ra ngược hẳn).

“Vậy nên, hãy thừa nhận, các cộng đồng thiểu số là những người có thể nhìn, hành động và suy nghĩ khác chúng ta, có thể họ có những thiếu sót mà chúng ta không có. Chúng ta có thể không ưa họ vì vẻ bên ngoài và hành động của họ, chúng ta có thể ghét họ vì những thiếu sót. Và sẽ là tốt hơn nếu chúng ta thừa nhận sự không hài lòng của mình với họ, sự căm ghét với họ hơn là cố làm nhạt đi cảm giác thực sự của chúng ta bằng những ngôn luận tự do giả tạo. Nếu chúng ta thành thật với cảm giác của mình, chúng ta sẽ có được sự an toàn nội tại và nếu chúng ta có sự an toàn nội tại, sẽ bớt đi khả năng chúng ta bắt đầu các hành động ngược đãi. Tôi biết triết lý đó ngày nay không được phổ biến cho lắm. Tất cả chúng ta thích tin tưởng rằng nếu chúng ta lờ chuyện gì đó đủ lâu, nó sẽ tự tan biến...”

“Tôi đang nói tới đâu rồi?Ồ phải. Giờ hãy giả sử như cộng đồng thiểu số này bị ngược đãi, mà không cần biết lý do là gì - chính trị, kinh tế hay các lý do tâm lý. Lúc nào cũng có một lý do, không cần biết nó vô lý đến mức nào - đó là điều mà tôi muốn nói. Và dĩ nhiên, bản thân sự ngược đãi đã là sai, chắc ai cũng đồng ý. Nhưng điều tệ hại là, chúng ta đang gặp phải một quan điểm tự do dị biệt khác. Phe tự do nói, vì kẻ đi ngược đãi cộng đồng thiểu số là man rợ, nên phe bị ngược đãi phải là những người trong sạch, không một vết nhơ. Không phải rất là vô nghĩa sao? Làm thế nào để phòng tránh và chống lại sự xấu xa khi chúng ta không thể làm điều xấu xa lại với chúng? Có phải những nạn nhân Cơ Đốc giáo trên vũ đài ngày xưa đều phải là những thánh nhân?”

“Mỗi cộng đồng thiểu số có sự hung hãn riêng của họ. Họ hoàn toàn thách thức số đông dám tấn công họ. Họ ghét số đông - không phải không có nguyên nhân, tôi dám khẳng định. Họ thậm chí còn ghét các cộng đồng thiểu số khác, bởi vì tất cả bọn họ nằm trong một vòng chiến chung: mỗi cộng đồng tự nhận rằng nỗi đau họ đang chịu đựng là khôn cùng nhất, rằng sự thiếu sót trong họ là khổ sở nhất. Và sự thù hận trong họ càng nhiều, bị ngược đãi càng nhiều

thì họ càng trở nên cay độc. Bạn có nghĩ người ta sẽ cay độc khi được người khác yêu không? Dĩ nhiên là không. Vậy tại sao họ phải trong sáng thuần khiết để rồi bị khinh miệt? Khi bạn đang bị ngược đãi, bạn sẽ ghét sự ngược đãi đó, bạn sẽ ghét những người mang đến cho bạn sự ngược đãi đó; bạn sống trong căm hận. Rồi đến lúc, thế giới của bạn không còn gì khác ngoài sự hoài nghi và thù hận. Kể cả khi tình yêu đến với bạn, bạn sẽ không nhận ra nó, sẽ nghi ngờ nó. Bạn sẽ nghĩ chắc chắn phải có uẩn khúc gì phía sau phải có âm mưu, kế hoạch đen tối nào đó...”

Đến lúc này, George không còn biết ông đã chứng tỏ hay bác bỏ điều gì, không còn biết ông đang bảo vệ cho phe nào, thậm chí ông còn không biết mình đang nói gì. Những câu từ này cứ thế tuôn ra từ miệng ông với sự phấn khích tột cùng. Trong thâm tâm, ông thực sự nghĩ như những lời ông đã nói, cả những lời có nghĩa lẫn vô nghĩa. Ông đã thốt ra chúng ào ào như một cơn lũ để đánh thức Wally, Estelle và Myron, và tất cả bọn họ. Hãy để những kẻ muốn nghe được nghe.

Wally vẫn đỏ mặt xấu hổ, nhưng không có vẻ gì là thức tỉnh hay bị đánh gục cả. George dần nhận ra ánh mắt của Wally không còn đặt nơi khuôn mặt ông nữa; chúng đang hướng lên và tập trung vào điểm đầu đó cao quá đầu ông một chút trên bức tường phía sau. Khi nhìn liếc nhanh qua căn phòng, George thấy tất cả những cặp mắt khác cũng đang tập trung nhìn vào chiếc đồng hồ chết tiệt. Không cần quay đầu lại ông cũng biết mình không còn nhiều thời gian. Ông kết thúc cộc cằn và bảo bọn họ, “Chúng ta sẽ tiếp tục vào thứ Hai.” Bọn họ đứng dậy, cầm sách lên và rì rầm bước ra ngoài.

Ông mong chờ gì hơn chứ? Hầu hết trong số chúng phải vội vã đến một nơi khác trong 10 phút nữa. Ấy vậy mà lòng của George vẫn cứ xù lên. Đã khá lâu kể từ khi ông đánh mất chính mình và bị cuốn trong lý luận như vậy. Thật xấu hổ làm sao! Sự hăng hái ngớ ngẩn của một ông già, huyền thoại không ngừng bất kể thời gian trước sự chứng kiến và thở dài sườn sượt của cả một giảng đường đầy những sinh viên. Ông lại đánh mất bản ngã. Trong giây phút, George ghét tất thấy bọn chúng, ghét sự lãnh đạm thờ ơ như súc vật của chúng, ghét cái kiểu chúng lũ lượt ủa ra khỏi lớp như không thể nào nhanh hơn được nữa. Lại thêm một lần viên kim cương được đưa ra bán giữa đường để đổi lấy một đồng xu, và chúng lại từ chối nó với nụ cười khinh miệt, nhún vai coi thường lão già bán rong ngớ ngẩn.

Nên ông mỉm cười với vẻ nhiệt tình hơn mọi lần khi những sinh viên còn nán lại phía sau để hỏi ông. Sơ Maria chỉ muốn biết liệu khi ra đề thi cuối kỳ, ông có yêu cầu sinh viên phải đọc hết tất cả các cuốn sách mà Huxley đã nhắc đến trong cuốn tiểu thuyết này hay không? George nghĩ sẽ thật thú vị nếu ông nói với sơ rằng, đúng vậy, bao gồm cả cuốn *120 ngày ở Sodom* [23] nữa. Nhưng dĩ nhiên ông đã không nói vậy. Ông bảo sơ không phải lo lắng và sơ đã ra về trong sự phấn khởi gánh nặng học hành của sơ đã nhẹ đi rất nhiều.

Còn Buddy Sorensen thì chỉ muốn giải thích vì sao đã không đọc tiểu thuyết như ông đã dặn. “Xin lỗi giáo sư, em đã không đọc Huxley vì em muốn được nghe ý kiến của giáo sư về tác phẩm đó trước rồi mới đọc.” Cậu ta thực sự dần đến mức đó hay là quá ranh mãnh? George cũng chẳng thèm bận tâm tìm hiểu. “Vì một thế giới không Bom!” ông nói và nhìn chằm chằm vào tấm huy hiệu của Buddy giờ đây đang cười nhảu nhở. “Dạ phải, giáo sư.”

Bà Netta Torres muốn biết liệu thị trấn mà nhân vật bá tước đời thứ năm vùng Gonister đã sống là có thật hay chỉ đơn thuần là sản phẩm hư cấu của Huxley. George không thể trả lời câu hỏi này của bà. Ông chỉ có thể nói rằng, trong chương cuối, khi Obispo, Stoyte và Virginia đang mải mê tìm kiếm ngài bá tước, họ được mô tả như đang ở trên một con đường ngoại ô London hướng về Tây Bắc. Nên George đoán rằng Gonister chắc hẳn nằm đâu đó ở Hampshire hay Sussex. Nhưng rồi ông nhận ra rõ ràng câu hỏi của bà Torres chỉ là cái cớ. Bà đưa ra chủ đề nước Anh chỉ để có dịp khoe với ông rằng bà đã trải qua ba tuần khó quên ở đó, 10 năm về trước. Phần lớn thời gian bà đã ở Scotland, và một chút ở London. “Cứ mỗi lần nghe anh giảng,” bà nói với George, ánh mắt đong đưa nồng nhiệt dán vào mắt ông, “tôi lại nhớ đến những giọng nói ngọt ngào tôi đã được nói chuyện cùng trong kỳ nghỉ đó. Nó ngân nga giống như âm nhạc.” (George gắng lắm mới không khỏi buột miệng hỏi bà, chính xác thì giọng của vùng miền nào bà đã được nghe. Liệu có phải ở Cockney và Gorbals không? Giờ thì bà Torres lại muốn biết nơi sinh của ông, ông trả lời bà, và bà chưa bao giờ nghe đến nó. George tranh thủ giây phút ngắn ngủi của sự thất vọng ở bà Torres để chấm dứt màn tâm sự tỉ tê giữa họ.)

Lại một lần nữa văn phòng của George chứng tỏ tính hữu dụng của nó; ông trốn vào đó để lẩn tránh bà Torres. Giáo sư Gottlieb đã có mặt ở văn phòng.

Giáo sư Gottlieb đang phấn khích vì ông mới nhận được cuốn sách mới về Francis Quarles^[24], viết bởi một giảng viên đại học Oxford, gửi đến cho ông từ Anh. Gottlieb chắc hẳn đã biết tường tận mọi điều về Quarles chả kém gì vị giáo sư kia. Nhưng Oxford, cái danh của nó nằm chót vót trên cao trao quyền năng cho vị giáo sư kia để viết nên cuốn sách, mới là điều mà Gottlieb tội nghiệp, người sinh ra ở một trong những khu vực tệ hại của Chicago, kính nể. “Nó khiến anh nhận ra xuất thân anh cần để có thể làm những công việc như thế này,” ông nói. George cảm thấy buồn và chán nản thay cho Gottlieb, bởi vì rõ ràng ông ước, nếu có thể, thì ông sẽ không ngần ngại hoán đổi vị trí cho vị giảng viên khốn khổ kia và học cách để viết những áng văn xuôi chua chát, cay nghiệt, đầy hằn học châm biếm về cuộc sống của chính ông.

Cầm cuốn sách trên tay trong giây lát, lật qua những trang giấy với sự trân trọng chùng mụt, George quyết định ông cần ăn chút gì đó. Bước ra khỏi tòa nhà, người đầu tiên ông nhận thấy là Kenny Potter và Lois Yamaguchi. Họ đang ngồi trên bãi cỏ dưới tán những cái cây mới được trồng. Cây họ đang ngồi dưới nhỏ nhất trong số đó. Nó thậm chí còn chưa có đến chục chiếc lá. Ngồi dưới bóng râm của những cây như vậy thì thật là kỳ cục; có lẽ đó là lý do mà Kenny chọn nó. Cậu ta và Lois trông như thể họ là những đứa trẻ đang đóng giả bị mắc kẹt trên bãi san hô Nam Thái Bình Dương. Nghĩ đến đây, George mỉm cười về phía họ. Họ cười lại, và rồi Lois phá lên cười theo kiểu then thùng dễ thương lỗi Nhật Bản của cô. George đi qua họ thật gần như thể cách mà một chiếc tàu thủy sẽ đi qua, ông bước không ngừng. Có vẻ như Lois biết ông là gì, vì cô đang vẫy tay một cách vui vẻ về phía ông đúng cách mà người ta sẽ vẫy khi thấy con tàu đi qua bằng cử chỉ duyên dáng quyến rũ của cánh tay bé xúx của cô. Kenny cũng vẫy tay với ông, nhưng ông ngờ rằng cậu không biết gì mà chỉ vẫy theo Lois mà thôi. Dù sao thì khi thấy họ vẫy theo, trái tim George cũng chùng lại đôi chút. Ông vẫy chào lại họ. Con thuyền cũ mục và những người bị đắm tàu đã trao đổi tín hiệu, nhưng không phải tín hiệu cầu cứu. Họ tôn trọng quyền riêng tư của nhau. Họ không có hứng thú quấn lại vào nhau. Họ chỉ đơn giản là

chúc cho người kia bình an. Lại một lần nữa, cũng như khi nhìn thấy cặp đấu tennis, George cảm thấy ngày hôm nay của ông đã bừng sáng lên đôi chút. Nhưng lần này cảm xúc của ông không chút buồn phiền lo âu. Nó thật yên bình và lỏng lẻo. George sai bước về phía căn-tin, mỉm cười với chính mình mà không ngoảnh lại nhìn.

Rồi ông nghe thấy tiếng gọi “Thưa giáo sư!” ngay sau mình. Ông quay đầu lại, đó là Kenny. Kenny đã đuổi theo ông trong yên lặng với đôi giày bệt của mình. George đoán rằng cậu sẽ hỏi những câu như họ sẽ phải đọc cuốn sách nào trong buổi học tiếp theo rồi sẽ bỏ đi. Nhưng không, Kenny bước sánh vai với ông và nói bằng quơ như để báo cho ông biết, “Em phải đi xuống cửa hàng sách.” Cậu đã không hỏi nếu George có đang đi xuống đó hay không và George cũng không bảo cậu rằng ông không đang đi đến đó.

“Thầy đã bao giờ thử dùng mescaline chưa giáo sư?”

“Rồi. Một lần. Khi tôi đang ở New York. Khoảng tám năm về trước. Hồi đó còn chưa có luật cấm bán công khai. Tôi cứ đến cửa hàng thuốc và hỏi mua. Họ chưa nghe đến chúng bao giờ, nhưng họ đã nhập chúng về cho tôi sau vài ngày.”

“Và thầy có thấy gì khi dùng nó không? Như những ảo ảnh thần bí chẳng hạn?”

“Không. Ít nhất không phải thứ mà cậu có thể gọi là ảo ảnh. Lúc đầu tôi thấy như bị say sóng, dù không nặng lắm. Rồi tôi thấy hơi sợ, dĩ nhiên rồi. Giống như bác sỹ Jekyll sẽ cảm thấy khi ông ta thử thuốc của chính mình lần đầu tiên vậy. Rồi màu sắc trở nên sáng rực hơn bình thường và tách biệt với nhau. Chói lòa đến mức cậu sẽ tự hỏi tại sao không ai chú ý đến nó. Tôi còn nhớ như in hình ảnh chiếc túi xách màu đỏ của một phụ nữ nào đó nằm trên bàn trong nhà hàng, nó sống động, ồn ào và âm ỉ giữa thanh thiên bạch nhật, giống như thể một scandal công cộng. Và khuôn mặt của những người xung quanh trở nên như một bức tranh biếm họa. Ý tôi là, cậu sẽ có vẻ như hiểu ra được con người thực sự đằng sau lớp mặt nạ bên ngoài của họ, nó rất đơn giản và thô sơ. Kẻ thì rỗng tuếch lỗ bịch, kẻ thì lo lắng đến phát ốm, kẻ thì thèm khát được đấm đá. Và rồi cậu sẽ thấy có một số người đơn giản là đẹp đến tuyệt diệu, như thể họ không lo âu, buồn phiền và giận dữ vì bất kì điều gì; họ chấp nhận cuộc sống trong một niềm hân hoan.Ồ, và mọi thứ ngày càng trở nên đa chiều: rèm cửa trông nặng nề hơn, chạm trổ hơn, những đồ gỗ trở nên sần sùi hơn. Cây cối, cỏ hoa trở nên đầy sức sống. Tôi còn nhớ có một lọ hoa violet, chúng không hề nhúc nhích, nhưng tôi biết chúng có thể. Mỗi bông như một con rắn đang chồm lên bất động. Rồi khi viên thuốc phát huy hết tác dụng của nó, cậu sẽ cảm thấy như thể bốn bức tường trong căn phòng và mọi đồ vật xung quanh đang thở phì phò, và sàn nhà bắt đầu dâng lên như thể nó được làm bằng nước. Rồi mọi thứ dần lắng xuống, cậu trở lại như bình thường. Không có dư âm khó chịu gì sau đó hết. Tôi đã thấy ổn. Tôi chén hết một bữa tối khổng lồ sau đó.”

“Giáo sư không bao giờ dùng lại sau lần đó?”

“Không. Tôi thấy mình không muốn dùng nó nữa. Đó chỉ là một trải nghiệm. Tôi đã đưa phần còn lại của viên thuốc cho đám bạn. Một trong số họ đã thấy hết như những gì tôi thấy, và một người khác thì chẳng thấy gì. Một cô bạn nói với tôi rằng cô ấy chưa bao giờ thấy sợ đến như vậy trong suốt cuộc đời. Nhưng tôi ngờ rằng cô ấy chỉ nói vậy cho lịch sự. Giống như cảm ơn vì bữa tiệc...”

“Giáo sư không có viên thuốc nào còn lại cho đến giờ chứ ạ?”

“Không, Kenny, tôi không còn. Và thậm chí nếu tôi có còn, thì tôi cũng sẽ không phân phát cho các sinh viên đâu. Tôi có thể nghĩ ra nhiều cách thú vị khác để được bị đá dít ra khỏi nơi này.”

Kenny cười toe toét, “Xin lỗi giáo sư, em chỉ thắc mắc vậy thôi. Nếu thực sự muốn thử, em có thể kiểm được nó ở ngay chính trong trường này mà. Đủ loại luôn. Bạn của Lois đã mua thuốc từ một sinh viên khác. Cậu ấy bảo, khi dùng nó, cậu ấy đã thấy Chúa.”

“Có thể cậu ấy đã thấy. Có thể tôi đã không dùng đủ liều.”

Kenny nhìn vào George, cậu ta trông có vẻ thích thú. “Giáo sư biết không, em cược là cho dù thầy đã nhìn thấy Chúa, thầy cũng chẳng nói với bọn em.”

“Sao cậu nói vậy?”

“Lois nói với em thế. Cô ấy nghĩ thầy, ừm, hơi kín đáo và bí hiểm. Giống như sáng nay khi thầy lắng nghe toàn bộ đồng rác rưởi mà bọn em nói về Huxley vậy.”

“Tôi không nhận thấy cậu làm tốt việc nói nhiều cho lắm. Tôi không nghĩ cậu đã mở miệng dù chỉ một lần.”

“Em mãi nhìn thầy. Không phải đùa chứ em nghĩ Lois nói đúng. Thầy đã để mặc cho bọn họ nói luyên thuyên một hồi rồi mới đính chính lại. Em không nói rằng thầy không dạy bọn em điều gì thú vị, ngược lại là khác, nhưng thầy không bao giờ thực sự nói cho bọn em nghe tất cả những gì thầy biết về một vấn đề nào đó.”

George thấy phấn khởi và vinh dự. Kenny chưa bao giờ nói chuyện với ông như thế này trước đây. Ông không thể cưỡng lại việc lại rơi vào vai diễn mà Kenny mời gọi ông nhận lấy.

“Có thể đúng là vậy, một phần nào đó. Cậu biết đấy, Kenny, có những điều mà ta thậm chí không nhận thức được là mình biết, cho đến khi ta được hỏi đến.”

Họ đã đi đến gần sân tennis. Sân đang được sử dụng hết diện tích, lổm đổm những bóng

người đang di chuyển. George, với cái nhìn của một tên nghiện cũ, đảo mắt nhanh khắp sân và nhận ra cặp đấu thủ ban sáng đã đi mất, chỉ còn lại những kẻ không hấp dẫn chút nào vẫn đang chơi. Trên phần sân gần ông nhất là một nhân viên trung niên béo múp míp của khoa, tập thể thao với mong muốn giảm đi chút mỡ, đang đấu với một cô gái có đôi chân lông lá.

“Phải có ai đó hỏi thì cậu mới trả lời được,” George tiếp tục câu chuyện đang dang dở của mình với Kenny, “nhưng rất ít khi có ai đó hỏi đúng câu hỏi. Vì hầu hết mọi người chẳng hứng thú nhiều đến như vậy.”

Kenny im lặng. Có phải cậu ta đang nghĩ cuộc trò chuyện đến đây là kết thúc? Hay cậu ta sẽ hỏi George một vấn đề khác ngay? George đẩy nhanh sự ngập ngừng trong trạng thái đề phòng.

“Không phải tôi cố tình kín đáo hay khó gần gì,” ông nói và giữ ánh nhìn xuống mặt đất để khiến câu chuyện không riêng tư hết mức ông có thể giữ. “Cậu biết đấy, Kenny, rất nhiều lúc tôi muốn nói chuyện, muốn thảo luận một cách thẳng thắn. Tôi không có ý nói ở trên lớp, dĩ nhiên rồi, như thế sẽ không có ích gì. Chắc chắn sẽ có ai đó hiểu lầm...”

Im lặng. George liếc nhanh qua mặt Kenny và thấy cậu đang nhìn chăm chăm cô gái lông lá trên sân mà không thèm che giấu sự hứng thú với cô. Có lẽ này giờ cậu ta chẳng thèm lắng nghe ông nói. Ông chẳng thể nào biết được.

“Có thể người bạn này của Lois đã không thực sự nhìn thấy Chúa,” Kenny bất ngờ nói. “Ý em là, có thể cậu ta cũng đã chỉ tự lừa dối mình. Chẳng lâu sau khi dùng thuốc, cậu ta đã bị suy sụp tinh thần. Cậu ta phải vào viện thần kinh ba tháng liền. Cậu ta nói với Lois rằng trong quãng thời gian bị suy sụp tinh thần đó, cậu ta biến thành một tên ác quỷ và cậu ta có thể kéo những vì sao xuống. Em không đùa đâu. Cậu ta bảo cậu ta có thể kéo bảy ngôi sao xuống cùng một lúc. Cậu ta sợ cảnh sát. Vì họ có cỗ máy bắt ác quỷ và trừ khử chúng. Nó gọi là cỗ máy Mo. Mo trong từ Om đọc ngược lại. Giáo sư biết đấy, đó là tiếng Ấn Độ cho *Thượng Đế*.”

“Nếu cảnh sát có thể trừ khử ác quỷ thì chẳng phải họ là thiên thần sao? Nghĩ cho cùng thì vậy cũng hợp lý. Một thế giới mà cảnh sát là những thiên thần thì chỉ có thể là ở trong nhà thương điên thôi.”

Kenny không ngừng cười vì câu nói đùa này của ông cho đến khi họ bước vào hiệu sách. Cậu ta muốn mua một cái gọt bút chì. Họ có bán chúng với các màu đỏ, xanh lá, xanh biển và màu vàng, được bọc bởi một lớp ni lông bên ngoài. Kenny chọn cái màu đỏ.

“Giáo sư cần mua gì vậy?”

“Không gì cả.”

“Ý thầy là, thầy đi bộ cả quãng đường đó chỉ để nói chuyện với em sao?”

“Dĩ nhiên rồi. Sao không chứ?”

Kenny có vẻ ngạc nhiên và cảm kích một cách chân thành. “Nếu vậy thì, em nghĩ mình nên đền bù chút gì đó cho thầy. Thầy chọn đi, em sẽ trả tiền.”

“Nhưng mà... thôi được. Cảm ơn cậu.” George hơi đỏ mặt như thể ông vừa được tặng một đóa hồng. Ông chọn cái gọt bút chì màu vàng.

Kenny mỉm cười. “Em đã nghĩ thầy sẽ chọn màu xanh biển.”

“Tại sao?”

“Chẳng phải màu xanh biển là biểu trưng của tâm linh và đạo đức sao ă?”

“Điều gì khiến cậu nghĩ tôi muốn trở thành người đạo đức? Còn cậu? Màu đỏ ư?”

“Màu đỏ là biểu trưng của điều gì ă?”

“Đam mê và dục vọng.”

“Không giống?”

Họ đứng trong yên lặng, mỉm cười thân mật. George cảm thấy, ngay cả khi những câu nói lấp lửng này đã không đưa họ đến gần với sự thấu hiểu lẫn nhau hơn thì ít nhất bản thân sự mơ hồ, sự sẵn sàng nhảy bổ vào những suy đoán hiểu lầm cũng đã là một kiểu thân mật của nó. Kenny trả tiền và vẫy tay làm một cử chỉ hàm ý tự nhiên thân thiện khó xác định, “Gặp lại giáo sư sau.”

Cậu quay lưng bỏ đi. George lượn lờ trong nhà sách thêm một vài phút để người ta khỏi nghĩ rằng ông đuổi theo Kenny.

Nếu ăn uống được xem như lễ ban phước lành thì nhà ăn của khoa chắc hẳn phải được so sánh với nơi thờ phụng lạnh lẽo hoang vắng và trơ trụi của phái Giáo hữu. Không có bất kì thứ gì ở đây mang đến sự ấm cúng, ngon lành mà ta cần khi dùng bữa. Căn phòng này là mọi thứ đối lập với một nhà hàng. Nó quá sạch với những chiếc bàn nhựa và nhôm; quá gọn gàng với những sọt rác kim loại màu nâu để đựng khăn ăn và cốc giấy đã dùng; và trái ngược với tiếng rì rầm huyền ảo của phòng ăn sinh viên, nó quá yên tĩnh. Sự yên tĩnh của nó khiến ta bơ phờ, xấu hổ và bồn chồn. Và căn phòng này thậm chí không tạo ra được sự trang nghiêm và đứng đắn, như ở Oxford hay Cambridge với những hàng ghế cao, thể hiện qua độ tuổi của những chủ nhân sở hữu nơi đây. Hầu hết những người này còn quá trẻ, George là một trong những người

già nhất.

Chúa ơi, thật đáng buồn, buồn khi phải nhìn thấy sự ử rũ và chiến bại trên không ít những khuôn mặt nơi đây, đặc biệt là ở những người trẻ tuổi. Tại sao họ có thể có những xúc cảm đó về cuộc sống của mình? Ừ thì họ được trả lương không xứng đáng. Ừ thì họ không sở hữu những tài sản quý giá về mặt thương mại. Ừ thì họ không được giao du với những nhân viên tập đoàn lớn. Nhưng chẳng phải được ở cùng những sinh viên trẻ, những người mới chỉ bước qua một phần ba cuộc đời, mỗi ngày cũng là niềm an ủi phần nào sao? Chẳng phải được trở nên hữu dụng, góp phần tạo nên một thể hệ công nhân mới, thay vì chạy quanh để thỏa mãn người tiêu dùng, cũng là một niềm mãn nguyện? Chẳng lẽ việc được là một trong số ít những trí thức trên đất nước này không hủ bại không là điều không có nghĩa lý gì?

Rõ ràng là không đối với những kẻ u sầu này. Họ có thể hạnh phúc hơn nếu dám thử đi tìm nó. Nhưng họ đã chấp nhận công việc này và giờ phải mắc kẹt với nó. Họ đang lãng phí thời gian và cuộc sống quý báu ở đây trong khi đáng lẽ họ nên học cách lừa lọc, chộp giật và gian dối. Họ đã tự tách mình ra khỏi số đông xã hội - những kẻ môi giới, vụ lợi và cơ hội - bằng việc chăm chỉ thu lại những kiến thức vô bổ và khô cằn. Vô bổ là điều mà những tên thương nhân gọi đồng kiến thức của các trí thức, vì chúng có thể sống, thậm chí sống rất tốt mà không cần đến nó. Chúng gọi những giáo sư này là lũ khờ. Biết nhiều thì có tác dụng gì nếu không thể kiếm tiền từ nó? Và đáng buồn là các giáo sư trẻ ử dột này cũng gần như đồng tình với chúng. Họ thậm chí thấy xấu hổ vì đã không khôn ngoan, xảo trá hơn.

George bước đến quầy phục vụ. Trên quầy là những nồi thịt hầm nghi ngút khói mà các cô phục vụ đang hì hục múc ra kèm với rau và súp. Hoặc bạn có thể chọn sa lát và bánh hoa quả, hoặc bánh thạch rau câu nửa trong suốt lẫn tẩm những vân xanh trông đến kì cục. Đang nhìn chăm chăm vào những chiếc bánh thạch với vẻ trầm trồ sửng sốt, ngạc nhiên như thể đang ngắm một con vật thú vị sau lớp kính trong nhà trưng bày bò sát, là Grant Lefanu, giáo sư vật lý trẻ thích làm thơ. Grant là phần đối lập của sự ử dột, ở cậu không có định nghĩa về sự chán chường, dù chỉ là một chút. George mếu cậu. Cậu ta nhỏ và gầy, cặp kính cận dính chặt trên sống mũi và hàm răng đều, rộng, nụ cười hơi điên điên phấn kích. Bạn có thể dễ dàng hình dung Grant như một kẻ khùng bố dưới thời Nga Hoàng một trăm năm về trước. Nếu có cơ hội, cậu ta sẽ có thể trở thành một anh hùng cuồng tín, nghe theo lệnh mà không chút ngần ngại, sẵn sàng làm bất cứ điều gì. Cuộc trò chuyện của những sinh viên xanh xao mắt đỏ hoe, những người theo chủ nghĩa vô chính phủ, trong chén trà và thuốc ở phòng thay đồ nửa đêm hôm trước, mà có thể chỉ là chuyện phiếm, hoàn toàn ngây thơ, cũng có thể được cậu ta biến thành hành động vào sáng hôm sau với những quả bom được ném ra, miệng hò hét những câu khẩu hiệu, cảnh sát khai hỏa, những cậu thanh niên trẻ mơ mộng nông nổi bị kéo lê vào hầm tối. Trên khuôn mặt Grant, bạn thường xuyên bắt gặp nụ cười thường trực, nụ cười của sự ngượng ngùng vì đã diễn đạt ý mình một cách sơ sài, thô tục. Cậu ta giống như người trầm cảm hay nói lảm bảm một mình, rồi đột nhiên hét toáng lên.

Kể ra thì mới gần đây, Grant đã thể hiện hành động của một anh hùng. Cậu ta được mời ra tòa để làm nhân chứng biện hộ cho một người bán sách bị bắt khi đang bán sách khiêu dâm

cổ điển của những năm 20. Ngày xưa, các văn hóa phẩm kiểu này chỉ có thể tìm được ở đất Latin, nhưng giờ đây, sau hàng loạt những cố gắng, nó đang đấu tranh quyền được các thanh niên Mỹ ngẫu nhiên đọc (George không thực sự chắc nếu đó có phải là cùng một loại sách mà ông đã đọc khi còn trẻ trong chuyến du lịch Paris của mình hay không. Ông vẫn còn nhớ rằng ông đã ném bỏ một cuốn sách đen vào sọt rác khi đọc đến cảnh ân ái nóng bỏng. Dĩ nhiên không phải ông cổ hủ; cứ để họ viết những câu chuyện quan hệ thể xác trần trụi nếu họ thấy cần, và cứ để mọi người đọc nếu họ thấy muốn. Chỉ là, nói thực, ông thấy nó nhàm chán và không có thẩm mỹ cho lắm. Tại sao các nhà văn đương đại này không trung thành với đề tài lành mạnh cũ, ví dụ như về các chàng trai trẻ chẳng hạn?).

Tính anh hùng của Grant Lefanu trong vụ kiện này thể hiện qua sự bảo vệ của cậu cho cuốn sách mà không màng đến rủi ro nghề nghiệp của mình. Sau sự khẳng định của một thành viên có vị trí quan trọng, một nhân viên cấp cao ở Cao đẳng Bang San Tomas rằng, cuốn sách này là bản thảo, đòi truy và nguy hiểm, đến lượt Grant được mời lên thẩm chứng. Khi được luật sư bên nguyên thẩm vấn, cậu đã biện luận ngược lại so với ý kiến của vị đồng nghiệp. Tòa cảnh, cáo ba lần, yêu cầu cậu nói rõ ràng hơn, Grant buột miệng chỉ trích rằng vấn đề không phải ở cuốn sách, mà ở những kẻ cổ hủ nhằm vào nó, đó mới là những kẻ thực sự bản thảo, đòi truy và nguy hiểm. Để khiến tình trạng tệ hơn nữa, một trong những nhà báo phái tự do nhân quyền địa phương đã vui sướng tường thuật lại vụ việc, gán cho cán bộ cấp cao kia vai trò của một ông già phản động và bóp méo lời khai của ông thành một lời lăng mạ cá nhân, đồng thời miêu tả Grant như một anh hùng trẻ đại diện cho tự do nhân quyền. Vậy nên giờ đây, trong Cao đẳng Bang San Tomas này dấy lên một câu hỏi mà không ai trả lời được, liệu Grant có giữ được cái ghế của mình sau khi năm học kết thúc hay không?

Grant đối đãi với George như với người bạn đồng chí cùng lật đổ chính quyền, một lời khen mà George không chắc mình có xứng đáng được nhận hay không, vì với thâm niên, với quyền lợi để được khoác lên mình bộ dạng của một người Anh lập dị, và trên hết là với chút thu nhập ngoài của ông, George có thể đủ sức chi trả để nói bất cứ điều gì ông muốn trong khuôn viên Cao đẳng Bang này. Không như Grant tội nghiệp, chẳng có thu nhập riêng, lại còn cô vợ và ba đứa con *lỡ* sinh ra cần được chu cấp.

“Có gì mới?” George hỏi cậu đầy ngụ ý, “Dạo này kẻ thù đang mưu tính gì?”

“Anh biết những khóa học cho các sinh viên cảnh sát? Toda, chuyên viên từ Washington đang chỉ cho chúng 20 cách để phát hiện ra bọn Cộng sản.”

“Không giỡn.”

“Muốn đi xem không? Chúng ta có thể hỏi hấn ta vài câu học búa.”

“Mấy giờ?”

“Bốn rưỡi.”

“Không được rồi. Tôi phải vào thành phố trong một tiếng nữa.”

“Tiếc thật.”

“Tiếc thật,” George tán thưởng, nhưng kì thực thấy nhẹ nhõm. Ông không chắc đây có phải là một trò thử gan hay không. Đã không ít lần, bằng giọng nửa đùa nửa thật, Grant ngỏ ý rủ ông đi phá đám cuộc họp của Hội John Birch[25], hút cần sa ở Watts với thi sĩ vô danh tài giỏi nhất nước Mỹ, đi gặp một người có chức quyền trong Hội giáo Da đen. George không thực sự nghi ngờ Grant chỉ muốn thử mình. Vì thực tế, Grant đã làm không ít việc như vậy từ trước đến nay, và đơn giản là cậu chưa từng nghĩ George có thể sợ. Nhiều khả năng cậu chỉ nghĩ George viện cớ không đi cùng vì ông thấy nhàm chán.

Trong lúc di chuyển về phía cuối quầy phục vụ, mà cả hai người đã chỉ lấy mình cà phê và sa lát (George muốn giảm cân, còn sự thèm ăn của Grant thì cũng nhỏ như người của cậu), Grant kể cho George nghe về bạn cậu ta, người đã nói chuyện với một số chuyên gia ở hãng máy tính lớn. Những chuyên gia này nói rằng, chẳng có gì là to tát nếu xảy ra chiến tranh, vì số người sống sót vẫn sẽ đủ để vận hành đất nước. Dĩ nhiên, những người sống sót sẽ là những người có tiền và có tầm ảnh hưởng lớn, bởi vì họ sẽ có những nơi trú ẩn vững chắc hơn, không phải loại mà những kẻ lừa gạt vẫn bán với giá rẻ mạt. Các chuyên gia đó nói, khi xây dựng nơi trú ẩn, nên tìm đến ít nhất ba đơn vị thi công khác nhau, có thể thì mới không ai biết được bạn đang xây gì; vì nếu có ai đồn thổi bạn có một nơi trú ẩn an toàn tuyệt đối, tốt hơn những người khác thì họ sẽ đổ xô đến đó đòi trú cùng. Cũng với lí do đó, bạn nên suy nghĩ thực tế và đi mua một khẩu tiểu liên ngay. Không có thời gian cho sự ủy mị.

George cười trong sự mỉa mai vừa đủ, vì đó là điều mà Grant mong đợi. Nhưng trò đùa này như bóp nghẹt trái tim ông. Trong tất cả những cuộc khủng hoảng năm 20, 30, và cuộc đại chiến, mỗi sự kiện đã hằn sâu vào George như một nỗi ám ảnh không bao giờ biến mất. Điều khủng khiếp khi đó là nỗi sợ về cái chết. Giờ chúng ta lại có một nỗi sợ hãi đáng kinh hoàng hơn, nỗi sợ của sự sinh tồn. Sự sinh tồn trong Kỷ Hoang tàn, nơi mà sẽ là tự nhiên để ông Strunk bắn gục Grant, vợ và ba đứa con của cậu, vì tội lỗi thôi lệch thếch nằm trong cửa hàng thực phẩm, vì họ đang rất đói và có thể trở nên nguy hiểm với ông và đồng đồ ăn. Không có thời gian cho sự ủy mị.

“Cynthia kia,” Grant nói khi họ bước trở lại phòng ăn, “Anh muốn ngồi cùng cô ấy không?”

“Có nhất thiết không?”

“Chắc là có.” Grant cười bồn chồn. “Cô ấy thấy chúng ta rồi.”

Đúng là Cynthia Leach đang vẫy tay với họ. Cô ta là một người New York trẻ đẹp, tốt nghiệp Sarah Lawrence, con gái của một gia đình giàu có. Có lẽ một phần do muốn chọc tức bố

mẹ nên cô đã cưới Leach, giáo viên lịch sử ở đây. Cuộc hôn nhân của họ trông có vẻ khá hạnh phúc. Mặc dù gầy gò và trắng ớn, nhưng Andy không yếu đuối chút nào; đôi mắt tối màu lấp lánh đầy quyến rũ và cậu ta có vẻ uyển chuyển nhẹ nhàng của một người tập thể dục trên giường khá thường xuyên. Cậu ta không thích giao lưu xã hội nhiều nhưng sẵn sàng chịu đựng để cho Cynthia vui. Họ thường xuyên tổ chức tiệc, và mọi người đều tham dự, vì đồ ăn và thức uống rất thịnh soạn, cảm ơn túi tiền của Cynthia, và Andy cũng khá được lòng mọi người, Cynthia cũng không tệ, vấn đề duy nhất của cô là cô nghĩ về mình như một thành viên của xã hội thượng lưu phương Tây. Cô luôn cố tỏ ra quý phái, nhưng thực tế, cô chỉ đơn thuần là trịch thượng quá lố.

“Andy cho tôi leo cây,” Cynthia nói với họ. Khi họ vừa ngồi xuống bàn nơi cô ngồi, cô quay sang Grant, “Vợ anh sẽ không bao giờ tha thứ cho tôi.”

“Hử?” Grant cười một cách dữ dội thái quá.

“Chị ấy chưa kể với anh?”

“Không một lời.”

“Thật sao?” Cynthia có vẻ thất vọng. Rồi lại tươi tỉnh ngay. “Ôi, có thể vì chị ấy giận tôi. Tôi nói với chị ấy rằng họ cho trẻ con ở đây ăn mặc thật kinh khủng.”

“Nhưng tôi chắc là cô ấy cũng có cùng quan điểm với cô. Cô ấy luôn miệng nói về chuyện đó.”

“Chúng đang đánh mất tuổi thơ của mình,” Cynthia nói, không thèm nghe Grant. “Chúng đang trở nên quá già so với lứa tuổi của mình. Những bộ quần áo chải chuốt, hở hang, son phấn lòe loẹt. Tháng trước tôi có đi Mexico, như thể tôi được hít thở bầu không khí trong lành sau một thời gian dài đằng đẳng. Ôi, không biết dùng lời lẽ nào để mô tả. Lũ trẻ ở đó thật sống động, thật giản dị. Chúng không biết đến lo âu, chúng đơn giản là cứ nở như hoa.”

“Có điều là...” Grant mở miệng nói, hiển nhiên là bắt đầu phản bác lại Cynthia. Vì lẽ đó mà cậu ta lại bắt đầu lắp bắp, không ai nghe nổi cậu ta. Và Cynthia chọn cách không hơi sức đâu mà tìm hiểu cậu ta nói gì.

“Và cái đêm mà chúng tôi quay trở lại từ biên giới. Trời hỡi, liệu tôi có bao giờ quên được nó? Tôi tự nói với chính mình, hoặc là những người này bị điên hoặc là tôi điên. Tất cả bọn họ có vẻ như đang chạy, theo cách mà họ chạy trong các phim tài liệu câm cũ. Rồi con bé lễ tân ở nhà hàng, chưa bao giờ tôi thực sự hiểu được sự cay độc khi gọi họ như thế. Cái cách mà con bé cười chúng tôi. Rồi hàng đồng thực đơn mà không có một món nào nuốt nổi. Rồi những thằng bé phục vụ quái gở như xác chết, chẳng mang gì đến ngoài cốc nước lọc và cứ từ chối nói chuyện với tôi. Tôi thật không thể nào tin nổi mắt mình. Ô chưa hết, đêm đó chúng tôi ngủ tại

một trong những nhà nghỉ khủng khiếp vừa mới xây. Tôi có cảm giác như thể nó chỉ vừa mới được bưng lên khỏi nền một nhà máy rồi đặt vào đây một phút trước khi chúng tôi đến vậy. Nó chẳng ăn nhập gì hết với xung quanh. Ý tôi là, sau khi ở những khách sạn kỳ diệu ở Mexico, mỗi khách sạn mang một vẻ đẹp huyền bí riêng, thì nhà nghỉ này thật là phi thực tế.”

Một lần nữa, Grant có vẻ như sắp sửa đưa ra một sự phản kháng. Nhưng lần này tiếng lầm rầm của cậu ta còn nhỏ hơn lần trước. Ngay cả George cũng chẳng hiểu cậu ta nói gì. George hóp một ngum đầy cà phê, cảm thấy tác dụng của nó tới cái dạ dày hầu như trống rỗng của ông và thấy mình đột nhiên lâng lâng. “Thật là, Cynthia thân mến của tôi,” ông nghe chính mình kêu lên. “Tại sao cô có thể nói chuyện một cách vô lý lạ thường đến vậy?”

Grant ngạc nhiên cười khúc khích. Cynthia trông có vẻ vừa ngạc nhiên vừa thích thú. Cô ta là loại du côn thích sự thách đố, nó gãi ngứa cho thói hung hăng trong cô.

“Thật là, cô mất trí rồi hả?” George như thấy chính mình đang chạy băng băng trên đường bay êm ả, vui vẻ cất cánh. “Chúa ơi, cô nói như thể một tên trí thức người Pháp mới đặt chân đến New York lần đầu vậy. Đó chính là những gì mà hẳn ta cũng sẽ nói, phi thực tế. Nhà nghỉ ở Mỹ dĩ nhiên là phi thực tế rồi. Cô gái của tôi ơi. Cô biết và tôi biết, nhà nghỉ của chúng ta cố tình được xây dựng một cách phi thực tế - nếu cô bắt buộc phải dùng cái từ ngu dại đó - vì một lý do rất đơn giản, căn phòng của nhà nghỉ ở Mỹ không phải là căn phòng của một khách sạn, vì nó là một căn phòng, rõ ràng, chấm hết. Căn phòng, nó có ba chiều, nếu cô vẫn chưa rõ. Nó là biểu tượng cho phong cách sống của chúng ta. Phong cách sống của chúng ta là gì? Là một tập hợp được xây dựng bởi những sự đo lường, các tính thiết thực và các cách sử dụng những nguồn lực vừa đủ, không nhiều hơn, không ít hơn. Tất cả những gì ta có để cung ứng cho nhu cầu thiết yếu của bản thân. Nhưng thử nói như vậy với người phương Tây xem. Nó sẽ làm cho họ sợ đến chết khiếp. Sự thực là, cách sống của chúng ta là quá khắc khổ so với họ. Chúng ta xé nhỏ chiếc máy bay vật chất to lớn ra thành từng mảnh tượng trưng thiết yếu. Vì sao ư? Vì đó là bước cơ bản đầu tiên. Cho đến khi chiếc máy bay to lớn đó còn chưa được định nghĩa, còn chưa được đặt vào đúng chỗ mà nó phải đến thì tâm trí của chúng ta sẽ còn mãi mãi không được giải phóng, chúng ta sẽ mãi mắc trong vòng luẩn quẩn và những mối lo cơm áo gạo tiền nhỏ nhặt mới của cuộc sống. Có người sẽ nói đó là điều hiển nhiên. Người Mỹ ngu xuẩn nhất cũng có thể hiểu ra điều đó, dù chỉ bằng trực giác. Nhưng người châu Âu lại gọi chúng ta là không có nhân tính - hay có lẽ họ thích dùng từ không chín chắn hơn, mà theo tôi thì còn khiếm nhã hơn rất nhiều - bởi chúng ta đã hiện thực hóa một cách phũ phàng thể giới của những khác biệt cá thể, giết chết sự lãng mạn và giết chết niềm tin vào những tác động khách thể trong cuộc sống của họ. Chúng ta đã phủ nhận sự cổ súy tín ngưỡng già nua cổ hủ được sản sinh ra từ mảnh đất của họ, phủ nhận sự phù hoa của những người mẫu chân dài ngất ngưỡng của Paris hào nhoáng và những cánh đồng nho êm đềm. Lẽ tự nhiên họ sẽ không từ bỏ, họ sẽ không ngừng nghỉ để cố chứng minh rằng chúng ta đã sai, bằng những tuyên truyền tôn giáo đáng mửa của họ. Nếu có lúc họ thành công, đó sẽ là dấu chấm hết cho nước Mỹ. Đó mới là sự lật đổ mà Ủy ban điều tra các hoạt động chống Mỹ nên để tâm tới. Người châu Âu ghét chúng ta, vì chúng ta nghỉ hưu để sống bên trong bốn bức tường, ẩn dật vào những hang động để suy tư. Chúng ta ăn những bữa ăn tượng trưng, ngủ những giấc ngủ tượng trưng, và tiêu khiển cũng chỉ là tượng trưng - những

điều đó khiến cho họ khiếp hãi, khiến cho họ thẹn nộ và ghê tởm. Vì họ không thể nào hiểu được. Họ không ngừng hét lên, ‘Chúng là những cái xác sống’. Họ bắt chính họ phải nghĩ như vậy bởi bằng không họ sẽ phải thừa nhận rằng người Mỹ có thể sống như thế này, vì xã hội chúng ta đi trước họ hay thậm chí là đi trước tất cả mọi nơi khác trên trái đất này đến cả năm trăm năm, cả nghìn năm. Tóm lại, về bản chất, chúng ta là những sinh vật có linh hồn. Cuộc sống của chúng ta nằm ở tâm trí chính chúng ta. Đó là lý do vì sao chúng ta thỏa mãn với những vật chất tượng trưng như căn phòng nhỏ trong nhà nghỉ chẳng hạn. Còn bọn họ lại sợ những sự tượng trưng, họ trân trọng giá trị vật chất bởi vì bọn họ là những người theo chủ nghĩa duy vật đáng khinh.”

Một lúc trước khi kết thúc cuộc khẩu chiến này, George đã nhìn thấy, như thể ông ở tít trên cao ngó xuống, Andy Leach đang bước vào phòng ăn. Đó quả thực là sự cứu cánh đúng lúc, vì George thấy năng lượng của mình đã hết, động cơ đã ngừng chạy. Nên giờ với kỹ năng của một cựu phi công, ông nhẹ nhàng trượt xuống hạ cánh một cách hoàn hảo. Và cái hay của nó là, họ sẽ nghĩ ông dừng nói vì lịch sự khi thấy Andy đến.

“Tôi có bỏ lỡ gì không?” Andy cười toe toét hỏi.

Một người biểu diễn xiếc không có màn che sân khấu giũ xuống để che cho anh ta trong lúc anh ta chuẩn bị tiết mục tiếp theo ngay sau đó. Giũ thẳng bằng trên xà đu cao chót vót mà bên dưới là những vòng lửa đang hùng hực cháy, người nghệ sĩ sáng chói như một ngôi sao. Nhưng giờ, khi chạm đất, không còn ánh hào quang lung linh của đèn pha sân khấu rọi vào, không còn những pha thót tim ngoạn mục để thu hút sự ngưỡng mộ của khán giả, thì anh ta trở nên vô hình, họ đều đang hướng mắt về phía những chú hề mới ra sân khấu, nếu có ai liếc nhìn về phía anh ta thì cũng thấy anh thật mờ nhạt, anh ta vội vã bước qua hàng ghế dài về phía lối ra. Không còn ai vỗ tay hoan hô anh ta nữa. Cũng chẳng ai thèm liếc nhìn anh ta.

Cùng với sự mờ nhạt, George cảm thấy một sự mỗi mệt đang dấy lên bao trùm lấy ông, mà không hẳn là khó chịu lắm. Con thủy triều sức sống của ông đang chìm xuống, kéo theo ông đi cùng. Đột nhiên ông thấy mình già nua hơn nhiều. Ông bước đi hoàn toàn khác về phía bãi đỗ xe, ông không còn nhún nhảy, di chuyển cánh tay và bờ vai rệu rã, mỗi mệt. Ông chùng xuống. Chân bước liêu xiêu, đầu cúi gập, miệng giãn ra, các thớ thịt trên hai gò má xệ xuống. Khuôn mặt ông toát ra vẻ đờ đẫn vô hồn. Ông rên rỉ từng cơn như tiếng ong vo ve quanh tổ.

*

* *

Bệnh viện nằm hiên ngang trên ngọn đồi cong im lìm, nhô lên từ những bãi cỏ dốc và những bụi hoa sắc sỡ, bên vệ đường cao tốc. Nó như một lời nhắc nhở đến những kẻ lữ hành lái xe ngang qua - đây là điểm cuối của con đường. Tuy nhiên, nó cũng có mặt tốt đẹp riêng của nó. Nó cao sừng sững đón mọi cơn gió thổi vào từ biển, mà chắc hẳn là có không ít cửa sổ phòng bệnh từ đó bạn sẽ được nhìn thấy đại dương, thấy mũi Palos Verde và thậm chí thấy cả đảo Catalina trong tiết trời đông sáng.

Các cô y tá ở quầy lễ tân cũng rất thân thiện. Họ không làm phiền bạn với hàng đống những câu hỏi. Nếu bạn biết số phòng mình muốn đến thăm, bạn thậm chí không cần phải xin phép, mà cứ thế lên thẳng phòng.

George đứng trong thang máy một mình. Thang dừng lại ở tầng hai, một nam y tá da màu đẩy vào một bệnh nhân đang nằm sắp trên chiếc giường di động. Anh nói bà ta sắp phải phẫu thuật, nên họ phải xuống tầng trệt, nơi có các phòng mổ. George kính cẩn đề nghị được ra khỏi thang máy để tránh làm phiền, nhưng cậu y tá trẻ (người có những cánh tay rắn chắc rất gợi cảm) nói ông không cần phải làm như vậy. Nên ông cứ đứng đó, như đang dự tang lễ của một người xa lạ, lén lút nhìn trộm bà bệnh nhân như thể bà là nạn nhân đã được chuẩn bị sẵn cho nghi lễ tưởng nhớ. Bà có vẻ nhận thấy điều này và cũng đồng tình, nên hoàn toàn thoải mái trong sự bằng lòng. Mái tóc bạc của bà trông thật đẹp, nó chắc hẳn mới vừa được uốn cong.

Thang máy dừng một lần nữa, họ đã tới tầng trệt. Cửa mở ra.

“Ta có nên ra luôn không?” George tự hỏi chính mình.

Cái thân thể tội nghiệp đang co rúm lại trước không khí, mùi và cảm giác mà nơi này mang lại. Nó mò mẫm chồm lên giãy giụa đòi tháo chạy. Chạy khỏi cái viễn cảnh sẽ bị u mê bởi những loại thuốc họ đưa cho, khỏi bị đâm chọc bởi các ống tiêm, bị cắt gọt bởi những con dao sắc nhỏ, khỏi những điều không thể tượng tượng nổi sẽ xảy đến với nó, cái thân thể xác thịt trần tục. Cho dù là để chữa trị và khiến nó khỏe hơn đi nữa, thì nó cũng sẽ không bao giờ có thể quên, có thể tha thứ. Không gì có thể trở lại như cũ được nữa. Nó sẽ đánh mất niềm tin vào chính nó.

Jim thường không thôi phàn nàn và rên rỉ mỗi khi anh bị cảm lạnh hay lỡ tay làm mình bị chảy máu. Nhưng đến phút cuối của cuộc đời, anh đã may mắn - lần duy nhất may mắn thực sự đáng giá. Chiếc xe tải đã đâm vào xe của anh một cách bất thành hình và mãnh liệt; anh đã không cảm thấy chút gì, đã không phải giãy giụa trước khi từ bỏ cõi trần. Và họ chưa bao giờ phải đưa anh đến nơi như thế này dù chỉ một lần. Những gì còn sót lại của anh đều vô ích cho các hoạt động khoa học của họ.

Phòng của Doris nằm ở tầng trên cùng. Hành lang vắng không một bóng người. Cửa phòng của Doris đang mở toang, tấm màn che đặt trước giường. George liếc qua đầu tấm màn trước khi bước vào. Doris đang nằm ngả mặt ra cửa sổ.

George đã quen dần với vẻ bề ngoài của Doris. Nó không còn khủng khiếp với ông nữa, vì ông đã mất đi cảm giác để nhận thức được sự thay đổi. Đối với ông, Doris vẫn mãi là như vậy. Cô là một loài sinh vật khác - một con ma-nơ-canh nhả nheo vàng búng, với cánh tay và đôi chân gầy gò tong teo, thân xác khô cằn và cái bụng rỗng, nằm co ro bên dưới tấm ga giường. Điều gì đã xảy ra với con thú hoang tàn kiêu ngạo trong cô gái đó? Với cái thể xác lỏa lồ ươn ẹo, kêu gọi chào mời đã từng nằm dưới tấm thân trần trụi của Jim? Với cái *của báu ngàn vàng* tham lam không ngừng đòi hỏi trong thân thể thanh xuân bóng bẩy của tuổi trẻ, yêu cầu George phải tránh ra, cúi chào và đầu hàng trước đặc quyền nữ nhi của nó, và dúi sự trái lẽ thường của ông vào túi nhục. Ta là Doris. Ta là phụ nữ. Ta là con khốn của tự nhiên. Nhà thờ và đạo luật của cả bang, của cả nước tồn tại để ủng hộ cho ta. Ta đòi hỏi quyền bản năng sinh học của ta. Ta yêu cầu được có Jim.

Đôi khi George tự hỏi, liệu trong những ngày xa xưa ấy, có bao giờ ông đã ước chuyện này sẽ đến với cô ta?

Câu trả lời là không. Không phải vì George không thể trở nên ác độc đến thế, mà vì Doris hồi đó không chỉ là Doris, cô còn là phụ nữ, là kẻ thù, đang đòi hỏi phải có Jim. Chẳng ích gì khi hủy diệt một Doris, hay một nghìn Doris nếu như đặc quyền tự nhiên của phụ nữ với đàn ông vẫn còn tồn tại và là duy nhất. Cách duy nhất để chiến đấu với bọn họ là đầu hàng, là để Jim tự do đi cùng cô ta tới Mexico trong kì nghỉ đó. Bằng cách thúc giục anh hãy thỏa mãn mọi sự tò mò, sự tự hào hão huyền và nhục cảm, đánh cược rằng anh sẽ trở về (và anh đã) nói rằng, cô ta thật ghê tởm, không đời nào anh làm như vậy lần thứ hai.

Chẳng phải em sẽ ghê tởm gấp bội sao, Jim, nếu em nhìn thấy cô ta vào lúc này? Liệu em có thấy nổi kinh hãi dâng trào khi nghĩ rằng, có thể ngay từ ngày đó, cái thân thể mà em vuốt ve và hôn trong thèm khát, cái thể xác mà em quan hệ bằng cả tấm thân trần trụi tràn đầy nhục dục đã mang trong mình mầm mống của sự mục nát này? Em đã thường rửa vết thương cho những chú mèo hoang một cách ân cần, không ngại ôm những con chó già bệnh tật hôi hám vào lòng; nhưng bất chấp những bản tính tốt đẹp, trong em vẫn tiềm ẩn một nỗi sợ trước những bệnh tật của con người và những kẻ tàn tật. Anh biết, Jim ạ. Anh có thể cảm nhận được nó. Em chắc chắn sẽ từ chối đến thăm cô ta. Em sẽ không đủ sức ép mình phải làm việc đó.

George bước qua tấm bình phong và tiến vào căn phòng, chỉ tạo ra tiếng động vừa đủ để Doris quay đầu lại, nhìn thấy ông mà không hề ngạc nhiên. Có lẽ đối với cô ta, sự phân cách giữa hiện thực và ảo ảnh đã trở nên quá mỏng manh. Những bóng hình cứ lúc ẩn lúc hiện. Nếu có ai đó chọc mũi tiêm vào người thì cô ta có thể chắc đó là y tá. George có thể là George hoặc là ai đó khác. Cô ta sẽ xử sự như thể đó là George. Tại sao không? Đẳng nào cũng chẳng có gì quan trọng.

“Xin chào,” cô ta nói. Đôi mắt xanh sáng rực rỡ trên khuôn mặt bệnh vàng búng của cô.

“Chào Doris.”

Đã khá lâu kể từ khi George thôi không mang hoa hay quà đến cho cô nữa. Mọi thứ ông mang từ bên ngoài vào căn phòng này chẳng còn ý nghĩa nữa, thậm chí chính bản thân ông. Với cô giờ đây căn phòng này là tất cả, nơi cô miệt mài với cái chết.

George ngồi xuống bên cạnh và cầm tay cô. Nếu hai tháng trước mà ông làm điều này thì sẽ thật là giả tạo kinh tởm (Một trong những ký ức nhục nhã cay đắng của ông là khi ông hôn lên má cô. Có phải nó xuất phát từ sự căm phẫn và thù hận? Hay vì ông thích bị tra tấn? Ôi bất kể là gì đi nữa, thì ông cũng đã hôn lên má cô, ngay sau khi ông phát hiện ra Jim đã lên giường cùng với cô ta. Jim cũng có mặt ở đó khi ông làm vậy. Lúc ông rướn người tới để hôn cô ta, cặp mắt Jim lộ ra vẻ hoảng hốt và sợ hãi, như thể anh sợ ông đang sắp sửa cắn bổ vào cô như một con rắn hung dữ). Nhưng giờ đây, ông cầm tay Doris không phải vì giả tạo hay vì thương hại, mà vì nó là cần thiết để có thể thực sự giao tiếp công bằng với cô, ông đã nghiệm ra điều này sau những lần viếng thăm trước. Nhờ nắm tay cô mà ông cảm thấy đỡ bối rối trước sự bệnh tật của cô; về mặt thể trạng, tôi cũng giống như cô, chúng ta đang đi chung trên một con đường, tôi sẽ sớm đi theo cô. Cũng nhờ đó mà ông không cần phải hỏi cô những câu hỏi thăm nuôi, cô khỏe không, cô thấy thế nào, có đỡ không?

Doris cười yếu ớt. Có phải cô mừng khi thấy ông ghé thăm?

Không. Có vẻ như cô cười với vẻ hài hước. Cô nói chậm rãi nhưng rành mạch, “Hôm qua tôi đã làm náo loạn cả lên.”

George cũng mỉm cười, chờ đợi để nghe câu chuyện đùa.

“Có phải hôm qua không nhỉ?” Doris lại nói, cũng với giọng đó nhưng là cho chính cô. Đôi mắt cô không còn nhìn ông nữa. Chúng trông bối rối và có chút sợ hãi. Thời gian chắc hẳn đã trở thành một mê cung kì quái đối với cô ta; và mê lộ thì có thể thay đổi trong phút chốc từ khô hài đến đáng sợ.

Đôi mắt cô lại bắt gặp ông trở lại, sự bối rối đã trôi qua. “Tôi đã thét ầm lên. Họ có thể nghe thấy tiếng tôi từ tận cuối hành lang. Họ phải vội vàng đi tìm bác sĩ đến.” Doris mỉm cười. Hóa ra đây là trò đùa đó. “Có phải vì lưng của cô?” George hỏi. Sự cố gắng để giữ không cho lòng thương hại lộ ra trong giọng nói của mình khiến ông nghiêm nghị một cách bất thường như thể một người đang cố ngăn không nói giọng địa phương buồn cười nào đó. Doris chẳng để tâm đến câu hỏi của ông. Cô bất chợt hỏi, đôi lông mày hơi cau lại. “Mấy giờ rồi?”

“Gần ba giờ.”

Im lặng hồi lâu. George cảm thấy mình phải nói gì đó, bất cứ điều gì.

“Hôm trước, tôi có đi dạo ra bên tàu chơi. Đã mấy năm rồi tôi không ra đó. Cô biết không, họ đã đập bỏ sân trượt patin cũ. Chẳng phải đáng tiếc sao? Cứ như thể họ không thể chịu nổi việc cứ để mọi việc tồn tại mà không thay đổi. Cô có còn nhớ cái lều mà các cô hay tới để được đoán tính cách từ chữ viết không? Nó cũng đã biến mất.”

Ông dừng lại trong chốc lát, cảm thấy bất an.

Ký ức có thể trở lại chỉ bằng mảnh khóc thô thiển như vậy không? Có vẻ là có thể. Ông đã chọn ký ức về bên tàu tình cờ như thể bạn chọn tấm bài ngẫu nhiên trong bộ bài của ảo thuật gia, nhưng hãy để ý, tấm bài đó được chọn có dự tính trước. Đó là thời điểm George và Jim đang trượt patin lần đầu khi họ gặp Doris (Cô ta đi cùng cậu thanh niên tên Norman, mà cô đã đá ngay sau đó). Họ cùng đi xem bói chữ viết. Bà thầy bói nói Jim có tài năng âm nhạc và Doris có khả năng khiến cho những điều tốt đẹp nhất ở mỗi người hiện ra. Cô ta có nhớ? Dĩ nhiên cô ta phải nhớ. George liếc nhìn cô lo âu. Cô ta cứ nằm đó nhìn đắm đắm lên trần nhà, cô cau mày dữ hơn.

“Khi này anh bảo mấy giờ rồi?”

“Gần ba giờ. Kém 4 phút nữa.”

“Anh ngó dùm ra hành lang xem có ai không?” Ông đứng dậy, đi đến cửa và ngó ra ngoài. Nhưng trước khi ông tới nơi, cô đã sốt ruột hỏi cay nghiệt. “Sao?”

“Không có ai cả.”

“Con y tá chết tiệt đó biến đâu rồi chứ?” Cô ta gay gắt càu nhàu, vẻ nóng lòng, tuyệt vọng.

“Để tôi đi tìm cô ta nhé?”

“Nó biết tôi phải được tiêm vào lúc ba giờ. Bác sĩ đã dặn như vậy, nhưng nó chẳng thèm quan tâm cái quái gì cả.”

“Tôi sẽ đi tìm cô ta.”

“Con khốn đó sẽ không tới cho đến khi nó sẵn sàng.”

“Tôi chắc là tôi sẽ tìm được cô ta.”

“Không! Anh cứ ở lại đây.”

“Được rồi.”

“Ngồi lại xuống đây đi.”

“Được rồi.” Ông lại ngồi xuống. Ông biết cô ta muốn ông nắm tay cô. Ông chìa tay ra. Cô ta ghì chặt lấy nó bằng một sức mạnh lạ kì. “George...”

“Sao vậy?”

“Anh sẽ ở lại đây cho đến khi cô ta tới chứ?”

“Dĩ nhiên rồi.”

Cô ta bóp chặt tay ông hơn. Không có cảm xúc hay sự giao thiệp gì trong đó. Không phải cô ta đang nắm một sinh vật đồng loại, tay ông chỉ đơn thuần là vật để cô ta ghì lấy. Ông không dám hỏi cô về cơn đau. Ông sợ sẽ giải phóng một nỗi kinh hoàng ghê gớm, một nỗi sợ hữu hình, có thể sờ tới và bốc mùi ngay tại đây, trong căn phòng, giữa hai người bọn họ.

Nhưng ông không khỏi tò mò. Lần trước, cô y tá nói với ông rằng dạo gần đây Doris năng gặp linh mục (cô ta theo đạo Công giáo). Và hiển nhiên, trên chiếc bàn cạnh giường kia có một cuốn sách bằng giấy nhỏ, lòe loẹt và dễ thương như tấm thiệp Giáng sinh: Đàng Thánh giá. Nhưng khi con đường nhỏ dẫn lại bằng chiều rộng của chiếc giường này, khi bạn không còn nhận ra điều gì trong cuộc sống của chính mình, thì bạn có dám coi khinh bất kể sự dẫn lối nào? Có lẽ Doris đã ngộ ra điều gì đó về hành trình trước mặt của cô ta. Giả sử là vậy đi nữa và giả sử George dám hỏi cô đó là điều gì, thì cô cũng chẳng bao giờ nói cho ông biết. Bởi vì nó chỉ có thể được diễn tả bằng ngôn ngữ riêng của nơi cô đang đi tới. Và ngôn ngữ đó không thực sự có nghĩa trong thế giới hiện tại của chúng ta.

Cô y tá đã đi đến ngưỡng cửa, mỉm cười. “Thấy chưa? Hôm nay tôi đến đúng giờ nhé.” Tay cô ta bung khay kim và ống tiêm.

“Tôi sẽ ra về vậy,” George vừa nói vừa đứng dậy.

“Ồ, ông không cần phải làm vậy,” cô y tá nói, “ông có thể đứng đợi ở ngoài, chỉ mất một giây thôi mà.”

“Đằng nào tôi cũng có việc phải đi,” George nói, cảm thấy tội lỗi như bất kỳ người nào khác mỗi khi rời phòng bệnh. Không phải vì bản thân Doris khiến ông thấy tội lỗi. Cô ta có vẻ như đã hết hứng thú nói chuyện với ông. Cặp mắt cô ta đang dán chặt vào mũi kim tiêm trên tay cô y tá.

“Cô dạo này hư lắm nhé,” cô y tá nói. “Chúng tôi không thể nào ép cô ăn bữa trưa của mình được, có phải không?”

“Tạm biệt, Doris. Gặp lại cô vài hôm nữa.”

“Tạm biệt, George.” Doris không thềm liếc nhìn ông, giọng điệu cô ta đã hoàn toàn khác. Ông đang rời bỏ thế giới của cô và vì lẽ đó, ông không còn tồn tại. George nắm lấy tay Doris và bóp nhẹ. Cô ta không thềm phản ứng lại, mà chỉ đắm đắm theo dõi mũi kim tiêm sáng lóa đang di chuyển lại gần cô hơn.

Có phải ý cô ta là vĩnh biệt? Có thể, sớm thôi. George bước ra ngoài căn phòng, ngoái lại qua đỉnh của chiếc màn che để ngắm cô ta một lần nữa, cố ghi nhớ chút ký ức vào tâm trí ông, để ý thức được giây phút cuối cùng ông nhìn thấy cô ta còn sống, hay ít nhất là khả năng xảy ra của nó.

Không có gì. Không chút nghĩa lý gì. Ông không thấy gì cả.

Khi bóp nhẹ bàn tay Doris hồi nãy, George đã nhận thấy được điều gì đó: rằng chút vết tích cuối cùng còn lại của cô gái tên Doris, người đã cố cướp Jim khỏi tay ông đã biến mất, ra khỏi con ma-nơ-canh nhăn nhúm này, mang theo cả chút căm ghét cuối cùng. Miễn sao khi còn dù chỉ một giọt nhỏ của sự hờn ghét, George sẽ vẫn có thể tìm thấy trong cô ta chút gì còn sót lại của Jim. Bởi vì đã có thời, khi họ dung dể cùng nhau trong kỳ nghỉ ở Mexico đó, George cũng đã ghét Jim gần như không kém gì ông ghét cô ta. Nó đã trở thành mối ràng buộc giữa ông và Doris. Giờ đây nó đã vỡ nát. Lại thêm một phần nữa của Jim tuột mất khỏi ông mãi mãi.

*

* *

Khi George lái xe qua đại lộ, đồ trang trí Giáng sinh cồng kềnh - những con tuần lộc và quả chuông được treo ngang qua hai bên đường bằng sợi dây cáp vững chắc tới những cây thông kim loại - đang reo lên trong gió lạnh. Đồ đơn thuần chỉ là chiêu quảng cáo cho mùa Giáng sinh, được tài trợ bởi các thương nhân trong vùng. Người ta đổ xô đi mua sắm đông nghệt trong những cửa hiệu và hai bên vệ đường, khuôn mặt tất tưởi bối rối, mắt ánh lên lấp lánh như những nút kim tuyến. Chỉ mới hơn một tháng trước, trước khi Khrushchev^[26] đồng ý rút tên lửa ra khỏi Cuba, họ còn đổ xô vào các siêu thị để mua nào những đậu, gạo và đủ thứ thực phẩm khác, mà hầu hết trong số chúng là hoàn toàn vô dụng nếu phải nấu ăn trong hầm trú bom, vì sẽ không thể nấu chúng mà không có nước. Ừ thì, lúc đó người ta đang còn dư dả. Giờ thì họ có vui mừng trở lại? Họ quá ngu dần để có được điều đó. Những con người tội nghiệp, chẳng bao giờ biết nhìn xa trông rộng. Chẳng có gì là lạ nếu việc mua sắm trong hoảng sợ trước đó đã khiến túi tiền của họ giờ đây trở nên nhẹ hơn để có thể mua quà cho người thân. Nhưng mà họ vẫn có đủ. Các thương nhân dự đoán Giáng sinh năm nay vẫn sẽ tốt đẹp, an lành. Mọi người ai cũng đủ sức chi trả để mua ít nhất là một món quà, ngoại trừ một số cậu điểm trẻ (mà dễ dàng được nhận ra bởi những người có kinh nghiệm, như George) đang đứng

cau có trên các góc phố hay đang nhìn chăm chăm vào các cửa hiệu với tầm nhìn cực đại.

Giờ đây, George không hề có ý giấu cợt bất kì ai trong số những sinh vật đồng loại đó. Họ có thể là lỗ mãng, hám lợi và ngu dần, chậm chạp, nhưng ông tự hào, vui sướng và hân hoan khi được đứng trong cùng hàng ngũ với họ - hàng ngũ của những công dân thiểu số phi thường đó - hàng ngũ của những người đang sống. Họ không biết may mắn của họ, nhưng George biết may mắn của ông - ít nhất là cũng biết đôi chút - vì ông mới vừa trở về sau khi chứng kiến sự hiện diện của cộng đồng số đông mà Doris đang chuẩn bị gia nhập.

Ta đang sống, ông nói với chính mình, ta đang sống! Năng lượng sinh mệnh đang sôi sục chảy trong ông, ông hân hoan, thêm khát. Thật tốt làm sao khi được ở trong một thân thể, dù là tàn tạ, mà vẫn có máu tươi nóng hổi chảy qua từng thớ thịt, một thân thể trọn vẹn. Những cậu điểm trẻ nơi góc phố chắc chắn nhìn ông như một lão già tàn lụi, một khách hàng tiềm năng của chúng. Ông ngăn mình để giữ khoảng cách với sức mạnh tràn trề của những cánh tay, đôi bờ vai và thắt lưng săn chắc đó. Chỉ vài đô la thôi là ông có thể mời một trong số chúng lên xe, về nhà ông, lột bỏ chiếc áo khoác da Levi's bó sát, lột bỏ chiếc áo sơ mi và đôi ủng cao bồi, để tận hưởng thân thể tráng kiện căng tràn sức sống của chúng, để cùng vật lộn trong khoái lạc. Nhưng George không muốn mua những thân thể không tự nguyện. Ông muốn tận hưởng thân thể của chính ông, cái huy chương chiến thắng của một kẻ sống sót. Cái thân thể đã sống vượt qua Jim và chuẩn bị qua Doris.

Ông quyết định ghé qua phòng tập thể dục trên đường về, mặc dù hôm nay không phải là ngày tập theo lịch của ông.

Trong phòng thay đồ, George cởi quần áo, mặc vào đôi vớ, quần lót nịt và quần soóc. Ông có nên mặc áo phong vào luôn? Ông ngắm chính mình trong gương. Không quá tệ. Chỗ phồng ra ở nơi tiếp giáp giữa bụng và đai quần hôm nay không lộ lắm. Đôi chân vẫn còn chắc. Khi gập lại đứng tư thế thì cơ ngực của ông cũng không xệ chút nào. Và nếu không đeo kính, ông không thể thấy những vết nhăn nhỏ nơi khuỷu tay, phía trên đầu gối và quanh bụng. Chỉ riêng cái cổ khẳng khiu là trông thật khủng khiếp, ngay cả khi nếu ông nửa mù. Ông đã đầu hàng không thể làm gì với nó, như một trọng điểm quân sự không thể bảo vệ nổi nữa.

Ông biết mình trông ổn hơn tất cả những người cùng tuổi trong phòng tập này. Không phải vì họ có thân hình khó nhìn, họ là những người đủ khỏe mạnh, tráng kiện ở lứa tuổi đó. Điều sai lầm ở họ là sự chấp nhận tuổi trung niên, tuổi ông cha, tuổi nghỉ hưu của họ. George thì khác, vì một lý do nào đó không thể định nghĩa, nhưng khi nhìn ông khỏa thân, ý nghĩ đầu tiên đến với bạn là ông chưa từ bỏ. Ông vẫn là người biết tranh đấu, họ thì không. Có lẽ sự bí ẩn của tính tự cao tự đại đã mang lại cho ông vẻ trẻ trung của một đứa trẻ. Bất chấp những nếp nhăn, mái tóc muối tiêu, đôi môi mím mỏng, dáng đi khệnh khạng, thì thoảng bạn sẽ bắt gặp trong ông dáng dấp của một cậu thanh niên trẻ đẹp mềm mại. Sự kết hợp kỳ quái nghe có vẻ khó tin, nhưng nó là có thật.

Vừa ngắm chính mình trong gương với vẻ chán ghét và khô hài, George tự nhủ, “Lão già ngớ ngẩn, mày định quyến rũ ai chứ?” rồi trùm chiếc áo phông qua cổ.

Trong phòng tập chỉ có ba người. Giờ này còn quá sớm cho những người làm văn phòng. Một người đàn ông bệ vệ, cựa càu thủ bóng đá tuổi 50 tên Buck đang nói chuyện với cậu thanh niên tóc quăn Rick, người khao khát được lên truyền hình. Buck gần như trần truồng; cái bụng phệ của ông ta đang lắc lư bên trên cái quần có vẻ như được lấy từ mảnh dưới của bộ bikini, đẩy nó xuống sát háng hết mức có thể. Ông ta có vẻ chẳng còn biết xấu hổ là gì. Còn Rick với thân hình lực lưỡng, sẵn chắc thì mặc một chiếc áo len trùm đầu màu xám, và quần nỉ, che toàn bộ từ cổ cho đến mắt cá chân lẫn cổ tay. “Khỏe không George,” cả hai người họ cùng gật đầu chào ông. George cảm thấy đây là lời chào thân thiện nhất trong cả ngày hôm nay của ông.

Buck tường tận tất cả về lịch sử thể thao, ông ta là cuốn bách khoa toàn thư về kỷ lục, điểm số và tiền lương cầu thủ. Ông ta đang mài mê kể về cách một ai đó hạ gục một ai đó trong hiệp thứ bảy. Ông ta diễn đạt một cú knock-out “Bụp! Bụp! Thế là hấn thắng!” Rick ngồi dạng chân trên băng ghế lắng nghe. Lúc nào cũng có một bầu không khí rảnh rỗi trong cái phòng tập này. Một thanh niên như Rick sẽ có thể dành ba đến bốn giờ đồng hồ ở đây, và dành hầu hết thời gian huyền thuyên về giới nghệ sĩ, về xe thể thao, bóng đá, quyền anh, và hiếm khi nhắc đến tình dục. Có lẽ, một phần vì sự quan tâm đến vấn đề đạo đức cho lũ trẻ con và thanh niên thường xuyên tụ tập ở đây. Khi Rick nói chuyện với người lớn, cậu ta tỏ vẻ thông thái và hay đóng kịch, nhưng khi ở bên lũ nhóc, cậu ta thành thật như một thằng ngốc nhà quê. Cậu ta mua vui cho chúng bằng những trò ảo thuật, kể cho chúng nghe những câu chuyện về một cửa hàng ở Long Beach (cậu ta còn chỉ đích xác địa chỉ) nơi mà lâu lâu, họ lại bất thành linh tổ chức ngày Ngả giá một lần mà không thông báo trước gì cả. Vào những ngày này, khách hàng nào mua nhiều hơn một đô la sẽ được tặng một chiếc xe Jag, Porsche hay chiếc MG miễn phí (Những ngày còn lại, nơi đây chỉ là một cửa hàng thông thường). Khi lũ trẻ yêu cầu Rick cho chúng xem chiếc xe mà cậu ta được tặng, cậu liền kéo chúng ra ngoài và chỉ vào chiếc xe bất kỳ khớp với lời cậu đã kể.

Khi chúng nhìn vào giấy đăng ký xe dán trên cửa kính và biết rằng nó thuộc về một người khác, Rick lại thề rằng đó là tên thật của cậu; cậu đã đổi nó khi bắt đầu sự nghiệp diễn xuất. Lũ trẻ hoàn toàn không tin lời cậu ta, chúng hò nhau hét lên cậu là kẻ nói dối điên khùng và chúng đấm cậu ta thúi thụi. Khi bị đấm, Rick lại nhảy cồm lên rên ư ử trong phòng tập, tay chân quỵ xuống chạy, giả làm con chó.

George nằm xuống một trong những tấm bảng dốc để tập gập bụng. Bài tập này lúc nào cũng khiến bạn phải chuẩn bị tinh thần một chút, cơ thể bạn không thích nó như những bài tập nhỏ khác. Trong lúc ông đang chuẩn bị sẵn sàng, Webster bước đến và nằm xuống tấm bảng dốc cạnh ông. Webster là cậu nhóc khoảng 12, 13 tuổi, mảnh khảnh đáng yêu và cao hơn so với độ tuổi, có đôi chân dài nhẵn thín. Cậu nhóc hiền lành và nhút nhát, đều đặn đến phòng tập với hy vọng giữ bỏ được dáng người mảnh khảnh và trở nên to khỏe, cơ bắp lực lưỡng hơn. George chào, “Khỏe không Web,” và Webster lí nhí thẹn thùng đáp lại, “Chào bác George.”

Webster bắt đầu gập bụng, còn George bắt chợt ngẫu hứng cởi bỏ chiếc áo phông rồi làm theo. Vừa tập, George vừa cảm thấy một nỗi cảm thông ngày một tăng lên giữa họ. Họ không ganh đua cùng nhau, nhưng tuổi trẻ và sự dẻo dai của Webster đã tác động đến George và cái năng lượng vay mượn đó thật là tuyệt diệu. Lờ đi các cơ bắp đang phản kháng dữ dội của ông và tập trung vào cái thân thể dẻo dai căng tràn sức sống của Webster, George như được tiếp thêm sức mạnh để vượt qua thành tích 40 lần thường ngày của ông, 50, rồi 60, 70, 80. Ông đang cố đạt 100 lần? Rồi bất chợt, ông nhận ra Webster đã dừng từ khi nào. Năng lượng cũng theo đó rời khỏi ông ngay lập tức. Ông cũng dừng lại, thở hổn hển - mặc dù không nặng nhọc hơn Webster. Họ nằm đó, vai sát vai cùng hổn hển. Webster quay đầu sang phía ông, nhìn ông đầy ấn tượng.

“Bác đã gập bao nhiêu lần vậy?” cậu ta hỏi.

“Bác chịu, không đếm nổi.”

“Ôi, cháu mệt đến chết luôn.”

Thật tuyệt làm sao khi được ở đây. Giá như ta có thể sống cả đời trong trạng thái bình đẳng thể chất như thế này. Không ai ở đây có ác ý, cáu bẳn, hay tọc mạch. Chỉ có những chuyện phiếm, bao gồm cả những vụ tạo dáng kỳ quặc trước gương, là tồn tại nơi đây. Cầu thủ bóng chày siêu sao kể cho mọi người nghe nỗi lo lắng về cặp mắt cá chân nhỏ của cậu. Nhân viên ngân hàng phúng phính, vừa thoa kem dưỡng da lên mặt vừa nói, “Tôi không thể để mình già đi được.” Không có ai ở đây là hoàn hảo, và cũng không có ai giả vờ hoàn hảo. Ngay cả nửa tá nam diễn viên nổi tiếng khi đến đây cũng không giả tạo. Những cậu nhóc ngây thơ trần như nhộng ngồi bên cạnh các ông già 60, 70 trong phòng xông hơi và gọi nhau bằng tên. Không ai là quá xấu xí, cũng không ai quá đẹp để không được đối xử với nhau ngang hàng, bình đẳng. Chắc chắn ai cũng trở nên thân thiện và tốt bụng hơn trong phòng tập này so với con người họ ngoài kia.

Hôm nay George cảm thấy không muốn rời phòng tập. Ông thực hiện các bài tập nhiều gấp đôi so với đáng lẽ ông phải làm. Ông thư giãn hồi lâu trong phòng xông hơi và gội đầu.

Khi cuối cùng ông cũng bước ra ngoài đường lần nữa, mặt trời đã bắt đầu lặn. Và ông lại quyết định làm một điều bất thường khác nữa: thay vì lái xe thẳng ra bãi biển, ông sẽ đi lòng vòng qua các ngọn đồi.

Tại sao ư? Vì một phần ông muốn tận hưởng cảm giác thích thú, thư thái giản đơn mà việc tập thể dục luôn mang lại cho ông. Thật tuyệt khi cảm nhận được sự thỏa mãn và biết ơn của thân thể, không cần biết nó đã hoạt động cực nhọc đến mức nào, nó thích bị ép buộc phải thực hiện các nhiệm vụ đó. Ít nhất là thêm một thời gian ngắn nữa các dây thần kinh phế vị sẽ không còn co giật, môn vị sẽ yên lặng, các ngón tay cái và đầu gối bị thấp khớp sẽ không còn hành hạ ông. Và thật yên bình làm sao khi không còn cảm giác bị kích thích, không còn phải

ghét bỏ một ai. George hy vọng ông có thể giữ trạng thái này mãi bằng việc cứ không ngừng chạy xe.

Thêm nữa, ông cũng muốn lại được ngắm những ngọn đồi. Đã khá lâu ông không lên đó. Nhiều năm trước, khi mới đến California, ông thường trèo lên đó và thả hồn vào thiên nhiên bên dưới. Sự hoang vắng, tĩnh lặng của những ngọn đồi vươn cao ra khỏi thành phố khiến ông say mê. Ông đã cảm thấy xúc động thích thú vì được là một kẻ xa lạ, một người cả gan xâm phạm vào sự riêng tư nguyên thủy của tự nhiên. Ông thường lái xe lên đó vào mỗi khi chiều tàn hoặc lúc bình minh, tắt xe vào lề đường và lượn lờ quanh lối mòn vành đai phòng hỏa, bắt gặp những con nai đang chạy vào khu vùng thấp nơi hẻm núi, dừng lại để ngắm chim ưng bay thành vòng tròn trên đầu, cẩn trọng bước qua những con nhện lông lá đang bò ngang qua con đường mòn, đi theo những dấu vết quanh co trên cát để tìm rắn đuôi chuông đang cuộn tròn ngái ngủ.

Đôi khi, trong ánh sáng mờ mờ của bình minh, ông bắt gặp đàn chó sói Bắc Mỹ đang chạy về phía ông, đuôi cụp lại. Lần đầu ông cứ nghĩ chúng là những con chó, rồi bỗng nhiên, không một tiếng động, chúng xé đàn và chạy tung tung xuống dưới chân đồi theo từng nhịp nhún nhảy.

Nhưng buổi chiều nay, George không thể cảm nhận cái cảm giác hưng phấn, thích thú của một thời xa xưa đó, có điều gì khang khác. Con đường dốc lộng gió mà một thời ông đã nghĩ thật thơ mộng đó giờ đây lạ lẫm và nguy hiểm. Ông không ngừng gặp phải những chiếc xe chạy ngược chiều bất chợt ló ra khỏi khúc cua, khiến ông phải rẽ ngoặt thành linh. Khi lên tới đỉnh đồi cũng là lúc ông đánh mất hết cảm giác thư thái mà hiếm hoi lắm ông mới có lại được. Thậm chí ngay cả trên đỉnh chót vót này, người ta cũng đã bắt đầu xây hàng tá ngôi nhà mới khang trang. Khu vực này đang dần trở thành một khu dân cư mới. Vẫn còn một vài hẻm núi hoang vu còn sót lại, nhưng George không thể tận hưởng nó như trước đây được nữa. Hình dáng của thành phố ồn ào bên dưới đã bắt đầu hiện diện nơi đây khiến ông thấy ngột ngạt. Dọc hai bên ngọn đồi, về hướng Nam lẫn hướng Bắc, các ngôi nhà đang xây dở dang không ngừng đua nhau mọc lên và chiếm lĩnh cả khoảng không gian. Nó đã ăn mất những đồng cỏ, bãi chăn gia súc và những rừng cam hiếm hoi còn sót lại. Nó đã hút cạn những hồ nước trong veo, chặt bỏ những khoảng rừng xanh rậm. Rồi sẽ sớm thôi, nó cũng sẽ vươn cánh tay khổng lồ của nó ra biển cả. Và cũng sớm thôi, nó sẽ chết. Không cần đến các tên lửa hay bom hạt nhân, không cần đợi đến Kỷ Băng Hà để đóng băng, hay cơn địa chấn lớn để nhấn chìm tất cả vào lòng đất, vào đáy của đại dương. Nó sẽ chết bởi chính sự xâm chiếm của con người. Nó sẽ chết vì chính gốc rễ của nó - sự tham lam và ngang ngược đã mang lại sức mạnh cho nó - sẽ không còn nơi nào để nó có thể vươn ra. Và sa mạc sẽ trở lại, như thuở hồng hoang của đất nước này, khi những người Anh di cư chưa chiếm lĩnh nó.

Hỡi ôi, thật buồn làm sao, thật hiển nhiên làm sao George đoán được kết cục của nó. Ông dừng xe và đứng bên mép của con đường đất bụi vàng, vừa tè lên bụi xương rồng đá vừa nhìn xuống khung cảnh Los Angeles bên dưới, như một người Do Thái buồn bã đang dự đoán tương lai. Babylon đang sụp đổ, thành phố nhiệm màu đó đang sụp đổ. Nhưng thành phố này thì

không nhiệm màu chút nào, nó chưa bao giờ và sẽ không bao giờ là nhiệm màu, và nó cũng chẳng có chỗ nào để mà rơi xuống.

Ông kéo khóa quần và chui lên xe đi tiếp, cảm thấy hoàn toàn chán chường. Những đám mây lững lờ sát bên ngọn đồi khiến nơi đây thật buồn bã như ở Wales.

*

* *

Siêu thị vẫn còn mở cửa cho đến nửa đêm. Nó sáng chói rực rỡ một cách lạ kỳ, gọi mời những kẻ cô độc đến trú ẩn khỏi bóng đêm.

Bạn có thể dành hàng giờ ở đây, phân vân không biết nên chọn thứ gì để ăn. Có quá nhiều các nhãn hàng, quá nhiều món ăn đựng trong các hộp kim loại sáng lóa, tất cả trong số chúng đều hứa hẹn mang lại cho bạn một bữa ăn ngon lành. Mọi thực phẩm trên giá đều gọi tên bạn, “Hãy chọn tôi, chọn tôi”. Sự tranh đấu giữa bọn chúng với nhau có thể khiến bạn cảm thấy mình được cần, thậm chí là được yêu. Hãy cẩn thận, khi về đến căn phòng trống của mình, bạn sẽ nhận ra rằng sự mời mọc giả dối của những dòng quảng cáo ghi trên nhãn đã làm bạn lóa mắt và giờ đây chúng đã biến mất, thứ còn lại với bạn chỉ đơn thuần là vỏ hộp, giấy bọc và đồ ăn.

Nơi chói lòa rực rỡ này không phải là chỗ trú ẩn cho George. Vì tất cả những vỏ chai, vỏ hộp kia đều gợi lên một nỗi nhớ khủng khiếp về những lần mua sắm, chuẩn bị và ăn uống cùng Jim. Chúng đâm vào tim ông đau nhói mỗi khi ông đẩy chiếc xe chở đồ của mình đi qua. Liệu chúng ta có bao giờ thực sự cảm thấy đơn độc nếu chúng ta không bao giờ ăn tối một mình?

Không, hôm nay ông sẽ không ăn một mình, chẳng phải vậy là quá nguy hiểm sao? Chẳng phải nó là ngưỡng cửa bước vào con đường từ dùng bữa ngay tại quầy bán hàng, uống rượu ở quán bar cho tới uống ở nhà mà không ăn gì, tới cảm giác chán nản, phải dùng thuốc để có thể chìm vào giấc ngủ, rồi cuối cùng sốc thuốc mà chết? Nhưng tại sao ta phải can đảm? Có còn ai trông cậy vào ta, còn ai bận tâm đến ta nữa?

Ông đang trở nên ủy mị hơn từng phút, cố chọn giữa cá bơn halibut, cá mú, thịt thăn bò và bít-tết. Tất cả bọn chúng đều khiến ông buồn nôn, rồi đột nhiên ông giận dữ. Thức ăn chết tiệt. Cuộc sống chết tiệt. Ông muốn bỏ mặc xe chở đồ của mình mà bỏ đi, cho dù nó đã đầy ắp đồ đạc. Nhưng làm vậy sẽ khiến các nhân viên cửa hàng phải vất vả xếp lại đồ, mà một trong số họ lại rất dễ thương. Ông có thể tự mình bỏ lại đồ lên kệ, nhưng như vậy thật cực quá. Ông thấy

uế oải, chỉ muốn về và nằm mãi trên giường của mình cho đến khi một căn bệnh nào đó tìm đến ông.

Ông đẩy chiếc xe đến quầy, trả tiền và ra về. Trên đường ra bãi đỗ xe, ông dừng lại ở bộ điện thoại, ông quay số.

“A lô?”

“Chào, Charley.”

“Geo!”

“Có trễ quá để anh thay đổi ý định không? Về tối nay. Hồi sáng khi em gọi, anh tưởng anh có hẹn, nhưng họ vừa gọi lại cho anh...”

“Dĩ nhiên là không sao rồi.” Bà thậm chí chẳng buồn nghe lời bào chữa dối trá của ông. Sự phấn khích của bà ngay lập tức truyền đến ông qua những đường zíc zắc của sóng âm, nhanh hơn cả lời nói của bà. Trong phúc chốc, Geo và Charley được kết nối với nhau, tạo thành một cặp may mắn nữa của buổi tối này, giữa những người đang lang thang cô độc. Nếu có nhân viên cửa hàng nào đang nhìn ông, họ sẽ thấy khuôn mặt ông sáng ngời lên sau cửa kính, tràn đầy khẩn khởi như một người đang yêu.

“Có cần anh mang gì đến không? Anh đang ở siêu thị.”

“Ồ không, không cần đâu, cảm ơn anh, Geo. Em có cả đông đồ ăn ở đây rồi. Dạo gần đây em lúc nào cũng trữ quá nhiều. Em nghĩ có lẽ vì...”

“Anh sẽ ghé qua sau một chốc nữa. Phải tạt qua nhà một chút trước đã. Hẹn gặp lại em.”

“Ôi Geo, thật tuyệt quá đi! Au revoir![\[27\]](#)”

Tâm trạng của ông lại thay đổi một lần nữa trước cả khi ông kịp tổng hết đồ vào trong xe. “Ta có thực sự muốn gặp cô ấy?” ông tự hỏi chính mình. “Điều gì khiến ta muốn làm như vậy?” Ông hình dung ra buổi tối mà đáng lẽ ông sẽ trải qua ở nhà một mình, tự chuẩn bị đồ ăn từ những thứ ông đã mua, rồi nằm trên ghế sofa gần giá sách mà đọc cho đến khi chìm vào giấc ngủ. Mới đầu, đây trông có vẻ thực sự là một viễn cảnh hấp dẫn, hợp lý. Nhưng chỉ sau vài giây, George nhận ra sự thiếu vắng làm cho nó trở nên ý nghĩa và mãn nguyện hơn. Trong viễn cảnh đó, không còn có Jim ngồi đối diện với ông phía bên kia của chiếc ghế sofa, cũng cầm một cuốn sách khác trên tay; hai người bọn họ chăm chú vào cuốn sách của mình nhưng vẫn hoàn toàn ý thức được sự hiện diện của người kia.

Về tới nhà, ông cởi bộ vét ra và khoác lên mình chiếc áo ka ki, quần vải din màu xanh

nhật, giày da và áo len cổ chui (Đôi lúc ông nghi ngờ gu ăn mặc này của mình, chẳng phải nó mang lại cảm giác ông đang cố mặc như thanh niên sao? Nhưng Jim thường nói, ông trông rất đẹp khi mặc như vậy, rằng ông trông giống như Rommel trong thường phục. George thích như vậy).

Khi ông sẵn sàng để ra khỏi nhà thì có tiếng chuông cửa. Có thể là ai vào giờ này? Bà Strunk!

(Mình đã làm gì để bà ta phải ghé qua than phiền đây?)

“Ồ, chào buổi tối.” (Rõ ràng là bà ta đang hồi hộp và ngượng ngùng, bà nhận thức rất rõ về việc vượt qua cây cầu để bước vào sào huyệt của kẻ thù.) “Tôi biết hơi gấp, nhưng tôi... ừm, chúng tôi... định hỏi ông nhiều lần rồi. Ừm... Tôi biết ông rất bận, nhưng cũng lâu rồi chúng ta không ngồi cùng nhau. Nên chúng tôi tự hỏi, không biết ông có thời gian để ghé qua làm vài ly với mọi người?”

“Ý bà là, ngay bây giờ?”

“Đúng vậy. Chỉ có hai vợ chồng chúng tôi ở nhà.”

“Tôi thực sự rất lấy làm tiếc, nhưng tôi phải ra ngoài bây giờ.”

“Ồ. Tôi cũng đã sợ rằng ông sẽ không có thời gian. Nhưng...”

“Không không, nghe này,” George nói, “Tôi rất muốn ghé qua chơi. Thực sự rất muốn. Nhưng tôi có việc phải đi.” Và ông thực sự đã nói thật, ông cực kỳ bất ngờ, vui thú và cảm động.

“Ồ phải. Dĩ nhiên rồi. Không sao.” Bà Strunk không tin ông. Bà mỉm cười buồn bã. Bỗng nhiên nó trở nên thật quan trọng rằng George phải thuyết phục được bà.

“Tôi rất muốn ghé nhà ông bà chơi. Mai được không?”

Mặt bà dài ra. “Ngày mai thì... tôi e là mai không được tiện lắm. Mai chúng tôi có vài người bạn từ Thung lũng ghé thăm, và...”

Và họ có thể nhận ra tôi là một người đồng tính, và ông bà sẽ thấy xấu hổ, George nghĩ thầm. Được thôi.

“Tôi hiểu rồi,” ông nói. “Vậy hẹn ông bà dịp khác, sớm nhé?”

“Dĩ nhiên rồi,” bà nồng nhiệt tán thành, “sớm...”

*

* *

Charlotte sống ở đường Soledad, một con đường dốc hẹp, dẽm xuống chập kín nhữnđ chiếc ô tô đậu ở hai bên đường. Nếu bạn đến đây sau khi người ta trở về nhà từ văn phòng thì bạn sẽ phải vớt xe của mình ở vài dẫy phố phía dưới ngọn đồi. Nhưng đây không phải vấn đề đối với George, ông có thể đi bộ từ nhà mình đến nhà Charley chỉ trong không đến năm phút.

Nhà bà ở tít trên sườn đồi, phía trên cùng của ba dẫy bậc thang bằng gỗ thô kệch nghiêng nghiêng, tất cả có 75 bậc. Sát vệ đường là một căn lán xộc xệch được xây nhằm làm nhà để ô tô. Bà chấp đầy nhữnđ thùng, hộp chứa đủ thứ liếng xiểng vớt đi cao đến tận nóc căn lán. Jim thường nói bà làm cho gara của mình chập chội để lấy cớ không có chỗ chứa mà khỏi phải mua ô tô. Bà luôn lảng tránh không học cách lái xe. Khi cần phải đi đâu đó mà không có ai để đi nhờ, thì bà khỏi phải đi. Nhưng hàng xóm luôn giúp đỡ bà, bà khiến họ như bị bỏ bùa mê và hăm dọa bằng phong cách Ăng-lê mà bản thân George cũng rất thạo cách tận dụng, cho dù bằng phương thức và mục tiêu khác.

Căn nhà cạnh nhà Charlotte nằm sát bên vệ đường. Khi bước qua nhữnđ bậc thang bên ngoài, bạn sẽ thấy được bao quát toàn bộ căn phòng bên trong thông qua ô cửa sổ phòng tắm (phải thẳng thắn thừa nhận rằng đường Soledad ở một cấp bậc xã hội thấp hơn nhiều so với Hẻm Cây nhãn): phía trên bồn tắm treo đầy nhữnđ chiếc quần lót và tã trẻ em, vòi hoa sen mọc lủng lẳng yếu ớt trên giá đỡ, que thông bể phốt nằm ở giữa phòng. Không có đứa trẻ nào đang lảng vảng trong khu phố, nhưng bạn có thể hình dung thấy rõ cách sườn đồi phía trên nhà bọn chúng đã bị dẫm nát cho đến khi trở nên trơn lắng, không một động thực vật nào có thể sinh sống ở đó trừ một số cây xương rồng cứng cỏi. Ở trên đỉnh ngọn đồi có một cây cọc xiêu vẹo trông như cái giá treo cổ tội nhân, với một cái giỏ bóng rổ được gắnp trên cao.

Phần của Charlotte ở ngọn đồi vẫn có thể được mô tả như một khu vườn. Vài bông hồng đang hé nụ nơi mái hiên sân thượng. Nhưng chúng đã bị lắng quên bởi bà chủ của chúng. Khi Charley đang vật lộn với tâm trạng chán nản của bà, mà diễn ra nhiều không kém gì việc ta thay quần áo, thì ngay cả nhữnđ thực vật bé nhỏ tội nghiệp cũng phải giấyp giữa theo bà. Ít ra chúng cũng đã được bà cho phép sinh trưởng trong một góc vườn đầy nhữnđ cành gai rổì mù và mớ cỏ dại đầy đặc xung quanh.

George chậm rãi trèo lên các bậc thang (Chỉ có nhữnđ đứa trẻ con mới không xấu hổ khi đến nhà người khác trong tình trạng thở không ra hơi). Nhữnđ bậc cầu thang gác bên ngoài mỗi căn nhà là nét đặc trưng của khu phố này. Một vài trong số chúng vẫn còn nguyên dấu vết

như thuở mới được xây nên, chúng được sơn bởi những người khai hoang Bô-hem và để nói với những kẻ vắng lai đang trèo lên từng bậc thang bằng tay, chân trong tình trạng say xỉn rằng: Đi lên trên! Đừng bao giờ gục ngã. Hey, người không được nằm đây mà chết! Đây có phải thiên đàng đâu?

Những bậc thang gác này đã trở thành (hoặc đã luôn là dụng ý từ đầu) một công cụ của những người khai hoang sau khi chết để trả thù các bà vợ của họ và những kẻ chiếm chỗ của họ, trở thành một công cụ để chống lại mọi cỗ máy tiết kiệm sức lao động. Hoàn toàn không có cách nào khác để bung bất kỳ vật gì, dù nặng hay nhẹ, lên trên nhà ngoài việc tự khiêng lên bằng tay. Tủ lạnh, bếp lò, bồn tắm và tất cả nội thất đã được kéo, đẩy vào trong nhà Charley bằng anh cu-li cơ bắp tráng kiện, người mà sau đó sẽ đòi một khoản phí vận chuyển cao ngất ngưỡng và khoản boia gấp ba lần thỏa thuận.

Khi ông gần bước đến đỉnh của bậc thang, Charley từ trong nhà chạy ra. Bà đã dõi theo ông từ nãy, như thường lệ, vì sợ rằng ông sẽ đổi ý vào phút chót. Họ gặp nhau ngoài mái hiên nhà bé tí xiu, chông chênh bằng gỗ, và ôm nhau chào hỏi. George cảm nhận được thân thể kình càng của bà tựa vào ông. Rồi, bà thả ông ra một cách đột ngột, vỗ nhẹ vào lưng ông như để cho ông biết rằng, bà sẽ không làm gì thái quá, bà biết bao nhiêu là vừa đủ.

“Sẽ vào theo anh ngay đây,” bà nói.

Trước khi bước vào nhà, George đảo mắt nhìn quanh con hẻm ra tới lối đi được lót ván dọc theo bãi biển đang sáng lên những ánh đèn le lói trước đại dương đen nghịt xa xa. Một đêm lặng gió. Sương mù từ biển cả đang bao trùm lên mọi vật. Từ mái hiên nơi màn sương đang rất dày đặc này bạn không thể thấy được các căn nhà xung quanh, ánh đèn chỉ là một đốm sáng mờ mờ, khiến cho nơi ẩn náu của Charlotte trở nên tách biệt đến phi thường tới mọi nơi khác trong thế giới ngoài kia.

Nó đơn giản chỉ là một cái hộp vuông vức, loại nhà tiền chế được xây dựng ngay sau thời hậu chiến. Họ đã quảng cáo chúng quá lố, họ bảo đây là căn nhà kiểu mẫu của tương lai, nhưng hiển nhiên là sự thật thì không được đúng cho lắm. Phòng khách được lót chiếu rơm của Nhật, và được trang trí na ná phong cách phương Đông. Đèn lồng treo ở ngưỡng cửa ra vào, chuông gió ở cửa sổ, một con cá chép giấy khổng lồ được dán lên tường. Hai bức tranh cuộn: một bức họa con hổ đang gầm gừ giận dữ với con đại bàng đang bổ nhào xuống (tượng trưng cho nước Mỹ chẳng?); bức kia vẽ một thi sĩ đang ngồi dưới gốc cây, chòm râu dài đến cả chục mét mọc ra từ cằm ông ta. Ba chiếc ghế bành bằng rơm với nệm ngồi màu xám, quá nhỏ để có thể làm bất cứ điều gì hữu ích, nhưng lại là hoàn hảo để ném vào mặt người ta.

“Em mới vừa nhận ra là có một mùi thức ăn tẻ khùng khiếp đang bốc lên khắp căn phòng.” Charlotte nói. Quả đúng là rùng rợn thật. George trả lời lịch sự rằng mùi rất thơm, nó khiến ông phát đói lên được.

“Em đang thử món thịt hầm kiểu mới. Em đọc được về nó trong cuốn sách du lịch mà Myrna Custer mới đưa cho em, về Borneo Mã Lai. Có điều tác giả nói hơi mơ hồ nên em phải tự mày mò đôi chút. Ý em là, có một nguyên liệu em không chắc ông ta nói là gì, nhưng em ngờ rằng đó là thịt người. Nhưng em chỉ dùng phần còn thừa của khớp bò...”

Charlotte trẻ hơn George nhiều, bà sắp bước sang tuổi bốn lăm, nhưng cũng như ông, bà là một kẻ sống sót. Bà có tính kiên cường đặc trưng của những người đã vượt qua nhiều sóng gió. Nếu nhìn qua những bức ảnh thì bà là một người đàn bà đẹp, miễn sao đôi mắt xám to tròn của bà được kết hợp với các màu sắc nhẹ nhàng trẻ trung. Đôi má tội nghiệp đang đỏ tấy và sưng mọng lên, mái tóc một thời bồng bềnh quăn rũ thả ôm khuôn mặt bầu bĩnh, giờ đây đơn giản là luộm thuộm. Ấy vậy mà bà vẫn không từ bỏ. Bộ váy bà đang mặc thể hiện sự can đảm lố bịch, khờ dại nhưng gây cảm giác thích thú: một chiếc áo cánh thêu thô kệch đủ các màu đỏ, vàng và tím với ống tay dở cỡ đến khủy tay, chiếc váy đầm di-gan kiểu Mexicô mà trông như thể bà đang quấn trên mình chiếc chăn bông; một chiếc thắt lưng cao bồi đính khuy màu bạc - tất cả chỉ nhấn mạnh thêm sự thiếu sót các đường cong của bà.Ồ, và nếu bà nhất thiết phải để chân trần đi xăng-đan thì tại sao bà không dành chút thời gian trang điểm cho mấy móng chân của mình nhỉ? (Có lẽ một người thuộc Thanh giáo ở vùng trung Anh còn sót lại đang lảng vảng ở quanh đây) Jim có lần nói đùa với Charlotte khi thấy bà mặc một bộ tương tự thế này, “Tôi thấy chị học được cách ăn mặc của người dân bản địa quê tôi rồi đấy, Charley.” Bà cười, không chút phật ý, suy cho cùng thì cũng vì bà đã chẳng hiểu ý Jim nói gì cho lắm. Bà vẫn chưa hiểu. Bà cho rằng đây là cách mà người California mặc khi tiệc tùng dân dã, bà thực sự không nhận ra sự khác biệt trong trang phục giữa bà và bà Peabody sống kế bên.

“Em đã nói với anh chưa nhỉ, Geo? Không, em chắc là chưa. Em đã định ra hai mục tiêu cho năm mới, và sẽ áp dụng chúng ngay từ lúc này. Điều đầu tiên là, em sẽ thừa nhận rằng em ghê tởm bourbon.” (Bà gọi tên nó như thể gọi tên các vương triều chứ không phải tên một loại rượu.)

“Kể từ khi em đặt chân đến đất nước này, em đã giả bộ là không thấy nó kinh tởm, tất cả cũng chỉ vì Buddy thích uống chúng. Nhưng, giờ thì em đang lừa ai chứ?” Bà mỉm cười rạng rỡ và cứng cỏi với George để ông yên lòng rằng đây sẽ không phải là mở đầu cho một cuộc tấn công nữa nhằm vào Buddy; rồi nói tiếp, “Mục tiêu thứ hai, em sẽ thôi phủ nhận rằng kết luận điên tiết kia không phải là sự thật: Phụ nữ pha rượu quá mạnh, chết tiệt! Em nghĩ đó là một phần của sự lo âu khủng khiếp phải làm hài lòng cánh đàn ông. Vậy hãy bắt đầu chế độ mới chứ nhỉ? Anh đi mà tự pha rượu cho mình nhé, tiện thể cho em một phần, em sẽ uống Vodka tonic.”

Bà rõ ràng đã uống ít nhất vài chén trước khi ông đến. Tay bà lóng ngóng mãi mới châm được điều thuốc đang bập bênh trên môi (Như thường lệ, chiếc gạt tàn Indonesia đang đầy ắp những mẩu thuốc lá dính vết son môi). Rồi bà lả lướt bước vào trong bếp.

“Thật tuyệt là anh có thể đến tối nay, Geo ạ.”

Ông chỉ mỉm cười, không nói năng gì.

“Anh đã hủy cuộc hẹn kia, có phải không?”

“Không, anh nói với em rồi, họ hủy hẹn với anh vào phút chót.”

“Ôi Geo yêu quý, nói thật đi nào. Anh biết không, đôi khi em nghĩ, cứ lúc nào anh làm việc gì tử tế cho ai đó là anh lại xấu hổ không dám nhận. Anh đã biết em thực sự cần anh vào tối nay nên anh mới chủ động hủy cuộc hẹn kia chứ gì? Em đã biết ngay anh đang nói dối khi anh vừa mới mở miệng phân bua. Em và anh không ai lừa nổi người kia, em đã nghiệm ra điều này từ lâu lắm rồi. Anh chưa nhận ra hả? Sau ngần ấy năm?”

“Đáng lẽ anh phải,” ông tán thành, mỉm cười và nghĩ thật lố bịch và phi lý làm sao khi những người bạn thân nhất của ta lại phải là người hiểu rõ ta nhất. Như thể trên đời này chưa đủ việc để thấu hiểu lẫn nhau; trên hết, sự thấu hiểu giữa hai người yêu nhau, được thán tụng trong các câu chuyện, các bản tình ca đó lại thực ra là một sự tra tấn mà không có hai người nào có thể vượt qua mà không có những trận cãi vã, tách li thường xuyên. Cô bạn già Charley thân mến ời, George thầm nghĩ trong lúc mang đồ uống vào trong căn bếp không được sạch sẽ lắm, làm sao tôi có thể vượt qua những năm tháng vừa qua nếu không có sự quan sát ngây ngô và thiếu hụt đến tuyệt vời của cô chứ? Đã biết bao nhiêu lần tôi và Jim cãi lộn nhưng vẫn đến thăm cô cùng nhau, hờn dỗi và không nhìn vào mắt nhau, chỉ nói chuyện với nhau thông qua cô. Chẳng phải cô đã bằng cách nào đó đưa chúng tôi lại gần nhau một lần nữa bằng sức mạnh vô song của sự thiếu quan sát nơi cô rằng có gì đó không ổn đang diễn ra?

Trên tay George, một bên là cốc Vodka (được pha loãng để bà không say gục ra đó sớm) và bên kia là cốc Scotch (pha nặng hơn để ông đuổi kịp bà), ông bắt đầu cảm thấy một cảm giác lâng lâng khó tả - không phải là niềm vui sướng tột cùng, không phải là hạnh phúc trào dâng, cũng không phải sự hưng phấn - chỉ đơn giản là hạnh phúc. Niềm hạnh phúc mà Charley tạo ra thường xuyên đến kinh ngạc, và dĩ nhiên là bà không hề hay biết, bởi bà tạo ra nó ngay cả khi bà đang cùng quần nhất. Đối với George, niềm hạnh phúc này là sự ích kỷ; ông có thể bình thản tận hưởng nó trong *nỗi buồn Buddy* hay *khủng hoảng Fred* của Charley (một trong số chúng đã được phát ra mới lúc này đây thôi). Dù sao thì, có những lúc bạn phải hứng chịu nỗi buồn của bà mà không có cảm giác hạnh phúc chút nào, nó chỉ đơn giản như bãi tha ma tẻ nhạt. Nhưng không phải buổi tối ngày hôm nay. Buổi tối nay ông sẽ được tận hưởng chính mình.

Trong lúc đó, Charlotte mở cửa bếp lò, ngó vào trong rồi lại đóng lại, “Hai mươi phút nữa,” bà nói với một vẻ tự tin chắc nịch của một bếp trưởng cừ khôi, mà Chúa chứng giám, không phải là bà.

Vừa lê bước trở lại phòng khách với đồ uống trên tay, bà nói với George, “Fred gọi cho em vào tối muộn hôm qua.” Bà giữ giọng bình thản.

“Ồ?” George gắng vờ như thể ông ngạc nhiên lắm. “Thằng bé giờ đang ở đâu?”

“Palo Alto.” Charlotte ngồi xuống chiếc ghế bành bên dưới con cá giấy, vẽ mặt dờ dẩn đầy tâm trạng, như thể bà vừa nói, “Siberia”.

“Palo Alto, chẳng phải lúc trước cậu ta đã ở đó sao?”

“Dĩ nhiên thằng bé đã ở đó. Đó là nơi cô gái ấy sống. Thằng bé đang ở với đứa con gái ấy, lẽ tự nhiên... Em phải học cách không nói ‘con bé ấy’ nữa. Cô ta có một cái tên đẹp hoàn hảo mà em khó có thể giả vờ như không biết nó: Loretta Marcus. Dù sao thì, Fred ở với ai cũng chẳng phải chuyện của em, cũng như cô ta làm gì với Fred. Mẹ cô ta còn chẳng thêm quan tâm. Mà quên nó đi... Bọn em đã nói chuyện một hồi lâu. Lần này thằng bé có vẻ ân cần và tỏ ra biết điều trước hoàn cảnh của bọn em. Ít nhất em cảm nhận được nó đã cố gắng hết sức để tỏ ra như vậy. Geo ạ, chẳng tốt đẹp gì nếu bọn em cứ tiếp tục như thế này. Nó đã quyết tâm rồi, thực sự quyết tâm. Nó muốn được tự lập hoàn toàn.”

Giọng của bà run rẩy. George nói, “Cậu ta vẫn còn trẻ lắm.”

“Thằng bé đã quá già so với tuổi. Thậm chí hai năm trước nó đã có thể tự chăm sóc mình nếu nó bắt buộc phải làm vậy. Em không thể đối xử với nó như thể với một đứa trẻ, chỉ vì nó còn trẻ người non dạ. Em lại càng không thể đụng đến luật pháp để khiến nó quay về, như vậy thằng bé sẽ không bao giờ tha thứ cho em...”

“Cậu ta đã thay đổi ý định nhiều lần trước rồi.”

“Ôi em biết chứ. Và em biết anh nghĩ thằng bé đã đối xử với em chẳng ra gì. Em không trách anh vì đã nghĩ như vậy. Đó là lẽ tự nhiên khi anh đứng về phía em. Nhưng mà anh không có con, anh không thể hiểu được. Ôi Geo thân mến, em xin lỗi, em không định nói vậy...”

“Đừng có ngốc nghếch, Charley.”

“Ngay cả khi anh có con đi nữa, nó cũng là khác nhau. Mỗi quan hệ giữa mẹ và con trai này... Ý em là, thật khó khi phải nuôi dưỡng nó khi vắng bóng người cha, thật khó như điên vậy. Anh cố hết sức mình, nhưng mọi điều anh nói hay làm đều là vô nghĩa. Có lần nó bảo em đã làm hư nó. Ban đầu em không hiểu, em đã không thể nào chấp nhận được điều đó, nhưng giờ thì khác. Em không còn lựa chọn nào khác. Nó phải sống cuộc sống riêng của nó, cách xa em. Ngay cả khi nó cầu xin, em cũng không nên gặp nó một thời gian dài. Geo, em xin lỗi. Em không định cư xử thế này. Em rất... xin lỗi...”

George nhích lại gần hơn và quàng tay qua vai bà, khẽ bóp cái thân thể phúng phính đang run rẩy tức tưởi của bà, mà không hề nói một câu. Ông dùng cánh tay còn lại đưa ly rượu lên miệng, cẩn thận không để Charley cảm nhận được sự chuyển động của mình. Không phải ông

lạnh lùng, không phải ông không cảm động. Ông thực sự thương cảm cho hoàn cảnh của Charley và đồng lộn xộn trong quan hệ mẹ con giữa bà và Fred. Nhưng ông không thể cưỡng lại sự hạnh phúc đầm đìa mà nỗi đau khổ của bà mang lại cho ông.

Thật lạ lùng khi ngồi đây với Charley đang nức nở trong tay và nhớ lại cái đêm ông nhận được cuộc điện thoại đường dài từ Ohio. Người cậu của Jim mà George chưa một lần gặp mặt đang cố tỏ ra thương cảm cho ông, thậm chí còn thừa nhận quyền của ông để được chia sẻ nỗi đau tang thương của gia đình. Nhưng sau một vài phút nói chuyện, ông ta hơi chút ớn lạnh bởi sự cộc lốc của George, *À, tôi hiểu rồi, phải,* và câu trả lời cụt ngủn: *Không cần đâu,* cảm ơn khi ông ta ngỏ ý muốn mời George đến dự tang lễ. Hóa ra người *bạn cùng phòng* của đứa cháu trai xấu số của ông cũng chẳng *thân thiết* với nó đến mức đó. Nhưng chỉ năm phút sau khi George đặt máy xuống, khi làn sóng đầu tiên của cơn sốc ập đến, khi cái tin vô nghĩa bỗng trở thành hiện thực trong từng câu nói, George thấy mình gấp gáp chạy qua những ngọn đồi vắng trong bóng đêm, những bước chân liêu xiêu run rẩy, ông thấy mình đập thình thịch vào cửa nhà Charley, gào lên khóc thốn thức trên đôi vai bà, trên đùi và khắp người bà. Và Charley đã vỗ về, đã vuốt ve mái tóc và nói với ông những lời mà một người trong hoàn cảnh của bà sẽ nói. Rồi buổi chiều muộn ngày hôm sau, khi đã kéo chính mình ra khỏi cơn mê của những viên thuốc ngủ mà Charley đưa cho, ông thấy mình thật ghê tởm: Anh đã phản bội em, anh đã phản bội cuộc sống của chúng ta; anh đã biến em thành một chủ đề của cuộc trò chuyện trong nước mắt giàn giụa nơi dừng quần đàn bà. Nhưng đó cũng chỉ là một phần của làn sóng kích động thứ hai. Nó đã trôi qua nhanh chóng. Trong khi đó, Charley, Chúa rủ lòng thương trái tim dần dần của bà, đã không ngừng tận tâm lo lắng - bà nấu từng bữa ăn và mang đến cho ông khi ông đi vắng, bọc trong giấy thiếc để sẵn sàng có thể hâm nóng lại; để lại lời nhắn nhủ ông hãy gọi cho bà bất kỳ lúc nào ông thấy cần, càng muộn càng tốt; giấu sự thật với những bà bạn kín tiếng nhất của bà, những người đang ngờ rằng Jim đã chuồn khỏi Bang sau một vài phi vụ tình ái - cho đến khi cuối cùng bà cũng biến cái chết của Jim thành một câu chuyện hài kịch hoang đường do bà bịa đặt (Nghĩ đến đây, George lại mỉm cười với chính mình). Ồ phải, đúng vậy, ông rất mừng vì đã chạy đến bên bà vào cái đêm ấy. Cái đêm ấy, bằng sự ngu ngốc ngây thơ nhất, bà đã dạy ông một bài học mà ông sẽ không bao giờ quên, đó là, sẽ không gì có thể phản bội (cái cách diễn đạt mới ngu xuẩn làm sao) Jim, hay cuộc sống với Jim, không gì có thể.

Charlotte đã bình tĩnh trở lại. Sau một vài tiếng sụt sịt cuối cùng, bà nói “Xin lỗi” một lần nữa rồi ngưng khóc.

“Em cứ không ngừng tự hỏi mọi chuyện bắt đầu trở nên sai lầm từ khi nào?”

“Ôi Charley, vì Chúa, nghĩ vậy thì có ích lợi gì chứ?”

“Dĩ nhiên nếu Buddy và em vẫn ở cùng nhau...”

“Không ai có thể nói đó là lỗi của em.”

“Lúc nào cũng là lỗi của cả hai người.”

“Gần đây em có nghe gì về anh ta không?”

“Có. Rất thường xuyên. Họ vẫn ở Scranton. Anh ta đã mất việc. Còn Debbie thì mới sinh đứa thứ ba - lại một đứa con gái nữa. Em không tưởng tượng được làm sao họ vẫn có thể... Em không ngừng bảo anh ta thôi gửi tiền, cho dù đó là cho Fred. Nhưng anh ta thật cứng đầu khi anh ta nghĩ đó là trách nhiệm của anh ta, tội nghiệp. Từ giờ, anh ta và Fred phải nói chuyện đó trực tiếp với nhau thôi, em đã ra khỏi bức tranh của họ rồi.” Chút im lặng ảm đạm. George vỗ nhẹ vào vai bà động viên.

“Một ly nữa trước khi món thịt hầm chín?”

“Em nghĩ đó là một ý kiến thiên tài.” Bà cười sảng khoái trở lại. Nhưng khi George nhận chiếc ly trống từ tay bà, bà vuốt ve bàn tay ông đầy cảm động, “Anh thật tốt với em quá, Geo.” Mắt bà mọng nước. Ông tảng lờ như không nhìn thấy và đứng dậy bước đi.

Vừa bước vào căn bếp, George tự nhủ, nếu ông là người bị đâm bởi chiếc xe tải đó, thì người đứng đây buổi tối ngày hôm nay sẽ là Jim, bước qua khe cửa này, tay bưng hai chiếc ly này. Mọi việc đơn giản là thế.

“Chỉ còn hai chúng ta,” Charlotte nói, “chỉ còn anh và em.”

Họ đang dùng cà phê sau bữa tối. Món thịt hầm hóa ra đã khá thành công, mặc dù sự khác biệt giữa nó và các món thịt hầm khác của Charlotte khó có thể được nhận ra, hương vị Borneo ở món thịt hầm này hầu như chỉ tồn tại trong sách vở.

“Chỉ hai chúng ta,” bà lặp lại.

George mỉm cười băng quơ đáp lại, ông không chắc nó sẽ dẫn câu chuyện đi tới đâu hay chỉ đơn thuần là cảm xúc nhất thời ấm áp dâng lên từ những ly rượu. Họ đã uống hết chùng một chai rượu.

Rồi từ từ, trầm ngâm như thể đây chỉ là chút hài hước nữ tính không thích đáng, bà nói thêm, “Có lẽ một hai hôm nữa, em nên bắt đầu dọn phòng của Fred.”

Ngập ngừng.

“Khi nào em còn chưa làm vậy, thì khi đó em vẫn còn chưa thực sự xác định rằng mọi chuyện đã kết thúc. Anh phải làm gì đó để thuyết phục chính bản thân mình. Anh hiểu ý em không?”

“Anh hiểu.”

“Dĩ nhiên em sẽ gửi những gì Fred cần cho nó. Số còn lại em sẽ đóng gói và cất đi. Dù sao thì cũng có cả đồng chỗ trống trong căn nhà này.”

“Em định cho thuê phòng của nó hả?” George hỏi, vì nếu sự đông dài của bà có điểm kết nào đó thì thà nói toạc nó ra ngay từ bây giờ còn hơn.

“Ồ không, em không thể làm như vậy. Ít ra là cũng không phải cho người lạ. Đó phải là người thân trong gia đình. Ôi, em nên bỏ cái lối dùng từ đó, chỉ là thói quen thật khó dứt. Anh biết đấy, Geo, nếu có ai đến ở phòng của Fred, đó phải là người nào em hiểu thật rõ...”

“Anh hiểu.”

“Anh biết đấy, anh và em, thật buồn cười là chúng ta đang ở trên cùng một con thuyền. Những căn nhà của chúng ta quá rộng mà lại quá hẹp cho chúng ta.”

“Tùy vào cách mà em quan niệm.”

“Phải, Geo thân mến... Anh có phiền nếu em hỏi anh điều này... Không phải là em soi mói hay gì cả...”

“Cứ tự nhiên.”

“Giờ, một thời gian cũng khá đủ đã trôi qua kể từ khi... Anh có vẫn giữ ý định muốn sống một mình?”

“Anh chưa bao giờ muốn sống một mình cả, Charley.”

“Em biết, xin lỗi. Ý em không phải...”

“Anh biết ý em. Không sao cả.”

“Dĩ nhiên em biết những gì anh chắc hẳn phải cảm thấy về ngôi nhà của mình lúc này. Có bao giờ anh nghĩ đến việc chuyển đi nơi khác?”

“Không. Ít ra là không phải nghiêm túc.”

“Không ư?” Charlotte đăm chiêu. “Em cũng nghĩ anh không muốn thế. Em nghĩ, miễn khi nào anh còn ở đó, anh sẽ cảm thấy gần Jim hơn, phải vậy không?”

“Có thể.”

Bà nhướn người với lấy bàn tay ông và bóp nhẹ về thấu hiểu cảm thông. Rồi bà búng lấy một điều thuốc ra khỏi bao, hồ hởi nói, “Anh sẽ pha cho mỗi người một ly rượu nữa chứ, Geo?”

“Rửa bát trước đã.”

“Ôi, Geo thân mến, làm ơn cứ để mặc chúng đấy, em sẽ rửa chúng vào sáng mai. Như vậy tốt hơn cho em. Ít ra nó cũng giúp em có việc gì đó để làm. Những ngày này thật ít thứ gì để em có thể...”

“Không bàn cãi nhiều, Charley. Nếu em không phụ một tay, anh sẽ tự rửa một mình.”

“Ôi, Geo buồn bực bình.”

Nửa giờ đồng hồ sau, họ lại quay trở vào phòng khách, ly đồ uống mới trên tay.

“Làm sao anh có thể giả vờ như anh không yêu nó?” Charlotte hỏi ông với giọng hờn trách nũng nịu đằm dáng chòng ghẹo. “Anh nhớ nó như điên, anh ước mình được trở về nơi đó. Đừng có chối.” Đây là một trong những chủ đề ưa thích của bà.

“Vì Chúa, Charley, anh không có giả vờ gì cả. Em cứ không ngừng tảng lờ sự thật rằng anh Đã trở về nơi đó, nhiều lần là khác. Em mới là người chưa từng một lần quay trở về. Và anh hoàn toàn sẵn sàng thừa nhận rằng mỗi lần anh trở về, là mỗi lần anh thêm yêu nó. Thậm chí, anh cho rằng, hiện nay đó vẫn là một đất nước tuyệt diệu nhất trên đời. Những sự kết hợp màu nhiệm đó. Mọi thứ đã thay đổi, nhưng đồng thời vẫn giữ nguyên vẻ xưa cũ. Anh chưa kể cho em nghe, năm ngoái, khi anh và Jim ở đó vào giữa mùa hè, bọn anh đã đi khắp tới tận Cotswolds[28]. Một buổi sáng, khi bọn anh đang ngồi trên chuyến tàu nhỏ, con tàu dừng ở một ga làng, ngôi làng như thể vừa bước ra từ thơ của Tennyson - khắp nơi là những cánh đồng cỏ dạt dào, liu diu trong gió nhẹ, những con bò lười biếng thơ thẩn trên đồng, những con bồ câu nhỏ rù rì bên bệ giếng, những cây du cổ thụ cao chót vót lên tận tầng mây, những trang viên cổ thời nữ hoàng Elizabeth đệ nhất lấp ló sau những rặng cây. Và ở sân ga, hai người gác cổng ăn vận hệt như cách mà người gác sân ga vẫn mặc vào thế kỷ 19. Chỉ khác họ là người da đen đến từ Trinidad. Nhân viên soát vé ở cổng là người Trung Quốc, có dáng thấp bé, nhanh nhẹn. Anh đã gần như chết đi vì ngập tràn trong vui thú. Đó là một trong những khoảnh khắc đã thiếu vắng trong suốt nhiều năm trở lại đây. Nó khiến cho mọi thứ trở nên thật hoàn hảo...”

“Em chắc là mình cũng sẽ cảm thấy như anh nếu được chứng kiến khung cảnh đó,” Charlottle xúc động nói. Sự lãng mạn trong bà đã được đánh thức, như ông đã tiên liệu. Phải rồi, ông kể chuyện này để trêu ghẹo bà mà. Nhưng chưa đủ. Bà muốn nhiều hơn nữa. Bà đang chệnh choáng trong hơi men của những giấc mộng huyền ảo. “Rồi anh đã lên tới tận phía Bắc, phải không?” bà thúc giục ông kể tiếp, “Để thăm lại căn nhà nơi anh đã sinh ra?”

“Phải.”

“Kể em nghe đi.”

“Ôi Charley, anh đã kể cho em nghe hàng trăm lần rồi.”

“Kể nữa đi mà, làm ơn đi Geo!”

Bà ngoan cố như một đứa trẻ, mà George hiếm khi nào có thể nói không, nhất là khi ông đã có vài ly rượu trong người.

“Em còn nhớ không, nơi đó từng là một nông trại. Được xây dựng vào năm 1649, năm mà họ hành xử Charles đệ nhất...”

“1649, ôi Geo, chỉ nghĩ về nó đã hạnh phúc biết bao!”

“Quanh đây, có nhiều nông trại còn cổ xưa hơn nữa. Dĩ nhiên đã có nhiều sự tu sửa kể từ khi gia đình anh dọn đi. Người chủ hiện nay của nó là một nhà sản xuất phim ở Manchester. Ông ta đã thay đổi lại hầu như toàn bộ thiết kế bên trong xây thêm cầu thang gác mới, mở thêm một nhà tắm và sửa sang cho cách tân khu bếp. Hôm trước, họ viết cho anh và báo rằng, họ đã xây dựng hệ thống sưởi ấm mới trong nhà.”

“Thật tệ làm sao. Phải có luật nào đó chống lại việc phá hoại những căn nhà cổ tuyệt đẹp đó. Sự đam mê cách tân mọi thứ của họ chắc hẳn là bị ảnh hưởng bởi đất nước trời đánh thánh vật này.”

“Đừng có khờ dại như vậy, Charley yêu quý. Căn nhà có đẹp để thơ mộng thật, nhưng đó không phải là nơi có thể trú ngụ nếu không sửa sang. Nó được xây từ những tấm đá bản địa mà sẽ thấm hút mọi giọt hơi ẩm trong không khí. Mà em nhớ cái thời tiết ở đó thì kinh khủng thế nào rồi đấy. Thậm chí trong mùa hè, các bức tường cũng lạnh và ẩm ướt; và đừng có nhắc đến mùa đông, nếu em bước vào căn nhà mà không được đốt lò sưởi trong ít nhất vài ngày trở lại, thì em sẽ tê cóng mà chết. Tầng hầm thì bốc mùi như mồ mả. Nấm mốc thì quanh năm làm tổ trên các cuốn sách, giấy dán tường cứ không ngừng tróc ra, bốn góc của các bức tranh thì lốm đốm những vết hoen ố...”

“Geo thân mến ạ, bất kể anh nói gì về nó, anh cũng khiến nó trở nên thơ mộng diệu kỳ. Hệt như *Đồi gió hú*.”

“Thực ra thì, nơi đó giờ đây chẳng khác gì một khu ngoại ô thành thị. Chỉ cần bước qua con hẻm nhỏ là đã tới đường cái với xe buýt chạy ầm ầm chỉ 20 phút là tới Manchester.”

“Chẳng phải anh đã kể với em căn nhà nơi anh sinh ra nằm trên một thảo nguyên vắng sao?”

“Đúng vậy. Đó là điều kỳ diệu. Giống như thể nó ở trong hai thế giới khác biệt cùng một lúc. Khi nhìn ra từ ô cửa sổ phía sau, trong căn phòng nơi anh sinh ra, khung cảnh vẫn không hề thay đổi dù chỉ một chút so với khi anh còn là một đứa trẻ. Em vẫn chẳng thấy bóng một căn nhà nào xung quanh đó, chỉ có những ngọn đồi vắng, những bức tường đá bao quanh chúng, và những dải vôi trắng đánh dấu phạm vi các nông trại. Những cây cổ thụ trong khu vườn cũ được trồng từ lâu, rất lâu trước khi anh ra đời, để che chắn cho căn nhà. Đứng trên ngọn cây, gió thổi vi vu suốt ngày, những cây sồi cao lớn ngày ấy... chúng tạo ra những tiếng động lao xao, như những con sóng vỗ bờ... Đó là một trong những âm thanh đầu tiên mà anh ghi nhớ vào tâm trí. Đôi lúc anh tự hỏi liệu đó có phải là lý do mà anh luôn muốn được sống gần đại dương.”

Có điều gì đó đang ập đến trong George. Ban đầu ông tạo ra điều kỳ diệu để làm vui lòng Charley, giờ đây điều kỳ diệu đó đang ồ ạt tràn đến chiếm trọn lấy ông. Ông nhận thức được điều đó, nhưng có gì phải sợ? Ông đang vui. Nó đẩy say lên đến một giới hạn khác. Miễn sao không ai nghe được những lời ông đang nói ngoài Charley. Bà đang thở dài sâu lắng với một nỗi cảm thông và phần khích, nỗi phần khích của một tên nghiện khi nghe thấy có người thừa nhận hẳn cũng đã sa lầy vào cơn mê đắm giống bà.

“Có một quán bar cao tí trên thảo nguyên, căn nhà ở cuối làng. Thực ra, nó nằm trên con đường mòn xe ngựa thường đi qua, vượt qua những ngọn đồi, mà hầu như chẳng ai sử dụng nữa. Jim và anh hay đến đó vào những buổi tối. Nó có tên gọi là *Con trai người nông dân*. Phòng khách của quán bar có mái trần thấp và nặng nề với những cây xà rầm bằng gỗ sồi đã biến dạng, giữa góc căn phòng là chiếc lò sưởi lớn. Những chiếc mặt nạ cáo được gắn trên tường. Một bức tranh điêu khắc, chạm hình nữ hoàng Victoria đang cưỡi ngựa trên thảo nguyên...”

Charlotte quá phấn kích đến độ bà bắt đầu vỗ tay, “Ôi Geo, em có thể nhìn thấy rõ khung cảnh đó, căn nhà đó, tất cả mọi thứ như đang hiện ra ngay trước mắt em.”

“Có một đêm, khi anh và Jim đến, họ quyết định đóng cửa muộn hơn thường lệ vì đó là sinh nhật của Jim. Họ đóng cửa bên ngoài và quay trở vào rót rượu. Bọn anh đã cảm thấy thật ấm cúng khôn cùng, bọn anh đã uống nhiều đến mức có thể được ghi vào kỷ lục Guinness, nhiều thật nhiều. Rồi có một *nhân vật* xuất hiện, họ gọi ông ta là kẻ lập dị. Ông ta đúng là hơi gàn dở. Tên ông ta là Rex, một người chất phác, thô kệch. Ông ta là một công nhân làm thuê trong các nông trại, nhưng chỉ khi nào ông thực sự bắt buộc phải làm. Ông ta bắt đầu nói chuyện bằng giọng kẻ cả để gây ấn tượng với bọn anh. Ông ta bảo Jim rằng, ‘Người Mỹ các anh đang sống trong một thế giới ảo tưởng’. Nhưng rồi ông ta dần trở nên thân thiện hơn nhiều. Rồi trên đường trở về quán trọ nơi bọn anh, chân nam đá chân chiêu, anh nhận ra anh và Rex có một điểm chung, cả hai người bọn anh đều yêu *Vitai Lampada* [\[29\]](#) của Newbolt đến điên cuồng. Bọn anh đã học nó khi còn đi học. Vậy nên, dĩ nhiên, bọn anh bắt đầu gào lên, ‘Play up, play up and play the game!’ Và khi ngân nga đến đoạn thơ thứ hai nói về cát trên sa mạc đang đầm máu đỏ, anh nói, ‘Đại tá đã bị kẹt, và Gatling đã chết’, Rex đã nghĩ đó là câu nói đùa hay nhất của năm, còn Jim thì ngồi bệt xuống lòng đường, vùi mặt vào bàn tay và bắt đầu rên lên khiếp đảm...”

“Ý anh là, Jim đã không vui?”

“Jim đã không vui? Cậu ấy đã có những giây phút vui vẻ nhất đời mình. Thậm chí đã có lúc anh nghĩ sẽ chẳng thể nào kéo cậu ấy ra khỏi nước Anh được nữa. Cậu ấy thậm chí yêu quán bar đó say mê. Anh phải thừa nhận rằng phần còn lại của ngôi nhà khá bắt mắt. Căn gác mái phía trên cầu thang có thể sẽ trở nên rất tuyệt vời nếu biết sắp xếp đôi chút. Và khu vườn lớn xung quanh quán. Jim đã muốn mua lại quán bar đó, bọn anh sẽ ở lại đó và cùng nhau buôn bán.”

“Một ý tưởng tuyệt vời! Thật tiếc bọn anh đã chẳng thể thực hiện nó.”

“Thực ra không phải là hoàn toàn không thể. Bọn anh đã tìm hiểu một chút. Anh nghĩ nếu thực sự muốn, bọn anh có thể thuyết phục họ bán lại. Và không nghi ngờ gì Jim sẽ làm việc cật lực với quán bar đó, như cách cậu ấy vẫn làm với mọi việc khác. Dĩ nhiên, còn phải qua hàng loạt thủ tục giấy tờ... nhưng, phải, bọn anh đã bàn về việc đó. Đã có một thời gian, bọn anh không ngừng bàn về chuyện sẽ quay lại đó vào năm nay và xem lại một lần nữa...”

“Anh có nghĩ... nếu như Jim còn sống, liệu anh có thực sự sẽ mua lại quán bar đó và sống ở đó?”

“Cũng có thể. Bọn anh lúc nào cũng đưa ra những kế hoạch như vậy. Và chẳng bao giờ nói với ai, kể cả em. Có lẽ bởi vì trong thâm tâm bọn anh biết đó là những kế hoạch điên rồ. Nhưng nói đi nói lại, bọn anh cũng đã làm khá nhiều việc điên rồ. Ôi, giờ ta sẽ chẳng bao giờ biết nữa... Charlotte thân mến, hai ta cần thêm chút rượu nữa.”

Rồi ông bỗng nhận ra Charlotte đang nói điều gì, “Có lẽ, nó hơi khác đối với đàn ông các anh...”

Cái gì khác? Ông đã gật gù ngủ gục trong phút chốc chẳng? George lắc đầu để tỉnh táo trở lại.

“... anh có biết em cũng đã từng hay nghĩ về Buddy như vậy không? Anh ta có thể sống ở bất kì đâu. Anh ta có thể đi hàng ngàn dặm ở những nơi hoang vắng, rồi bất chợt dừng một cái lều của riêng mình rồi gọi đó là nơi sinh tồn, và nơi đó sẽ thực sự trở thành một nơi có thể sinh sống, chỉ vì anh ta đã nói nó là như thế. Rốt cuộc thì, chẳng phải đó là những gì mà những người cải cách đã làm trên đất nước này không lâu trước đây sao? Nó chắc hẳn đã có trong máu của Buddy, cho dù nó không còn nữa. Debbie không bao giờ tán thành những việc như vậy. Không Geo ạ, thề với Chúa, không phải em ganh ghét cô ta nên nói thế. Cũng như cô ta, em cũng chẳng thể chịu được điều đó, về lâu về dài. Phụ nữ bọn em là vậy, bọn em đơn giản là luôn muốn níu giữ nơi bọn em gọi là nhà. Bọn em có thể di thực, nhưng việc di thực đó phải được thực hiện bởi cánh đàn ông, và khi anh ta xong việc, anh ta phải ở lại cùng bọn em. Và tất cả sẽ lại héo khô nếu anh ta không tưới nước...” giọng của bà trở nên trầm hơn. Giờ thì đến lượt bà lắc đầu mạnh, như George đã làm vài giây trước. “Những lời em nói có nghĩa gì không ấy nhỉ?”

“Có, Charley ạ. Chẳng phải em đang nói với anh rằng em đã quyết định trở về?”

“Ý anh là trở về nhà?”

“Em có chắc nơi đó vẫn là nhà?”

“Ôi, vì Chúa, em chẳng còn chắc về bất cứ điều gì trên đời nữa hết. Nhưng giờ thì, Fred đã không còn cần đến em nữa. Em ở lại đây để làm gì hả Geo?”

“Em còn có bạn bè.”

“Phải. Em có bạn bè. Và họ thật sự đáng mến. Đặc biệt là nhà Peabody và nhà Garfein, còn Jerry và Flora nữa, em cũng rất quý Myrna Custer. Nhưng không ai trong bọn họ cần em cả. Chẳng có ai khiến em cảm thấy tội lỗi khi rời bỏ họ. Geo ạ, nói thật cho em nghe đi, liệu có ai, bất kỳ ai mà em nên cảm thấy ăn năn nếu bỏ họ ở lại?”

Có anh. Không, ông sẽ không nói ra điều đó. Những lời ủy mị đó không phải là con người ông, kể cả khi say. “Cảm giác áy náy không thể là lý do cho việc đi hay ở,” ông cương nghị nhưng cũng mềm mỏng nói với bà. “Điều quan trọng là, em có muốn hay không? Nếu em thực sự muốn, thì em nên đi. Đừng bận tâm đến bất kỳ ai khác.”

Charlotte gật đầu buồn bã. “Phải, em đoán là anh nói đúng.”

George đi vào trong bếp, pha cho họ thêm một ly nữa. Có vẻ như tốc độ uống của họ ngày càng tăng. Ly này nên là ly cuối. Khi George bước ra, Charlotte vẫn đang ngồi đó, tay siết lại vào nhau trước mặt.

“Em nghĩ em nên quay trở về, Geo ạ. Nó khiến em sợ, nhưng em bắt đầu nghĩ mình thực sự nên trở về.”

“Tại sao em lại sợ?”

“Em chẳng biết. Em chỉ thấy sợ. Một phần vì Nan, em nghĩ.”

“Em sẽ không bắt buộc phải sống với cô ấy chứ?”

“Không bắt buộc phải, nhưng em nên. Em chắc mình nên làm vậy.”

“Nhưng Charley à, anh luôn có cảm giác hai người bọn em ghê tởm lẫn nhau.”

“Không thực sự là ghê tởm, Geo à. Cho dù trong gia đình, đó không thực sự là vấn đề. Ý em

là, đôi khi nó có thể là trở ngại. Rất khó để giải thích cho anh hiểu, anh đã không còn gia đình thực sự khi anh còn quá trẻ. Không, em không nói là ghê tởm. Mặc dù, phải, dĩ nhiên, khi em mới quen Buddy, khi chị ấy phát hiện ra bọn em đã ngủ cùng nhau, Nan đã rất ghét em. Chị ấy ghét vận may của em. Dĩ nhiên rồi, trong những ngày ấy, Buddy là một con thuyền mộng mơ. Cô gái nào mà chả thèm muốn. Nhưng đó chưa phải nguyên do chính. Điều khiến chị ấy thực sự tức tối là Buddy là một người Mỹ và anh ấy sẽ đưa em tới Mỹ một khi bọn em kết hôn. Nan đơn giản là thèm khát được đặt chân đến nơi này, giống như hàng vạn cô gái khác, sau chiến tranh và đói khát hay tất cả mọi thứ khác. Nhưng chị ấy thà chết còn hơn phải thừa nhận điều đó. Chị ấy cảm thấy mình phản bội nước Anh ngay cả khi chỉ nghĩ về nó. Chung quy, chị ấy ghen tị với em và Buddy và những gì mà bọn em có. Chẳng phải buồn cười lắm sao?”

“Cô ta biết em và Buddy đã li dị?”

“Ồ dĩ nhiên, em đã phải nói cho chị ấy biết, ngay khi nó diễn ra. Bằng không, em sợ chị ấy sẽ tự tìm hiểu ra, bằng cách kỳ quái nào đó, và như thế sẽ thật bẽ mặt. Vậy nên em viết thư thông báo cho chị ấy biết, và chị ấy hồi âm lại cho em một lá thư đáng tởm, ngẫm tỏ ra vẻ chiến thắng, nói rằng ‘Giờ thì tôi đoán cô sẽ lại phải quay trở về đây, về tổ quốc mà cô đã ruồng bỏ.’ Ít ra thì đó cũng là những gì chị ấy đã ám chỉ. Anh biết em rồi đấy, khi đọc đến đó, em liền viết thư hồi âm cho chị ấy rằng, em vô cùng hạnh phúc khi ở đây, và rằng em sẽ không bao giờ, không bao giờ đặt chân lên cái hòn đảo nhỏ ảm đạm u ám của chị ấy thêm một lần nữa. Em chưa bao giờ kể cho anh nghe điều này, bởi vì nó khiến em rất xấu hổ, nhưng sau khi em viết lá thư đó cho chị ấy, em cảm thấy ăn năn vô cùng, thế là kể từ đó, em bắt đầu gửi đồ đặc về cho chị: các món ăn ngon của các nhà hàng sang trọng trên Beverly Hills, đủ loại pho mát và đồ đóng chai, hộp. Những thứ mà em chẳng đủ sức chi trả cho bản thân mình xài. Em quả là một con ngốc, em đã không một giây tự hỏi tại sao mình lại có thể ngây thơ đến mức làm như vậy suốt một thời gian dài. Nói trắng ra, em đã bị Nan chơi xỏ. Chị ấy cứ để mặc cho em gửi những món đồ đắt tiền đó, mà em nghĩ là chị ấy đã ăn sạch không chừa lại một mẩu, rồi sau đó mới trả đũa em khi đã chán chê. Chị ấy hỏi em chẳng lẽ ở nước Mỹ này chưa hay tin chiến tranh đã kết thúc được một thời gian rồi sao? Rằng lệnh phong tỏa nước Anh đã chấm dứt từ lâu?”

“Duyên dáng làm sao!”

“Không, Geo ạ, bỏ qua tất cả những điều đó, Nan thực sự yêu em. Chỉ là chị ấy muốn em nhìn nhận sự việc theo cách mà chị ấy nhìn nhận. Chị ấy lớn hơn em hai tuổi, điều đó có ý nghĩa rất lớn với em khi còn là trẻ con. Em luôn nghĩ về chị ấy như một con đường đã được vẽ ra trước mắt, ý em là, chị ấy dẫn tới một nơi nào đó cho em. Với chị ấy bên cạnh, em sẽ không bao giờ lạc lối. Anh hiểu em muốn nói gì không?”

“Không.”

“Ôi, quên nó đi. Có một việc nữa về chuyện quay trở về nhà. Quá khứ. Và tất cả đều kết nối lại tới Nan. Đại loại như quay trở lại con đường cũ em đã bước ra khỏi. Anh hiểu không?”

“Không.”

“Ôi Geo, quá khứ. Anh không thể giả vờ rằng không hiểu nó có nghĩa gì chứ?”

“Quá khứ chỉ là một việc đã kết thúc.”

“Ôi thật là, sao anh có thể tỏ nhạt đến như vậy.”

“Không Charley, anh nói thật đấy. Quá khứ đã kết thúc. Người ta cứ mê hoặc chính mình rằng nó chưa kết thúc, và họ cho em thấy những vật trong viện bảo tàng. Nhưng đó không phải là quá khứ. Em sẽ không thể tìm thấy quá khứ ở Anh hay ở bất kỳ nơi đâu nữa.”

“Ôi, anh nói chán ngắt.”

“Nghe này, sao em không quay về thăm nơi xưa đó một thời gian? Gặp Nan nếu em muốn. Nhưng vì Chúa, đừng có ràng buộc chính mình.”

“Không, nếu có ngày em quay về, thì đó phải là mãi mãi.”

“Tại sao?”

“Em không thể nào chịu được một sự dẫn đo thiếu quả quyết nào nữa. Lần này em phải đốt cháy mọi con đường em đã từng bước qua để không bao giờ có thể quay đầu trở lại. Em tưởng em đã làm vậy khi đến đây cùng Buddy. Nhưng lần này, em phải thực sự...”

“Ôi vì Chúa lòng lành.”

“Em biết em sẽ thấy mọi thứ ở nơi đó đã thay đổi. Em biết sẽ có nhiều điều em sẽ ghét. Em biết em sẽ nhớ tất cả những tiện nghi, những hào nhoáng và thậm chí là nhớ các siêu thị đông đúc ở đây. Nhiều khả năng, khi trở về, em sẽ bị cảm liên miên vì đã quen với tiết trời ẩm áp này. Và em nghĩ anh nói đúng, em sẽ khổ sở khi sống cùng Nan. Em không làm gì được về điều đó. Nhưng ít nhất, khi em ở đó, em sẽ biết mình đang thuộc về đâu.”

“Chưa bao giờ anh gặp một người thân lừa ưạ nặng như em!”

“Ồ phải, em biết em trông có vẻ là người như vậy. Có lẽ. Anh có nghĩ ưạ thích gian khổ là cách chúng ta biểu hiện tình yêu và lòng nhiệt thành của mình? Hay ngược lại nhỉ? Thật khôì hài làm sao. Ôi Geo, chúng ta nên uống thêm chút xúu chứ nhỉ? Hãy uống vì sự gian khổ cho Anh quốc già nua!”

“Anh không nghĩ vậy, Charley thân mến ạ. Đến giờ đi ngủ rồi.”

“Geo, anh không định về chứ?”

“Anh nên vậy, Charley.”

“Nhưng khi nào thì em lại được gặp anh?”

“Sớm thôi. Trừ phi em rời bỏ đất nước này để về lại Anh quốc ngay lập tức.”

“Ôi, đừng trêu chọc em nữa. Anh biết rõ là em sẽ không làm vậy. Sẽ mất hàng năm trời nữa để em có thể sẵn sàng. Hoặc có lẽ em sẽ không quay về chút nào. Làm sao em có thể đủ sức với hàng đống việc nặng nhọc như đóng gói, nói tạm biệt mọi người? Không, có lẽ em sẽ không bao giờ.”

“Chúng ta sẽ nói chuyện đó sau. Sẽ nói thật nhiều. Ngủ ngon, Charley!”

Bà nhướn người lên khi ông cúi xuống hôn tạm biệt. Họ đụng vào nhau ngượng ngùng và ngã bổ vào nhau, lăn tròn trên sàn nhà. Ông giữ cho bà dừng lại.

“Em ghét phải bỏ anh ở lại, Geo.”

“Vậy thì đừng.”

“Xem cái cách mà anh nói kìa. Em không tin anh thềm bận tâm em đi hay ở.”

“Dĩ nhiên là anh bận tâm.”

“Thực sự bận tâm?”

“Thực sự bận tâm.”

“Geo?”

“Sao, Charley?”

“Em không nghĩ Jim muốn em bỏ anh ở lại đây một mình.”

“Vậy thì đừng bỏ anh.”

“Không, em nghiêm túc đấy. Anh có còn nhớ cái lần em và anh đi tới San Francisco? Khoảng tháng 9 năm ngoái, ngay khi anh quay trở về từ Anh.”

“Có.”

“Jim không thể đi cùng chúng ta ngày hôm đó. Em quên mất tại sao. Cậu ấy bay tới vào ngày hôm sau và tụ hội cùng chúng ta. Ngay lúc em và anh chuẩn bị bước vào trong xe, Jim nói với em một câu mà em chưa bao giờ có thể quên được. Em đã bao giờ nói với anh chưa nhỉ?”

“Anh không nghĩ là em đã.” (Bà đã nói với ông ít nhất sáu lần, lần nào cũng là khi đã say mèm.)

“Cậu ấy nói với em, hai người hãy chăm sóc lẫn nhau.”

“Cậu ấy đã nói vậy?”

“Phải, chính xác những lời đó. Và Geo ạ, em không nghĩ Jim muốn ám chỉ chăm sóc đơn thuần. Cậu ấy muốn nói gì đó hơn thế...”

“Cậu ấy muốn nói gì?”

“Lúc đó khoảng chưa đến hai tháng trước khi cậu ấy trở về Ohio thăm nhà. Em tin rằng khi nói hãy chăm sóc lẫn nhau, bởi vì Jim đã biết...”

Khẽ lắc lư, bà nhìn ông chăm chú thành khẩn và nghiêm túc nhưng đồng thời cũng mập mờ, như thể bà đang quan sát sẫm soi ông, nhử mồi, cho dù hàng đồng rượu trong người đã khiến bà say khướt. “Anh có tin vậy không, Geo?”

“Làm sao chúng ta có thể biết rằng cậu ấy đã biết hay không hả Charley? Có thể khi bảo chúng ta hãy chăm sóc lẫn nhau, cậu ấy thực sự muốn chúng ta làm vậy.” George đặt hai tay lên vai Charley và nói tiếp. “Vậy nên hãy để chúng ta làm việc đó bằng cách bảo nhau đi ngủ, được không?”

“Khoan, đợi đã...” Bà như một đứa trẻ, nín kéo giờ đi ngủ bằng những câu hỏi không thôi. “Anh có nghĩ quán bar đó vẫn còn muốn nhượng lại?”

“Anh nghĩ vậy. Đó là một ý không tồi. Tại sao chúng ta không mua nó nhỉ, Charley? Chúng ta vừa có thể được uống đến say mèm vừa có thể kiếm tiền. Chắc chắn sẽ thú vị hơn sống với Nan rồi.”

“Ôi, sẽ vui thú biết bao. Anh có nghĩ chúng ta thực sự có thể mua nó không? Không, anh đang giỡn phải không? Em biết anh đang giỡn mà thôi. Hãy cứ lên kế hoạch cho nó, như Jim và anh đã từng làm. Jim sẽ muốn chúng ta lên kế hoạch, phải không?”

“Chắc chắn rồi. Ngủ ngon, Charley.”

“Ngủ ngon, Geo.” Khi họ ôm nhau tạm biệt, bà hôn vào môi ông, bà đưa cả lưỡi mình vào.

Bà đã làm thế này nhiều lần trước đây. Đây là một trong những ván bài say mà bà đã đánh cược đến cả nghìn lần. Ném mối quan hệ bạn bè ra và đẩy nhanh nó sang quỹ đạo của một dạng quan hệ khác. Có bao giờ phụ nữ họ ngừng cố gắng? Không. Bởi vì không bao giờ ngừng nên họ đã học được cách trở thành một kẻ thất bại đáng kính. Sau một vài giây đứng lặng im, ông bắt đầu đẩy bà ra, bà cũng không cố bám lấy ông. Và giờ bà chấp nhận sự ra đi của ông trong yên bình. Ông hôn lên trán bà. Bà trông như thể một đứa trẻ cuối cùng cũng chấp nhận đi ngủ.

“Ngủ ngon.”

George quay đầu và mở toang cửa, sải bước dài và trượt chân ngã xuống những bậc thang, ông trượt xuống tận mười, năm mươi, một trăm thước sâu vào trong màn đêm không đáy. Tay vịn cầu thang nhỏ nhắn đã cứu ông.

Ông chệnh choáng quay lại, tim đập thình thịch, và mỉm cười với Charlotte. Nhưng may mắn thay bà đã quay trở vào tự lúc nào. Bà đã không thấy được cảnh tượng vừa rồi của ông. Thật phí hoài. Vì nếu bà đã thấy, bà sẽ thuyết phục ông qua đêm lại đây, đồng nghĩa với việc sau khi tỉnh giấc, họ sẽ cùng nhau ăn sáng muộn, rồi ăn trưa, rồi nhiều nữa những ly rượu trên tay. Việc này đã từng xảy ra trước đây.

Nhưng lần này ông đã thoát. Giờ thì ông quay người, rón rén như một kẻ trộm và đóng cửa lại. Ông ngồi xuống bậc thang trên cùng, thở sâu và nghiêm khắc nói với chính mình. Mày đã say rồi. Ôi lão già ngớ ngẩn, làm sao mày dám để cho bản thân say đến mức này. Giờ thì nghe đây, chúng ta sẽ bước xuống những bậc thang dưới kia một cách chậm rãi, và khi tới nơi, mày sẽ về thẳng nhà, đi lên lầu và leo vào giường đi ngủ, không thêm đánh răng nữa. Được chưa? Giờ thì đi nào.

Khi đã đặt chân lên cây cầu trên nhánh sông gần nhà, George bất chợt quay đầu lại, cười khẩy với chính mình. Với chuyển động của một đứa trẻ vừa ngoe nguẩy ra khỏi tay người lớn - bộ não già nua cảnh giác - ông chạy xuống dưới con đường nhằm về hướng đại dương, cười khanh khách.

Vừa phi nước kiệu ra khỏi đường Hẻm cây Nhãn tới Las Ondas, ông thấy ngay những ánh đèn tròn viền xanh của tấm biển Phía Mạn Tàu, tí dưới góc của cao lộ đại dương dọc bãi biển đang nhấp nháy chào đón ông.

Quán Phía Mạn Tàu đã có mặt ở đây từ những ngày đầu khi những người định cư mới đặt chân đến đây. Quầy bar của quán ban đầu là quầy phục vụ đồ ăn trưa, nơi bạn có thể lấy những cốc bia đầu tiên sau khi luật cấm nấu và bán rượu (1920 - 1933) được dỡ bỏ. Tấm gương phía

sau nó thì thoảng được vinh dự phản chiếu bóng hình của Tom Mix. Thời huy hoàng của nó là những năm sau đó. Nhất là mùa hè năm 1945, khi chiến tranh kết thúc. Hồi đó, tấm rèm che không có ý nghĩa gì hơn là để khỏi ai thấy những cuộc cưỡng hiếp tập thể đang diễn ra ở đây. Tấm biển trên quầy bar ghi: “Trong trường hợp bị thả bom, chúng tôi sẽ đóng cửa ngay lập tức”. Vốn dĩ nhằm ý tỏ ra hài hước. Ấy vậy mà, bên kia bờ vịnh, sâu thẳm dưới đáy nước của những tảng đá ở Palos Verdes, là xác của chiếc tàu ngầm với hàng đồng xác những người Nhật Bản sau khi họ đã đánh chìm hai hay ba chiếc tàu chiến trên bờ biển California.

Chỉ cần đẩy tấm rèm che, bạn sẽ đụng ngay một đám đông bầu kín lấy quầy bar, bạn phải chen chúc và gạt họ ra để có thể lấy được đồ uống, không đủ không khí để thở hay nhìn, vì khói thuốc nghi ngút. Ở đó, giữa đám đông và sự huyên náo, bạn và người được bạn chọn hét vào mặt nhau những lời khởi đầu cho cuộc mây mưa thân xác. Bạn có thể tán tỉnh, nhưng bạn không thể đánh lộn; không có đủ chỗ để đánh ai ngã gục. Mặc dù các tàn dư còn sót lại của những ngọn lửa truy hoan trên bãi biển đã lụi tàn và chôn sâu xuống lòng cát. Eo biển này vẫn tràn đầy toàn rác là rác. Những nhóm học sinh vẫn viết đầy các từ ngữ khiếm nhã thô tục lên bờ chắn. Vỏ sò, vỏ ốc còn khó tìm hơn cả cao su bị vứt bỏ.

Thời huy hoàng của quán Phía Mạn Tàu cũng đã qua. Chỉ còn lại những người khách trung thành như George, những người vẫn có thể lượm nhặt được chút ánh sáng le lói còn lại của nó. Nơi này đã trở nên trơ trụi, chỉ còn lại một vài kỷ vật của chiến tranh trên biển còn sót lại bám đầy bụi và những tấm ảnh chụp các nhóm ăn nhậu đã úa vàng. Ngay sau khi nghỉ tết, họ sẽ cho trang trí lại nơi này để sẵn sàng cho đám đông những kẻ xa lạ của mùa hè tới. Họ đã đặt thêm một cái máy hát tự động, chiếc ti vi mới treo cao trên tường, để bạn có thể quay nửa người lại, khoanh tay lên mặt quầy bar mà xem nó. Đó là việc mà hầu hết các thực khách ở đây đang làm khi George bước vào.

Ông bước tới góc bàn ưa thích của mình, nơi mà chiếc ti vi sẽ là vô hình. Bàn bên cạnh là hai kẻ lập dị, một cặp bồ lão còn sót lại trong số những người khai hoang, đang thể hiện tình yêu cho nhau: một cuộc cãi vã trong men rượu khiến cho nó có vẻ như không tưởng để họ có thể chơi trò chơi tình ái như những người trẻ tuổi. Hai kẻ già nua, hai kẻ ngu ngốc, hai kẻ khốn kiếp, hai kẻ đáng khinh: giận dữ mà không cần oán hờn, hành hạ mà không cần chua cay. Đây sẽ là những gì các người có cho đến khi nhắm mắt xuôi tay. Hãy hy vọng rằng họ sẽ không bao giờ phải biệt ly, hãy để cho họ chết cùng một giờ, trong cùng một đêm, trên cùng một giường.

George đảo mắt nhìn quanh quầy bar, ông dừng lại một người đang ngồi một mình ở cuối quầy gần cửa ra vào. Cậu thanh niên đang không dán mắt vào màn hình ti vi mà chăm chú viết thứ gì đó lên mặt sau của tấm phong bì. Vừa viết, cậu vừa cười với chính mình và vuốt vuốt sống chiếc mũi to bằng ngón tay trỏ. Đó là Kenny Potter.

Ban đầu, George không động đậy, có vẻ như thật khó cho ông để phản ứng trở lại. Rồi ông cũng có thể tách dần đôi môi và nặn ra một nụ cười. Ông nhào người về phía trước, ngắm Kenny bằng một vẻ vui thú của một nhà động vật học vừa phát hiện ra chú chim sẻ mỏ ngắn

hồng hào đang đậu trên nhánh cây ở công viên đông đúc. Sau một vài phút, ông đứng dậy, rón rén bước đến quầy bar và khẽ ngồi lên chiếc ghế cạnh Kenny.

“Xin chào,” ông nói.

Kenny quay đầu lại để nhìn xem ai vừa nói, bật ra một tràng cười hào sảng, rồi nhanh tay vo chiếc phong bì lại, ném vào sọt rác trong quầy bar. “Xin chào, giáo sư.”

“Tại sao cậu ném nó đi?”

“Ồ, chẳng có gì quan trọng.”

“Tôi đã làm phiền cậu. Cậu đang viết gì mà.”

“Chẳng có gì đâu. Chỉ là một bài thơ.”

“Và giờ thì cả thế giới sẽ không được biết đến nó.”

“Em nhớ nó rồi. Em chỉ thích cảm giác viết nó lại.”

“Cậu đọc cho tôi nghe chứ?”

Kenny cười ồm lên. “Thơ tạp nham ấy mà. Nó...” cậu rúc rích cười ngượng ngập, “đó là một bài haiku.”

“Tại sao haiku lại là tạp nham?”

“Em phải để ý đến số lượng từ trong mỗi câu.” Nhưng tất nhiên là Kenny không đếm chúng vào lúc này. Nên George nói, “Tôi đã không ngờ sẽ được thấy cậu ở chốn rừng sâu biển vắng này. Chẳng phải cậu sống phía bên kia thành phố sao? Gần khu giảng đường mới?”

“Đúng vậy. Nhưng đôi lúc em muốn được lánh xa khỏi nó.”

“Vẫn thật khó tưởng tượng tại sao cậu lại chọn quán bar này.”

“Ồ, bởi vì họ nói giáo sư hay thường xuyên đến đây.”

“Ý cậu là cậu đến đây để gặp tôi?” George nói có phần hơi hăm hở. Kenny nhún vai với một nụ cười chòng ghẹo.

“Em chỉ tò mò muốn biết nơi này nó ra làm sao.”

“Giờ thì nó chẳng có gì đặc biệt. Nhưng đã có một thời nó khá náo nhiệt. Tôi đã quen đến đây. Tôi sống cũng khá gần.”

“Hẻm cây Nhãn phải không ạ?”

“Làm thế nào cậu biết?”

“Đó là một bí mật sao ạ?”

“Không, dĩ nhiên là không. Thi thoảng tôi cũng có vài sinh viên ghé chơi. Hỏi chuyện học hành.” George ngay lập tức nhận ra mình đang cảnh giác và đồng thời thấy tội lỗi. Kenny có để ý chẳng? Cậu ta đang cười toe toét. Nhưng có lúc nào mà cậu ta không cười chứ? George nói yếu ớt, “Cậu có vẻ biết khá nhiều về tôi và sở thích của tôi. Nhiều hơn những gì mà tôi biết về các cậu.”

“Em đoán là chẳng có gì nhiều để biết về bọn em.” Kenny đẩy cho ông một cái nhìn trêu chọc đầy bí hiểm. “Giáo sư muốn biết gì về bọn em ạ?”

“Ồ, tôi sẽ nghĩ ra được điều gì đó. Cho tôi vài giây. Hừm, giả dụ như, cậu đang uống gì?”

“Không gì cả ạ.” Kenny cười. “Cậu bồi bàn chưa kịp chú ý đến em.” Đúng thật là cậu ta đang còn mải mê với trận đấu vật trên ti vi.

“Cậu muốn dùng gì?”

“Giáo sư đang uống gì ạ?”

“Scotch.”

“Được ạ,” Kenny nói như thể cậu sẵn sàng uống nó như uống sữa. George hét gọi người bồi bàn để cậu ta khỏi giả vờ như không nghe thấy. Người bồi bàn luôn luôn cần nhần khó tính đòi được xem giấy tờ của Kenny. George nói hờn dỗi với cậu ta, “Cậu chắc hẳn phải quen mặt tôi rồi. Cậu có nghĩ tôi ngu ngốc đến mức cố mua rượu cho một người chưa đủ tuổi?”

“Chúng tôi phải kiểm tra,” người bồi bàn trả lời cộc lốc rồi quay lưng lại bỏ đi. George cảm thấy một nỗi giận đang chực tuôn trào. Ông bị làm cho giống một tên lỗ bịch trước mặt Kenny.

Trong lúc chờ đồ uống, ông hỏi, “Cậu đến đây bằng gì? Xe ô tô của cậu?”

“Em không có xe. Lois đã chở em tới.”

“Cô ấy đâu rồi?”

“Về nhà rồi, em đoán vậy.”

George cảm thấy có gì đó kì lạ, nhưng bất kể nó là chuyện gì, Kenny không có vẻ như lo lắng về nó. Cậu nói băng quơ, “Em đã muốn đi dạo lòng vòng một chút.”

“Cậu sẽ về bằng gì?”

“Em sẽ xoay xở được.”

Một giọng nói trong đầu George vang lên, *‘Mày có thể mời cậu ta về ngủ qua đêm ở nhà mày. Nói với cậu ta mày sẽ đưa cậu ta về vào sáng hôm sau.’* George hỏi ngược lại nó, *‘Mày nghĩ tao là loại người gì?’* Giọng nói lại bảo, *‘Chỉ là gợi ý vậy thôi.’*

Đồ uống cuối cùng cũng tới, George nói với Kenny, “Sao chúng ta không chuyển qua bàn trong góc kia nhỉ? Cái ti vi chết tiệt cứ nhảy loạn xạ trong mắt tôi.”

“Được ạ.”

George nghĩ sẽ thú vị hơn nếu cậu ta bớt chút thụ động. Nhưng dù sao, ông cũng phải chơi theo luật của chúng hoặc không chơi chút nào cả. Khi họ bắt đầu ngồi xuống, đối diện nhau, George lại nói, “Tôi vẫn còn giữ chiếc gọt bút chì ở đây,” rồi ông lôi nó từ trong túi ra, ném xuống mặt bàn như thể nó là rác.

Kenny cười nói, “Em đã đánh mất cái của mình từ lúc nào rồi.”

Một giờ đồng hồ đã trôi qua. Họ đều đã say: Kenny chỉ hơi chệnh choáng còn George đã say mèm, nhưng vẫn giữ được tỉnh táo, một việc rất hiếm đối với ông. Ông cố miêu tả cho chính mình cơn say này là gì. Nói đơn giản, nó như Plato vậy, nó là một cuộc đối thoại. Cuộc đối thoại giữa hai người. Nhưng không phải theo kiểu trò chuyện triết học như Plato bóc tách từng sợi tóc, bẻ xoắn từng ngôn từ, ta là đúng nhất; không phải theo kiểu đấu khẩu nhạo báng nhau; không phải rủ rỉ tranh luận u ám, buồn rầu. Trong cuộc hội thoại này, bạn có thể nói bất cứ điều gì bạn muốn và đổi chủ đề bất cứ khi nào bạn thích. Thậm chí, bạn nói gì cũng không quan trọng bằng việc chỉ cần hiện diện trong mối quan hệ song phương tuy hai mà một này. George không thể hình dung có khi nào có được cuộc trò chuyện như thế này với một người phụ nữ, bởi vì phụ nữ chỉ có thể nói chuyện về cá nhân. Nhưng với một người đàn ông lại khác, nếu như có sự khác biệt nhất định nào đó giữa hai người; chẳng hạn như nếu hấn ta là một người da đen. Bạn và người bạn tâm giao phải đối lập nhau. Tại sao ư? Vì bạn phải trở thành một nhân vật tượng trưng, như trong trường hợp này: tuổi trẻ và sự già nua. Tại sao bạn phải trở thành

tượng trưng? Vì cuộc trò chuyện hình thành giữa những tự nhiên phi con người. Nó đơn thuần chỉ là giao tiếp ngôn ngữ tượng trưng với nhau. Nó không cần phải dính dáng gì đến cá nhân bên nào cả. Đó là tại sao, trong cuộc trò chuyện, bạn có thể nói về bất cứ điều gì. Kể cả sự tự tin nhất, bí mật kinh hoàng nhất cũng có thể được thốt ra như một lời nói ẩn dụ đơn thuần hay một minh họa mà sẽ chẳng bao giờ bị đem ra làm luận cứ đối đầu với bạn.

George muốn giải thích tất cả những điều này cho Kenny, nhưng nó quá rối rắm và ông sợ không muốn mạo hiểm xem Kenny có hiểu ông hay không. Hơn bất cứ điều gì, ông rất muốn được Kenny hiểu, ông muốn tin rằng Kenny biết cuộc trò chuyện đó là gì. Và thực tình mà nói, vào lúc ông nghĩ Kenny phần nào hiểu. George gần như có thể cảm nhận được sự tê giật của cuộc hội thoại đó xung quanh hai người, đang sáng rọi vào họ. Ông chắc chắn thấy đang được soi sáng. Thứ ánh sáng toát ra từ Kenny không phải là sự thông minh sắc sảo, cũng không phải sự thu hút quyến rũ. Chỉ đơn thuần là hai người bọn họ, ngồi đối diện nhau, mỉm cười đầy ngụ ý. Quan trọng hơn thế, họ rạng ngời vì sự thấu hiểu chung.

“Hãy nói gì đi,” ông ra lệnh cho Kenny.

“Có bắt buộc không ạ?”

“Có.”

“Em nói gì bây giờ?”

“Bất cứ điều gì. Bất cứ điều gì có vẻ như quan trọng, ngay tức khắc.”

“Khó ở chỗ đó. Em không biết điều gì là quan trọng hay không. Em có cảm giác như đầu óc mình đã dừng lại, không còn chỗ cho những việc quan trọng, đối với em.”

“Như là...”

“Em không có ý gì khác, thưa giáo sư, nhưng mà các vấn đề trên lớp của chúng ta...”

“Là không quan trọng đối với cậu?”

“Em đã bảo không có ý gì khác. Lớp của giáo sư thú vị hơn các tiết học khác rất nhiều, ai cũng nghĩ vậy. Và giáo sư còn cố làm cho những cuốn sách này phù hợp hơn với những gì đang diễn ra bên ngoài hiện nay. Chỉ có điều, không phải lỗi của thầy, nhưng bọn em có vẻ như lúc nào cũng kết thúc bằng sự sa lầy trong quá khứ, như sáng nay vậy, với Tihonus. Em không có ý xem nhẹ quá khứ, có thể nó sẽ trở nên ý nghĩa hơn khi em trưởng thành hơn. Ý em muốn nói là, quá khứ không thực sự là quan trọng với bọn trẻ chúng em. Khi bọn em nói là nó có quan trọng, thì đó chỉ là vì lịch sử mà thôi. Em nghĩ có thể vì bọn em không có bất kỳ quá khứ nào của riêng mình, trừ những việc mà bọn em muốn quên đi, như những điều ở trường và những

lần bọn em đã hành động như một lũ khùng điên.”

“Tôi có thể hiểu điều đó. Các cậu không cần quá khứ, các cậu có hiện tại.”

“Ôi, nhưng hiện tại cũng là một đồng bầu hầy vô vị dài lê thê. Em chán ghét hiện tại. Ý em là, cái cách mà nó đang diễn ra, dĩ nhiên tối nay là một ngoại lệ. Giáo sư cười gì ạ?”

“Tối nay! Hiện tại. Ôi trời.” George đang dần trở nên to tiếng hơn. Một vài người đã ngoái đầu lại để nhìn họ. “Uống vì tối nay!” ông uống cạn ly.

“Vì tối nay, thưa giáo sư.” Kenny cười rồi uống cạn.

“Được rồi, quá khứ - vô dụng, hiện tại - tẻ ngắt,” George lại nói. “Nhưng có một điều cậu không thể phủ nhận, cậu mắc kẹt lại với tương lai. Cậu không thể nào giữ bỏ nó.”

“Em nghĩ có lẽ đúng là tất cả chúng ta mắc kẹt với tương lai. Hay ít nhất là chút gì còn sót lại cho nó. Mà có thể sẽ chẳng còn gì nhiều với nào những tên lửa, bom đạn đó.”

“Cái chết.”

“Chết?”

“Đúng vậy.”

“Giáo sư nói rõ hơn đi ạ. Em không hiểu ý giáo sư.”

“Cái chết. Cậu có thường nghĩ đến cái chết?”

“Không. Hầu như không một lần. Tại sao ạ?”

“Tương lai, đó là nơi cái chết đang chờ đợi.”

“Ồ, phải rồi. Có thể giáo sư nói đúng.” Kenny cười. “Thầy biết không? Có thể các thế hệ đi trước chúng ta đã nghĩ về cái chết nhiều hơn chúng ta ngày nay. Trẻ con hồi đó hẳn phải phát khùng khi nghĩ đến việc chúng sẽ bị gửi đến một cuộc chiến vô nghĩa nào đó và hy sinh vì nó, trong khi bố mẹ chúng ở nhà thì tỏ ra ái quốc. Nhưng sẽ không còn những cảnh như vậy nữa. Tất cả chúng ta sẽ cùng sống chung trong một điều kiện.”

“Cậu vẫn có thể giận dữ với người lớn. Vì họ đã sống nhiều hơn, trước khi họ bị thổi bay đi.”

“Phải rồi, em có thể, đúng không? Có lẽ em sẽ. Có thể em sẽ giận dữ với thầy.”

“Kenneth...”

“Dạ?”

“Chỉ là sự tò mò trong sáng, tại sao cậu cứ thích gọi tôi một cách kính cẩn như vậy?”

Kenny mỉm cười trêu chọc. “Em sẽ thôi nếu thầy muốn em thôi.”

“Tôi không bảo cậu ngừng. Tôi chỉ hỏi cậu tại sao.”

“Tại sao thầy lại không thích ạ? Em đoán chẳng có ai trong các thầy thích vậy.”

“Ý cậu là không có ai trong số những ông già bọn tôi?” George cười với vẻ không sao cả, tôi đã không bị tổn thương vì lời nói của cậu đâu. Tuy vậy, ông cảm thấy mối quan hệ tượng trưng đang dần vượt ra tầm kiểm soát. “Lý do thông thường là vì chúng tôi không thích được gọi cho nhớ đến sự thật phũ phàng.”

Kenny lắc đầu kiên nghị, “Không.”

“ ‘Không’ nghĩa là làm sao?”

“Thầy không phải người có thể nghĩ như vậy.”

“Tôi có nên coi đó là một lời khen?”

“Có thể. Ý em là, em thích gọi thầy một cách kính cẩn.”

“Cậu thích?”

“Điều nực cười của xã hội ngày nay là, họ có vẻ như thân mật quá đáng, nó trở thành suông sã. Vờ như không có gì khác biệt giữa người và người. Giống như những gì thầy nói sáng nay về thiếu số vậy. Nếu giữa hai người không có sự khác biệt, vậy thì chúng ta có gì để đem lại cho nhau? Làm sao chúng ta thậm chí có thể là bạn?”

Cậu ta hiểu, George khoan khoái nghĩ. “Nhưng chẳng phải hai người cùng trẻ tuổi cũng có thể trở thành bạn?”

“Đó lại là chuyện khác. Phải, họ có thể. Nhưng luôn luôn có một sự ganh đua lẫn nhau chen vào giữa tình bạn. Tất cả những người trẻ tuổi khá cạnh tranh với nhau, chẳng lẽ thầy

không biết?”

“Phải, tôi nghĩ là vậy. Trừ phi họ yêu nhau.”

“Thậm chí cả khi họ yêu nhau. Có thể đó là điều sai lầm với...” Kenny dừng lại bất chợt. George dõi theo cậu ta, chờ đợi được nghe về Lois. Nhưng cậu vẫn giữ im lặng. Chắc hẳn Kenny đang đuổi theo một dòng suy nghĩ khác trong đầu chính cậu ta. Cậu chỉ ngồi đó mỉm cười im lặng một hồi, cậu đang đỏ mặt ngượng ngùng. “Có thể điều này nghe hơi kỳ khôi, nhưng...”

“Cậu cứ nói đi.”

“Đôi khi em ước, ý em là, khi đọc những cuốn tiểu thuyết của Victoria, em nghĩ mình sẽ chán ghét nếu phải sống vào thời đại đó, ghét tất cả trừ một điều. Ôi trời, em không thể nói được.” Cậu lại ngưng giữa chừng, cười thẹn thùng.

“Đừng có ngớ ngẩn.”

“Thầy đừng cười, nhưng... em sẽ thích sống vào thời mà em có thể gọi cha bằng ‘ngài’. Cha của thầy còn sống không ạ?”

“Ồ còn.”

“Tại sao thầy không gọi ông ấy là ngài? Một số cậu con trai ngày nay vẫn gọi như vậy.”

“Không phải cha tôi. Ông sẽ không thích. Chưa kể, ông đã không ở gần. Ông ấy bỏ chúng tôi đi vài năm trước rồi... Trời!”

“Sao vậy ạ?”

“Tại sao tôi lại kể cho cậu nghe chuyện này nhỉ? Có phải tôi say mèm rồi chẳng?”

“Không say hơn em là bao đâu ạ.”

“Có thể tôi đang phê.”

“Nếu thầy không thấy thoải mái, hãy coi như thầy chưa nói gì với em cả.”

“Tôi sẽ không thể quên.”

“Ồ có, thầy sẽ. Thầy sẽ quên nếu em bảo thầy quên.”

“Tôi sẽ?”

“Chắc chắn.”

“Nếu cậu đã nói vậy thì được thôi.”

“Được rồi, giáo sư.”

“Được rồi, giáo sư.” Kenny bỗng nhiên rạng rỡ. Cậu ta đang thích thú, thích thú đến độ sự hài lòng của chính cậu đang làm cậu xấu hổ. “Thầy biết không, khi em đến đây, khi em nghĩ em sẽ có thể tình cờ gặp thầy vào buổi tối nay, có việc em đã muốn hỏi thầy. Và em mới nhớ ra.” Cậu ta uống cạn chỗ rượu còn lại trong ly bằng một hơi. “Đó là về trải nghiệm. Họ không ngừng nói, khi ta trưởng thành hơn, ta sẽ có nhiều trải nghiệm hơn. Và đó được định là sẽ rất tuyệt vời. Thầy nghĩ sao về điều đó ạ? Liệu nó có đáng tin?”

“Trải nghiệm gì?”

“Thì những nơi đã đi qua, những con người đã gặp. Những tình huống đã trải qua, để ta có thể biết cách đối phó với nó khi nó lại xuất hiện một lần nữa. Tất cả những điều sẽ khiến ta trở nên sáng suốt trong những năm về sau của cuộc đời.”

“Để tôi nói cậu nghe, Kenny. Tôi không biết người khác thế nào, nhưng cá nhân tôi mà nói, tôi chưa trở nên sáng suốt hơn trong bất kỳ việc gì. Chắc chắn tôi đã trải qua điều này điều nọ, và khi nó lại xảy đến với tôi, tôi đơn giản chỉ nói với chính mình, *Nó lại đến*. Nhưng nó không thực sự giúp ích được gì nhiều cho tôi lắm. Theo quan điểm của tôi, cá nhân tôi mà nói, tôi đã chỉ càng trở nên ngu độn hơn, ngờ nghệch và u mê hơn. Đó là sự thật.”

“Không thể nào. Thầy không thể thực sự nghĩ vậy. Ý thầy là ngốc nghếch hơn cả khi thầy còn trẻ?”

“Hơn rất nhiều.”

“Ôi chết tiệt. Vậy là trải nghiệm chẳng có ích lợi gì? Thầy nói như thế thà nó đừng xảy ra còn hơn?”

“Không, tôi không nói như vậy, ý tôi chỉ là, cậu không thể sử dụng nó để đối mặt với chính nó một lần nữa. Nhưng nếu cậu không cố dùng nó nếu cậu chỉ đơn thuần nhận ra rằng nó đã đang ở đó và cậu đã có nó, thì nó có thể trở nên khá phi thường.”

“Hãy đi bơi chút đi,” Kenny đột ngột nói, như thể cậu đã chán với cuộc đàm luận này.

“Được thôi.”

Kenny quay đầu lại và cười ngặt nghẽo, “Tuyệt vời.”

“Cái gì tuyệt vời?”

“Đó là một bài test nhỏ. Em tưởng thầy chỉ đang phỉnh lừa em về chuyện ngờ nghệch. Nên em nói với chính mình, em sẽ đề nghị làm một việc gì đó điên khùng, hoang dại, và nếu thầy phản đối, thậm chí là nếu thầy chỉ cần có chút ngần ngại, thì em sẽ biết tất cả những gì thầy vừa nói chỉ là nói dóc. Thầy không phật lòng khi em nói vậy chứ ạ?”

“Tại sao tôi phải thế?”

“Ôi, chỉ thật là tuyệt.”

“Tôi không có nói dóc, vậy nên chúng ta còn chờ gì nữa? Cậu đã không nói dóc đấy chứ?”

“Dĩ nhiên là không rồi.”

Họ đứng bật dậy, trả tiền và chạy ra khỏi quán bar, băng ngang qua xa lộ, Kenny nhảy vọt qua thanh chắn và lao bổ xuống bãi biển cách tám sải chân bên dưới. Trong khi, George vung về trèo qua từng bậc chắn một, hơi chút vất vả. Kenny ngược nhìn lên, khuôn mặt cậu vẫn sáng lên dưới ánh đèn pha. “Dẫn lên vai em đi, giáo sư.” George làm theo, và Kenny, bằng sự khéo léo của một vũ công ba lê, nắm lấy cổ chân ông rồi đỡ ông xuống tức thì. Trong khi làm điều đó, thân thể của họ chạm vào nhau, ngắn ngủi nhưng mãnh liệt. Rào cản của cuộc hội thoại đã vỡ vụn. Mỗi quan hệ của họ, bất kể nó là thứ gì, vào lúc này, đã không còn là tượng trưng nữa. Họ quay người và bắt đầu chạy về phía đại dương.

Những ánh đèn đường đã bị bỏ lại phía sau. Chúng vẫn sáng nhưng chẳng rọi được vào ai nữa, có lẽ, nó vẫn đang bùng lên trong lớp sương mù dày đặc. Chẳng thể nhìn thấy những con sóng ngoài khơi. Sự tối tăm của nó thật lạnh lẽo và uớt át. Kenny đang trút bỏ quần áo của mình, hét lên sung sướng. Chút cảnh giác cuối cùng của George hướng về phía những chiếc xe tuần tra và cảnh sát trật tự có thể xuất hiện bất kỳ lúc nào, nhưng ông không hề ngần ngại, ông không thể nào kiềm hãm thêm được nữa, sự hăm hở mà những ly rượu mang lại chỉ có thể được kết thúc trong nước biển. Ông vung về cởi bỏ từng mảnh áo, cái quần của mình. Kenny đã bắt đầu trần trụi lao bổ xuống nước, lội qua từng con sóng đã gần tàn khi dạt vào bờ, cậu như một chiến binh dũng cảm đang chiến đấu lại những con sóng. Sóng vỗ dữ dội. George luống cuống một lúc khi bị một con sóng tạt mạnh và nhấc bổng ông lên. Ông vật lộn một hồi rồi lại thấy cát dưới chân mình lạo xạo trở lại. Kenny phi vào màn đêm, vượt qua mặt ông mà không thèm ngoái nhìn, cậu chăm chú vào những hình dáng cứ không ngừng thay đổi của nước.

Những con sóng này là quá lớn với George. Nó dữ dội, giận dữ và cuồng bạo cuộn mình trong màn đêm, nó rực sáng lên bí ẩn, vươn mình vồ lấy ông, dậy lên muôn vàn những bọt biển

li ti trắng xóa sáng ngời đánh vào người ông như thể những viên kim cương trong đêm. Ông cười sảng khoái, thích thú với ý nghĩ mình được chạm ngọc trai khắp người. Cười đùa, thả dõc và ho sặc sụa, ông đã quá say để sợ hãi. Nước biển mặn chát mà ông đã nuốt không biết bao lần trở nên say sưa chẳng khác gì whiskey. Thi thoảng, ông bắt gặp những cái nhìn chăm chú của Kenny về phía ông khi những con sóng đang đổ ầm lên ông, lóng lánh những bọt biển. Để tẩy rửa những bụi trần đeo bám, George loạng choạng bước tới con sóng đang ào ạt ủa tới, dang rộng hai tay để đón nhận nước tẩy trần tuyệt diệu trút lên mình. Dồn cả tấm thân vào con sóng, ông rửa trôi tất cả những suy tư, thuyết giáo, tâm trạng, cảm hứng và rửa trôi cả con người ông, cả cuộc đời ông. Hết lần này đến lần khác, cứ mỗi khi chìm dưới một con sóng dữ dội, là một lần ông trở nên sạch sẽ hơn, tự do hơn. Ông hoàn toàn hạnh phúc với bản thân vào lúc này, và ông thầm cảm ơn vì Kenny đã cùng ông chia sẻ khoảnh khắc này. Những con sóng, màn đêm và tiếng động tồn tại chỉ để cho hai người bọn họ chơi đùa. Trong khi đó, chỉ chưa đến hai trăm thước phía xa kia, ánh đèn vẫn rực sáng trên bờ cát, những chiếc xe vẫn vộỉ vĩa qua lại trên cao lộ, lóe lên ánh sáng của riêng họ. Phía bên những ngọn đồi tối mù, ông vẫn thấy những ánh đèn le lói từ ô cửa sổ của những ngôi nhà căn cộỉ, nơi những con người khô khan đang khô khan chìm trong giấc ngủ trên những chiếc giường khô khan của họ. Nhưng đêm nay, George và Kenny từ chối sự khô cằn, họ trốn chạy khỏi nó để bước vào thế giới của nước, bỏ lại tất cả quần áo phía sau như những phục trang cho vai diễn họ phải diễn.

Rồi bất chợt, một con sóng dữ tợn hung hăng đang từ từ tiến đến, George quá nhỏ bé và bất lực trước nó, ông cứ trần truồng đứng đó, bên dưới những tiếng gầm gừ giận dữ phát ra mỗi khi nó di chuyển và đe dọa chuẩn bị vồ tới. Ông cố lặn qua nó, ngay cả lúc này đây ông vẫn không thấy sợ hãi một chút nào hết, nhưng nó quá lớn, nó đã cuốn ông lên, xoay tròn ông thành nhiều vòng lộn nhào vổ đen đét và đập mạnh vào từng thớ thịt, tạng da trên người ông, trên, dưới, ngang dọc, ông không còn ý thức được nó nữa.

Kenny kéo tấm thân xiêu vẹo nghiêng ngả của ông vào bờ, tay xách nách ông. Cậu đang cười và nói như một bảo mẫu, “Như vậy là đủ rồi.” Và George, vẫn say vì con nước, hỗn hển đáp lại, “Tôi vẫn ổn,” và rồi ông lại muốn quay trở lại mặt biển. Nhưng Kenny nói, “Em thì không. Em lạnh cóng rồi.” Nói rồi cậu lấy áo sơ mi của mình lau khô người cho George, cho đến khi George phải dừng cậu lại vì lưng ông đang rát dần lên. Sự ân cần chu đáo của người bảo mẫu trẻ khiến George cảm thấy như ông có thể cuộn mình mà lặn ra ngủ ngay tại đây, co quắp lại như một đứa trẻ trong sự bảo bọc của Kenny to lớn. Thân hình Kenny dường như to ra đến khổng lồ kể từ khi họ rời mặt nước. Mọi thứ nơi cậu thật lớn biết bao so với cuộc sống: hàm răng trắng lúc nào cũng hé lộ mỗi khi cậu ta cười, bờ vai đang nhỏ giọt nước lấm tấm, cơ thể cao mảnh khảnh, cặp chân dài đang bắt đầu run rẩy.

“Chúng ta về nhà thầy được không, giáo sư?” cậu ta hỏi.

“Dĩ nhiên rồi. Còn nơi nào khác?”

“Còn nơi nào khác?” Kenny lặp lại, dường như cậu thấy nó rất thú vị. Cậu ta nhặt quần áo

của mình lên rồi quay về phía cao tốc và đèn đường mà chạy.

“Cậu điên rồi hả?” George hét với theo cậu ta.

“Có chuyện gì vậy?” Kenny quay đầu lại cười.

“Cậu định đi về trong tình trạng đó sao? Cậu điên rồi hả? Họ sẽ gọi cảnh sát đấy.”

Kenny nhún vai lém lỉnh, “Sẽ chẳng ai nhìn thấy chúng ta. Chúng ta là vô hình, thầy không biết sao?”

Nhưng cậu ta vẫn mặc quần áo vào, George cũng làm theo. Khi bắt đầu đi ra khỏi bãi biển, Kenny quàng tay lên vai George, “Thầy biết không, họ chẳng bao giờ để ta được là chính ta. Nếu ta cứ ngoan cố mà làm, ta sẽ gặp rắc rối lớn.”

Quãng đường về nhà đã giúp George tỉnh táo ra nhiều. Cho đến khi họ về tới nơi, ông không còn thấy họ như hai kẻ cuồng điên trong nước nữa, mà trở lại là ông giáo sư già, đầu tóc ước nhem, đang dẫn cậu sinh viên cũng ước như chuột lột về nhà trong đêm. George trở nên tỉnh hơn, và lại nói chuyện gần như cộc lốc. “Phòng tắm trên tầng. Tôi sẽ đi lấy khăn tắm.”

Kenny ngạc nhiên trước sự nghiêm trang đột ngột. Cậu cũng cung kính hỏi, “Thầy không tắm luôn sao ạ?” cậu có đôi chút thất vọng.

“Tôi sẽ tắm sau. Giá mà tôi có quần áo cỡ cậu để cho cậu mượn. Cậu sẽ phải choàng mình trong chăn cho đến khi quần áo khô vậy. Hơi chậm, nhưng nó là cách tốt nhất chúng ta có thể làm.”

“Nghe này, em không muốn gây phiền hà cho thầy. Chi bằng em đi thì hơn.”

“Đừng ngớ ngẩn. Cậu sẽ cảm lạnh đấy.”

“Mặc một lúc rồi quần áo sẽ khô thôi. Em sẽ không sao cả.”

“Vớ vẩn. Đi lên đi, tôi sẽ chỉ cho cậu nơi để đồ.”

George từ chối không để Kenny bỏ đi khiến cậu hài lòng. Cậu khua khoắng ầm ĩ trong nhà tắm, không hẳn là hát mà chỉ là một tràng dài những âm thanh hồ hởi. Cậu ta sẽ đánh thức hàng xóm dậy mất, George nghĩ, nhưng ai thèm bận tâm? George lại thấy phấn khởi trở lại, ông thấy hưng phấn, thú vị và sống động. Ông đi vào phòng ngủ, thay đồ ước ra và choàng lên mình chiếc áo choàng tắm trắng muốt, rồi lại vội vã đi xuống lầu, đun nước sôi và làm bánh sandwich cá ngừ với cà chua và lúa mạch. Mọi thứ được bày biện ngon lành trên khay đặt trong phòng khách khi Kenny bước xuống, cậu trèo lên mình chiếc chăn bông trông kỳ quái, như thể cậu

mới được cứu thoát sau một vụ đắm tàu.

Kenny không muốn dùng cà phê hay trà; cậu ta nói cậu muốn uống bia. Nên George đi lấy cho cậu một chai từ trong tủ lạnh rồi rót cho chính mình một ly lớn Scotch. Khi quay trở lại, ông thấy Kenny đang nhìn quanh căn phòng như thể mọi thứ nơi đây khiến cậu thích thú.

“Thầy sống ở đây một mình hả, giáo sư?”

“Phải,” George trả lời châm biếm, “Điều đó làm cậu ngạc nhiên lắm sao?”

“Không. Một sinh viên trong lớp cũng từng nói cậu ấy nghĩ thầy sống một mình.”

“Tôi từng chia sẻ nơi này với một người bạn.”

Nhưng Kenny chẳng hứng thú muốn biết về người bạn này. “Thầy thậm chí không nuôi một con mèo hay con chó hay bất kì thứ gì sao ạ?”

“Cậu nghĩ tôi nên làm vậy?” George hỏi, hơi chút hung bạo. Ông nghĩ Kenny chắc hẳn coi ông nhưng một lão già tội nghiệp chẳng có thứ gì để yêu.

“Ôi không. Chẳng phải Baudelaire đã từng nói, chúng có thể hóa thành quỷ dữ và chiếm lấy cuộc sống của ta sao ạ?”

“Đại loại vậy. Người bạn này của tôi đã nuôi rất nhiều động vật khác nhau và chúng không có vẻ gì là muốn chiếm lấy chúng tôi cả. Dĩ nhiên, sống hai người thì có khác. Chúng tôi thường nói với nhau rằng, không ai trong chúng tôi nên giữ lại bất kỳ con vật nào, nếu người kia không còn... ở đây.”

Không. Kenny hoàn toàn không tò mò chút nào về chuyện đó. Cậu ta đang tập trung ngốn một miếng to miếng bánh sandwich của mình. George hỏi cậu ta, “Sandwich thế nào?”

“Tuyệt lắm ạ.” Cậu ta toe toét cười, miệng ngồm ngoàm bánh, cậu nuốt rồi nói. “Thầy biết không, em nghĩ thầy đã khám phá ra bí mật của một cuộc sống hoàn hảo.”

“Tôi đã?” George đã uống gần hết một phần tư cốc Scotch của mình để đẩy lùi cơn co giật đã bắt đầu khi ông nói về Jim và lũ động vật. Giờ ông lại cảm thấy hơi men đang quay trở lại vội vã. Nó khiến ông hồ hởi, nhưng hơi quá nhanh.

“Thầy không biết rất nhiều thanh niên như bọn em mơ về những gì thầy đang có sao? Ý em là, con người ta còn cần gì hơn nữa? Thầy không cần phải nghe lời ai. Thầy có thể làm bất kỳ điều quái dị nào nảy ra trong đầu thầy.”

“Và đó là quan niệm của cậu về cuộc sống lý tưởng?”

“Chắc chắn rồi.”

“Nghiêm túc?”

“Có chuyện gì vậy, giáo sư? Thầy không tin em sao?”

“Điều khiến tôi không hiểu là, nếu cậu đã muốn sống một cuộc sống như vậy, thì Lois có vai trò gì ở đây?”

“Lois? Cô ấy thì liên quan gì ạ?”

“Kenny, tôi không có ý tọc mạch, nhưng dù đúng hay sai, tôi có ý niệm rằng cậu và cô ấy có thể cân nhắc đến chuyện...”

“Kết hôn? Không, không bao giờ.”

“Ồ?”

“Lois nói cô ấy sẽ không bao giờ cưới một người da trắng. Cô ấy không thể nghiêm túc với con người ở đất nước này. Lois có cảm giác những việc chúng ta làm ở đây không thực sự có ý nghĩa gì cả. Cô ấy muốn trở về Nhật Bản và dạy học.”

“Cô ấy có quốc tịch Mỹ phải không?”

“Phải. Cô ấy sinh ra ở đây. Cô ấy và cả gia đình bị đưa đến một trong những khu trại giam ở Sierras sau khi chiến tranh kết thúc. Bố cô ấy đã phải bán cả gia tài đi để lấy vài đồng bạc cắc, cơ bản là cho không, cho những tên cá mập nào đó đang chiếm lấy tài sản của người Nhật và trả thù cho trận chiến Trân Châu Cảng. Hồi đó Lois chỉ là một đứa trẻ, nhưng dù là vậy, ta chẳng thể mong cô ấy có thể quên đi những gì đã xảy ra. Cô ấy nói tất cả bọn họ bị đối xử như những kẻ thù ngoài hành tinh, không một ai thèm quan tâm họ đã đứng về phe nào. Người da đen là những người duy nhất đối xử tử tế với họ. Và một số người theo chủ nghĩa hòa bình khác. Chúa chứng giám, cô ấy hoàn toàn có quyền để ghét chúng ta. Không phải cô ấy thực sự ghét. Cô ấy lúc nào cũng có vẻ như có thể nhìn ra những khía cạnh vui vẻ trong mọi chuyện.”

“Còn cậu nghĩ gì về cô ấy?”

“Em thích cô ấy rất nhiều.”

“Và chẳng phải cô ấy cũng thích cậu sao?”

“Em đoán vậy. Phải, cô ấy cũng rất thích em.”

“Nhưng cậu không muốn cưới cô ấy.”

“Có. Em đoán là có. Nếu cô ấy thay đổi tính cách một chút, mà em không nghĩ cô ấy sẽ. Với lại, em cũng chẳng phải vội vã kết hôn làm gì. Có rất nhiều điều em muốn làm trước đã...” Kenny dừng lại, nhìn George và rặn ra một nụ cười chòng ghẹo bí hiểm nhất. “Giáo sư biết em nghĩ gì không?”

“Cậu nghĩ gì?”

“Em tin là thầy chẳng quan tâm chuyện em có muốn lấy Lois hay không. Em nghĩ thầy muốn hỏi em thứ khác nhưng không chắc em sẽ nghĩ thế nào nếu thầy hỏi nó.”

“Tôi muốn hỏi gì cậu?”

Đây chắc chắn là một lời tán tỉnh, từ phía cả hai người. Tầm chắn trù của Kenny, dưới sự tác động của cuộc trò chuyện và bia, đã trượt dần xuống, để lộ ra một bên vai và cánh tay trần của cậu, khiến nó trông như thể một *bộ cánh* cổ điển của người Hy Lạp xưa, kiểu trang phục của những môn đồ trẻ - thứ ưa thích của một số triết gia. Vào giây phút này, cậu ta hoàn toàn quyến rũ đến nguy hiểm.

“Thầy muốn biết nếu Lois và em đã... làm chuyện ấy.”

“Cậu đã hay chưa?”

Kenny cười đắc thắng, “Vậy là em đã đúng.”

“Có thể. Có thể không. Cậu đã hay chưa?”

“Bọn em đã từng, một lần.”

“Tại sao chỉ một lần?”

“Cũng khá lâu rồi. Bọn em rủ nhau vào nhà nghỉ. Nó ở gần bãi biển, khá gần đây.”

“Có phải đó là lý do các cậu đã chở nhau đến đây tối nay?”

“Phải, một phần. Em đã cố thuyết phục cô ấy lại làm nó một lần nữa.”

“Và lý do nói không của cô ấy là gì?”

“Ai bảo thầy là cô ấy nói không?”

“Chẳng phải cậu để cô ấy đi về một mình sao?”

“Đó là vì... thầy nói đúng, cô ấy không muốn. Cô ấy đã ghét nhà nghỉ đó từ lần trước, mà em cũng không trách cô ấy được. Văn phòng, lễ tân, đăng ký... tất cả những thủ tục mà họ bắt bọn em phải hoàn thành. Dĩ nhiên họ biết bọn em vào đó làm gì. Tất cả những chuyện đó khiến cho nó trở nên quan trọng và ủy mị, như một tội ác tày đình không bằng. Và cái cách mà họ nhìn bọn em. Cánh con gái để tâm đến chuyện đó nhiều hơn đàn ông chúng ta...”

“Thế nên cô ấy không bao giờ muốn làm vậy nữa?”

“Không tệ đến vậy. Không phải cô ấy chống lại chuyện đó. Không phải vậy. Thậm chí ngược lại, cô ấy hoàn toàn... Dù sao thì, em nghĩ bọn em sẽ tìm ra cách. Chờ xem sao.”

“Ý cậu là có thể cậu sẽ tìm ra chỗ nào đó không quá lộ liễu và xấu hổ?”

“Như vậy sẽ giải quyết được phần lớn khó khăn.” Kenny cười, rồi vươn mình ngáp. Chiếc áo choàng ngắn Hi Lạp đã tuột nốt ra khỏi bờ vai kia. Cậu kéo cả hai phía lên khi đứng dậy, biến nó trở lại thành một tấm chăn trùm đơn thuần, còn chính cậu lại trở thành một chàng trai Mỹ thế kỷ 20 đang mắc kẹt trên đảo hoang không một mảnh vải che thân. “Đã muộn quá rồi. Em nên về thôi.”

“Về đâu?”

“Về nhà, bên kia thành phố.”

“Bằng gì?”

“Em đoán chắc phải có xe buýt quanh đây chứ ạ?”

“Không có xe buýt nào chạy trong ít nhất hai giờ đồng hồ nữa.”

“Em sẽ đợi đến lúc đó.”

“Cậu hãy ngủ lại đây. Sáng mai tôi đưa cậu về.”

“Em không nghĩ em nên...”

“Các quán bar đã đóng cửa hết rồi, nếu cậu cứ lượn lờ trên đường vào giờ này, cảnh sát sẽ

túm cổ cậu lại và tra khảo đủ điều. Chưa kể cậu không tỉnh táo. Họ có thể nhốt cậu vào đồn.”

“Không sao đâu, em sẽ ổn thôi.”

“Tôi nghĩ cậu hóa rồ rồi. Dù sao thì, chúng ta sẽ lại bàn chuyện đó sau. Trước tiên ngồi xuống đi đã, tôi có chuyện muốn nói cậu nghe.”

Kenny ngoan ngoãn ngồi xuống không chút kháng cự. Có lẽ cậu ta tò mò không biết George sẽ làm gì tiếp theo.

“Điều tôi sắp kể, tôi không bắt cậu phải nhận xét gì cả. Và nếu cậu thích, cậu có thể coi là nó chẳng liên quan gì tới cậu. Được chưa?”

“Vâng.”

“Tôi có quen một người phụ nữ, sống khá gần đây, một người bạn rất thân từ lâu. Chúng tôi ăn tối cùng nhau ít nhất một ngày trong tuần. Thực ra, chúng tôi đã ăn tối cùng nhau hôm nay. Cô ấy không quan tâm tôi chọn ngày nào. Thế nên tôi đã quyết định thế này, và nhớ, chuyện này chẳng liên quan gì tới cậu, kể từ giờ tôi sẽ đến dùng bữa nhà cô ấy vào một ngày cố định trong tuần. Mọi tuần. Lúc nào cũng vậy, cùng một ngày giống ngày hôm nay. Rõ chưa? Không, đừng trả lời. Cứ lắng nghe đã, bởi vì tôi sẽ nói ý chính của mình ngay đây. Vào những ngày này, khi tôi đang dùng bữa với bạn của mình, tôi sẽ không bao giờ, bất kể vì lý do gì, trở về trước nửa đêm. Rõ chưa? Không, nghe đã. Ngôi nhà này không bao giờ khóa, vì dù sao thì ai cũng có thể dễ dàng đột nhập vào đây, chỉ cần đập vỡ cửa kính. Trên tầng, trong phòng đọc của tôi, cậu chắc đã để ý có một chiếc ghế bành giường? Tôi luôn thay ga giường mới cho nó, để phòng khi vào một ngày đẹp trời nào đó tôi có khách đến chơi bất chợt, ví dụ như cậu đây vào đêm nay chẳng hạn. Khoan, nghe đã. Nếu cái giường đó được sử dụng khi tôi đi vắng, và được sắp xếp gọn gàng trở lại như cũ, thì tôi sẽ chẳng để ý thấy. Nếu cô giúp việc của tôi có thấy gì, thì cô ta sẽ lột ga giường ra và thay cái mới, cô ta sẽ nghĩ tôi có khách mà quên nói với cô ta. Được chưa? Tôi đã đưa ra quyết định và tôi đã nói cho cậu nghe. Đơn giản như chuyện tôi quyết định tưới cây trong vườn vào một ngày cố định. Tôi cũng đã nói cho cậu nghe một số điều về căn nhà này. Cậu có thể ghi lại. Hoặc có thể quên đi. Tùy cậu.”

George nhìn thẳng vào Kenny. Kenny cười nhút nhát lại với ông. Phải, cậu ta đang xấu hổ.

“Giờ thì đi lấy cho tôi thêm một ly rượu khác.”

“Vâng, giáo sư.” Kenny vội vã đứng dậy như thể cậu không thể chờ thêm được nữa để phá vỡ không khí ngưng đọng này. Cậu nhặt chiếc ly của George lên và đi vào trong bếp. George gọi với theo, “Lấy cho cậu một ly nữa.”

Kenny ló đầu qua ngưỡng cửa, cười, “Đó có phải là mệnh lệnh không ạ?”

“Còn là gì khác nữa? Tôi chắc cậu đã quyết định tôi là một lão già tục tĩu.”

Trong lúc Kenny đi lấy đồ uống trong bếp, George cảm thấy chính mình đang bước sang một phương diện mới. Khi Kenny trở lại và ngồi xuống chỗ của mình, cậu đang nằm trong sự biến đổi đó của George, mặc dù cậu chưa hay biết gì: một George ghê gớm, người đã bắt đầu lú lờ nhưng vẫn rõ ràng, với sự uy hiếp trong từng câu nói của ông. Một thẩm phán George đang an tọa trên cao và sắp sửa đưa ra bản án. Một George bí hiểm, người đang dần lấy lại sự kiểm soát cái lưới của chính mình.

Lúc này đây không giống với khi ở quán Phía Mạn Tàu một chút nào hết. Kenny và ông không còn ở trong mối quan hệ đối thoại tượng trưng, phương thức chuyện trò mới này thật hơn, người hơn nhiều. Ấy vậy mà, Kenny dường như ngày càng xa cách, cậu đang lùi dần ra xa khỏi ánh sáng tỏa ra từ cuộc trò chuyện. Chỉ đôi lúc George mới thấy rõ cậu, đó là những khi căn phòng trở nên bừng lên trong ánh sáng và khuôn mặt Kenny cứ trôi dạt trong sự chói lòa. Tiếng vi vu cứ không ngừng vang lên trong tai George, lớn đến mức ông chẳng thể nghe được Kenny đã trả lời câu hỏi của ông hay chưa.

“Cậu không cần phải nói gì cả,” để tốt hơn cho cả hai trường hợp, George bảo Kenny, “Tôi thừa nhận, ồ phải, dĩ nhiên tôi thừa nhận tôi là một lão già tục tĩu. 98% đàn ông già là tục tĩu. Thế đấy, nếu cậu muốn dùng kiểu ngôn ngữ đó, nếu cậu thích vẽ thê lương đó. Tôi chẳng phản đối nếu cậu gọi tôi bằng gì. Tôi chỉ phản đối thái độ, không phải để cho tôi, mà là cho cậu.

Nghe này, hiện nay, mọi chuyện không đến nỗi quá tệ, chúng ta đã đang ở trong một đồng bầy hầy đủ rối rắm, không cần phải làm cho bản thân vướng thêm vào những phạm trù u ám đó thêm làm gì. Cuộc sống của chúng ta để làm gì? Có phải chúng ta dành nó để nhận dạng lẫn nhau, xếp loại lẫn nhau vào từng danh mục, giống như những vị khách ghé thăm phòng tranh đang cố phân biệt tranh thể loại gì? Hay chúng ta cố trao đổi một loại tín hiệu nào đó, dù là lộn xộn, trước khi là quá muộn? Cậu trả lời tôi xem.

Rất dễ cho bọn trẻ các cậu đến trước mặt tôi giữa khuôn viên trường và nói với tôi rằng tôi kín đáo khó gần. Lạy Chúa trên cao, khó gần! Các cậu không thể nghĩ gì tốt đẹp được sao? Các cậu không hề một lần nghĩ tới những điều tôi cảm nhận, những khao khát tôi muốn được nói?

Cậu hỏi tôi về trải nghiệm. Thì tôi đã nói cậu nghe. Sự từng trải chả có ích lợi khi khô gì. Ấy thế mà, trong một khía cạnh nào đó, nó có thể là hữu dụng. Chỉ nếu chúng ta không phải là những kẻ ngu ngốc khôn cùng, giả bộ đoan trang và hèn nhát. Phải, cả cậu cũng vậy, cậu trẻ ạ. Đừng có chối làm gì. Những điều tôi vừa nói với cậu, về cái giường trong phòng đọc của tôi đã khiến cậu bàng hoàng. Vì cậu đã định sẽ bàng hoàng. Cậu hoàn toàn khước từ không thêm muốn hiểu động cơ của tôi. Ôi Chúa, chẳng lẽ cậu không hiểu? Giường. Giường có nghĩa gì? Trải nghiệm chính là đó.

Tôi không trách cậu. Cậu mà hiểu thì đã là phép màu. Quên nó đi. Tôi ở đây. Cậu ở đây, trong cái chốn chết tiệt đó. Tại sao cậu không cởi quách nó ra cho rồi? Điều gì khiến tôi nói vậy? Tôi nghĩ cậu sẽ hiểu sai ý tôi. Nhưng nếu cậu có hiểu sai, thì tôi cũng chẳng bận tâm. Dù sao thì, tôi ở đây, cậu ở đây, không có ai làm phiền chúng ta cả. Chắc sẽ không bao giờ có lần thứ hai như thế này. Thời gian có hạn, nên hãy ngửa bài ra đi. Tại sao cậu lại ở đây, trong căn phòng này vào lúc này? Bởi vì có thứ cậu muốn tôi nói với cậu. Đó là lý do vì sao cậu đi khắp nửa vòng thành phố để đến đây. Có lẽ cậu thực sự nghĩ rằng để Lois lên giường với cậu. Đừng hiểu lầm, tôi không nói một lời chống lại cô ấy. Cô ấy thực sự là một thiên thần xinh đẹp. Nhưng cậu không thể qua mặt một lão già tục tĩu được đâu, ông ta không ủy mị trước tình yêu tuổi trẻ, ông ta biết giá trị thực sự của nó - rất lớn, nhưng không phải tất cả. Không, Kenneth kính mến ạ. Cậu đến đây để gặp tôi, cho dù cậu có nhận ra nó hay không. Một phần trong cậu đã biết Lois sẽ từ chối bước vào nhà nghỉ đó một lần nữa, và nó sẽ cho cậu một lý do để bảo cô ấy về nhà và cậu có thể được bị bỏ rơi ở đây. Cô gái tội nghiệp hẳn đang cảm thấy tệ hại lắm vào lúc này, hẳn đang khóc ướt gối đêm nay. Cậu phải bù đắp lại cho cô ấy vào ngày mai...

Nhưng tôi đang đi lệch ý chính của tôi rồi. Tôi muốn nói, cậu đi cả quãng đường đến đây để hỏi tôi điều gì đó thực sự quan trọng. Vậy tại sao phải xấu hổ mà chối bỏ? Cậu thấy đấy, tôi nhìn thấu tâm can cậu. Tôi biết chính xác cậu muốn gì. Cậu muốn tôi nói cho cậu biết điều tôi biết.

Ôi Kenneth, Kenneth, tin tôi đi, tôi chẳng muốn gì hơn thế. Tôi thêm khát ghê gớm được nói với cậu. Nhưng tôi không thể. Hoàn toàn không thể. Bởi vì, cậu không nhận thấy sao, điều tôi biết là thứ làm nên con người tôi. Nên tôi không thể nói cho cậu điều đó được. Cậu phải tự bản thân tìm lấy. Tôi như một quyển sách cậu phải đọc. Quyển sách không thể tự đọc cho cậu nghe. Nó thậm chí không biết nó là cái gì. Tôi thậm chí không biết tôi là ai.

Cậu có thể biết tôi là ai. Cậu có thể. Nhưng cậu không thêm biết. Cậu là chàng trai duy nhất tôi gặp trên giảng đường mà tôi tin là có thể. Thế mới thật bi kịch làm sao. Thay vì thử tìm hiểu, cậu lại tìm đến sự tầm thường không thể tha thứ bằng câu nói, 'Ông ta là một lão già tục tĩu', và biến buổi tối nay, thay vì là một đêm trân quý và không thể quên của tuổi trẻ của cậu, thành một sự tán tỉnh. Cậu không thích từ đó phải không? Nhưng nó chính xác là từ thích đáng nhất. Nó là một bi kịch tàn ác của thời đại ngày nay: tán tỉnh. Tán tỉnh thay vì ân ái. Tất cả những gì các cậu làm là tán tỉnh, và choàng tấm chăn để hở ra một bên vai, cầu nhàu về chuyện nhà nghỉ. Và bỏ lỡ một điều có thể thay đổi toàn bộ cuộc sống của cậu, và Kenneth ạ, tôi không ngẫu nhiên nói vậy đâu."

Trong giây lát, mặt của Kenny rõ ràng hơn. Nó cười sừng sốt. Rồi nụ cười vỡ ra thành từng hạt sáng của cầu vồng. Cầu vồng chói lòa rực rỡ. George đui mù trước nó. Ông nhắm mắt lại. Và tiếng ầm ầm trong tai ông giờ đây nghe như tiếng nước đổ của thác Niagara.

Nửa giờ, một giờ sau... George tỉnh giấc.

Đêm vẫn tối. Ấm áp. Giường. Ta đang nằm trên giường! Ông nhổm người dậy, chống mình bằng hai khủy tay. Bật chiếc đèn nơi đầu giường. Tay của ông đã tự động vớ ra, cánh tay trong bộ quần áo ngủ. Ta đang mặc quần áo ngủ. Tại sao? Làm thế nào?

Cậu ta đâu rồi?

George lão đảo bước xuống giường, chóng mặt, rồi giật mình tỉnh giấc, sẵn sàng để tránh bước vào phòng khách. Khoan, đợi đã. Có một mẫu giấy ở kệ đèn:

Em nghĩ rất cuộc em nên đi thì hơn. Dù sao em cũng thích lòng vòng trong đêm. Nếu có bị cảnh sát bắt, em sẽ không nói em đã ở đâu cả đêm nay. Hứa chắc. Thậm chí nếu họ có bẻ tay em!

Buổi tối hôm nay thật tuyệt. Hãy lặp lại nó vào một ngày khác. Hay thầy không tin vào những điều trùng lặp?

Em không thể tìm được bộ đồ ngủ thầy đã mặc, nên em lấy một bộ mới trong ngăn tủ. Hay thầy thích ngủ mà không mặc gì? Dù sao em cũng không muốn liều. Không thể để thầy bị cảm lạnh được, có phải không ạ?

Cảm ơn thầy về mọi thứ,

KENNETH

George ngồi trên giường đọc nó. Rồi với một chút thiếu kiên nhẫn, như ông giám đốc bận rộn vừa liếc nhìn qua một thông cáo chẳng quan trọng gì, ông để tờ giấy trượt xuống sàn nhà, đứng dậy, đi vào nhà tắm và xả trống bàng quan, không thêm liếc vào gương, thậm chí không thêm bật điện, quay trở lại giường, trèo lên, tắt đèn.

Nằm trong bóng đêm, có chút gì đó ngăn ông không thể chìm vào giấc ngủ: sự ngứa ngáy trong máu và từng tế bào ở giữa háng. Hơi men khiến ông ngứa ngáy, ở dưới đó.

Vẫn nằm trong bóng đêm, ông tưởng tượng ra Kenny và Lois ngồi trong xe của họ, rồi bắt họ lái đến Hẻm cây Nhãn, đỗ xe tít cuối con đường, để phòng có người hàng xóm tọc mạch nào để ý, chúng vội vã băng qua cây cầu, mở cửa, cô ta cười khúc khích, nhảy chân sáo lên trên lầu mà không cần bật điện...

Không được. George cố vài lần nhưng ông không thể khiến Lois đi lên trên lầu. Mỗi lần ông cố khiến cô trèo lên những bậc thang, cô lại kháng cự. Giờ thì ông biết chắc chắn, rằng

Kenny sẽ không bao giờ có thể dụ dỗ cô ta thậm chí là bước vào căn nhà này.

Nhưng cuộc chơi đã bắt đầu, George không chịu ngưng lại. Kenny phải được cấp cho một đối tượng thứ hai. Thế là George biến Lois thành con mèo vàng gọi cảm, cầu thủ tennis người Mexico ban sáng. Chẳng khó khăn để đưa cậu ta lên lầu. Giờ thì cậu ta và Kenny đã đi tới phòng ngoài. George nghe thấy tiếng thắt lưng rơi xuống sàn. Họ đang lột trần lẫn nhau.

Máu dồn vào háng George. Cái thân thể bắt đầu nhúc nhích, uốn lên và quần quai rồi đột nhiên nổi hứng. Bộ đồ ngủ đã được ông lột bỏ, ném ra khỏi giường.

George nghe thấy Kenny thì thầm bằng tiếng Mexico. Tiếp tục đi, các chàng trai. Ông biến mình thành vô hình, bước vào căn phòng. Ông thấy hai người bọn họ bắt đầu nằm xuống cùng nhau.

Không. Cũng không được. George không thích thái độ của Kenny. Cậu ta không thực sự nghiêm túc với khát dục; thậm chí, cậu ta còn có vẻ chuẩn bị cười khúc khích. Nhanh nào, cần phải có sự thay thế khác. George biến Kenny thành cậu thanh niên tóc vàng trên sân tennis.Ồ, tuyệt hơn nhiều. Hoàn hảo! Giờ họ có thể ôm ấp lẫn nhau. Cuộc đấu nhục dục có thể bắt đầu. George lượn lơ bên trên họ và ngắm, ông bắt đầu biến vào rồi lại ra ngoài thân thể quần quai, thở dốc của họ. Có lúc ông là người này, lúc là người kia, có lúc là cả hai. A, thật tuyệt! A! A!

Lão già ngốc nghếch, trí óc George lên tiếng. Nhưng ông không thấy xấu hổ với chính mình, ông nói với cái thân thể đang chùng ra, ướt đầm mồ hôi của mình bằng một vẻ hài hước, bao dung, như thể nói với một con chó già vừa nuốt cả một tảng thịt to hơn cả nó đã mong muốn. Giờ thì mày có thể để cho chúng tao ngủ được rồi chứ? Tay ông với lấy chiếc khăn tay bên dưới gối, lau sạch thứ nước đang nhỏ giọt trên bụng và ngực.

Khi giấc ngủ dần chiếm lấy ông, ông hỏi chính mình, liệu ta có nên nhìn thẳng vào mắt Kenny trên lớp vào thứ Hai?

Không, dù chỉ một chút. Thậm chí nếu cậu ta có nói với Lois (mà ta tin là không đời nào) rằng ta đã lột trần cậu ta, đặt cậu ta lên giường, vì cậu ta say không biết trời đất. Nếu thế cậu ta cũng sẽ nói với Lois về chuyện họ đi bơi: Em phải nhìn ông ta vờn trong nước, như một đứa trẻ điên. *Họ không nên để ông ta ra ngoài một mình như vậy*, anh đã nói với ông ta như thế.

George cười với chính mình, tự mãn nguyện. Phải, ta điên, đó là bí mật của ta, sức mạnh của ta.

Và ta sẽ còn điên hơn rất nhiều. Cứ chờ ta, tất cả các người. Phải rồi. Ta sẽ bay đến Mexico vào Giáng sinh. Không tin hả? Ta sẽ đặt vé ngay sáng mai.

Ông chìm vào giấc ngủ, vẫn mỉm cười.

Từng bộ phận cơ thể trở nên yên lặng, hầu như chẳng tạo nên bất kỳ chuyển động nào dưới ga giường. Hầu hết phần cơ thể thuộc về George đã yên giấc.

Chỉ còn bộ não trong hộp sọ đang nằm trên gối là vẫn đập dìu, không còn là nó của ban ngày. Nó không đủ sức đưa ra bất kỳ hiệu lệnh nào nữa. Nhưng có lẽ vì thế mà nó, ở trong trạng thái này, lại có thể nhận thức những quyết định nó chưa đưa ra ban ngày. Những quyết định như thể phụ lục mà nó được giao nhận, chứng kiến rồi để sang một bên chờ cho đến giờ hành quyết.

George của ban ngày thậm chí có thể chất vấn quyết định được đưa ra, nhưng hẳn sẽ không được quyền nhớ câu trả lời khi bình minh tới.

Nếu Kenny sợ thì sao? Sẽ ra sao nếu cậu ta không trở lại? Thì cứ mặc cậu ta. George không cần cậu ta hay bất kỳ đứa trẻ nào khác. Ông không có ý định tìm cho mình một đứa con trai.

Nếu Charlotte trở về Anh thì sao?

Ông có thể sống mà không có bà nếu cần. Ông không cần một đứa em gái.

George có trở về Anh không?

Không, ông sẽ ở lại đây.

Vì Jim?

Không, Jim giờ đây đã là quá khứ. Jim đã là vô dụng với George.

Nhưng George nhớ anh chân thành.

George bắt chính mình phải nhớ. Ông sợ phải quên đi. Jim là cuộc sống của ông. Nhưng ông sẽ phải quên nếu ông muốn sống tiếp chặng đường còn lại. *Jim đã chết. Vậy tại sao George còn ở lại đây?*

Đây là nơi ông đã gặp Jim. Ông tin mình sẽ tìm thấy một Jim khác ở đây. Ông chưa biết đâu, nhưng ông đã bắt đầu tìm kiếm.

Tại sao George tin rằng ông phải tìm một Jim thứ hai?

Ông chỉ biết rằng ông phải tìm. Ông tin rằng ông sẽ tìm vì ông phải làm thế.

Nhưng George đang già đi mỗi ngày. Chẳng phải sẽ là quá muộn?

Đừng bao giờ nói những lời đó với George. Ông sẽ không nghe. Ông không dám nghe. Tương lai chết tiệt. Hãy để Kenny và lũ trẻ có nó. Hãy để Charley giữ lại quá khứ. George chỉ cần *hiện tại*. Vì *hiện tại* mà ông phải tìm một Jim khác. *Hiện tại* rằng ông phải yêu. *Hiện tại* rằng ông phải sống...

Trong khi đó, cái thân thể được biết đến của George đang nằm đây, chìm trong giấc ngủ trên chiếc giường trong màn đêm cô độc, rung lên từng tiếng ngáy vang rền. Sự ẩm ướt của thời tiết gần đại dương đã tác động đến xoang mũi của nó và bằng cách nào đấy, nó ngáy to hơn mỗi khi có men rượu. Jim thường đá cho ông tỉnh giấc, xoay người ông về phía kia của chiếc giường, có lúc giận dữ ngồi dậy đi ra phòng ngoài để ngủ.

Nhưng George có trọn vẹn hiện hữu trong *hiện tại* này?

Đọc bờ biển vài dặm về phía Bắc, trong dãy dung nham ngầm dưới những tảng đá, có rất nhiều hồ đá. Bạn có thể nhìn thấy chúng khi thủy triều rút. Mỗi hồ có sự tách biệt và khác biệt riêng. Bạn có thể đặt tên cho chúng nếu bạn có chút tưởng tượng, là George, Charlotte, Kenny, bà Strunk như một thực thể riêng lẻ. Dòng nước biển với ý thức riêng của nó, đang đổ đầy những lo âu, chán nản, sự tham lam, dục vọng, đấu tranh, cuồng bạo dai dẳng cuộn vào từng vách đá. Có bao giờ bạn tự hỏi làm thế nào mà thật nhiều những vật thể riêng lẻ lại có thể cùng tồn tại, dưới những phong ba bão táp như vậy? Bởi vì chúng buộc phải thế. Từng tảng đá buộc phải tựa vào nhau để giữ cho hồ đá có thể chống chọi được với dòng chảy hung hãn. Và trong những ngày triều tàn yên bình, chúng cũng chỉ biết có nhau.

Nhưng sau khi ngày dài đã hết, đã đầu hàng trước màn đêm đến cùng những cơn triều cường giận dữ. Cũng như nước biển đang cuộn cuộn trào dâng đem bóng tối đến cho các hồ đá đó, George và những người khác chìm trong giấc ngủ dưới những con sóng đòi vồ vập. Sự ý thức không phải là riêng ai nhưng lại chứa đựng tất cả mọi người, mọi chuyện, quá khứ, hiện tại và tương lai, cứ kéo dài miên man dưới bầu trời đêm đầy sao. Hiển nhiên rằng, dưới bóng tối của những cơn triều cường hung bạo, một vài kẻ sẽ bị nhấc lên khỏi bể của họ, bị cuốn trôi và chìm sâu vào mình đại dương sâu thẳm. Có thể nào họ tìm được lối quay về khi ánh sáng ban ngày trở lại lúc triều tan? Có thể nào ta lại thấy họ đoàn tụ? Có thể nào họ sẽ kể cho ta nghe về cuộc hành trình của họ? Mà liệu họ có gì để kể ngoài chuyện nước đại dương cũng chỉ như nước trong bể này đây?

Trong cái thân thể đang nằm bình lặng trên giường kia, tim vẫn đập, máu vẫn chảy liên hồi không ngừng nghỉ. Cả bộ máy vẫn rậm rịch hoạt động trong yên ả, tất cả đều tự động chạy guồng nhịp với nhau. Các vỏ não đang lơ mơ ngủ, chỉ riêng thân não đôi khi rục rịch mang lại một cơn ác mộng. Mọi việc đều yên ả, sẵn sàng cho một ca làm việc đến sáng như mọi lần. Chẳng có dấu hiệu nào cho một cuộc tai nạn, lý lịch an toàn của cỗ máy này là hoàn hảo từ trước đến nay.

Chúng ta hãy cứ tưởng tượng là thế.

Hãy nhớ về thời điểm mười sáu năm trước, khi George bước vào quán Phía Mạn Tàu và trao ánh mắt đầu tiên cho Jim, khi Jim vẫn còn chưa giải ngũ và trông thật quyến rũ không lời nào tả xiết trong đồng phục Hải quân. Hãy cứ tưởng tượng là, vào đúng giây phút đó, sâu trong một nhánh động mạch vành nào đó của George, một quá trình phi thường đã âm ỉ bắt đầu rồi cứ dần mãnh liệt lên mà không một bác sĩ nào có thể giải thích được. Rồi từng cái một, trên bề mặt của màng trong mướt mà, các i-ôn can-xi được mang tới bởi những dòng máu nóng chảy trong cơ thể bắt đầu đọng lại. Rồi từ từ, chậm rãi, vô hình, bằng sự thận trọng kỹ lưỡng không để cho những kẻ già nua om sòm cảnh giác trong bộ não hay biết, một scan-đan chấn động đã diễn ra: sự hình thành của lớp màng vừa động mạch vành.

Hãy cứ tưởng tượng là thế. Cái thân thể nằm trên giường vẫn ngáy những tiếng đều đặn. Điều sắp xảy ra đây thật khó có thể tin được nó sẽ xảy ra. Bạn có thể cược hàng trăm nghìn đô la rằng nó sẽ không xảy ra. Nhưng có đấy, chỉ trong năm phút nữa thôi.

Hãy cứ tưởng tượng là đêm nay đây, giây phút này đây là giờ khắc đã được định trước.

Giờ.

Cái thân thể trên giường khẽ động dậy, nhưng nó không vùng vẫy, nó không thức dậy. Nó không biểu hiện ra ngoài một chút gì tỏ vẻ là nó chuẩn bị bị tiêu diệt. Các vỏ não và thân não vị thủ tiêu bằng tốc độ của một sát thủ Ấn Độ. Bóp nghẹt ô xy đến mọi nơi trong cái thân xác đó, tim siết chặt lại rồi ngừng đập. Phổi cũng thôi phì phò bởi nguồn điện của chúng không còn nữa. Khắp thân thể, các động mạch co cụm lại. Giá mà sự đánh phá này không phải là ồ ạt toàn diện, giá mà nó chỉ diễn ra ở một nhánh nhỏ của động mạch thì bộ máy điều khiển thân thể có thể ứng phó được với nó, chúng hoàn toàn có khả năng tạo ra phép màu. Nếu có thời gian, chúng sẽ dựng lên một dòng chảy thay thế cho dòng máu chảy qua, tạo ra một hệ thống kết nối bổ sung, phong tỏa vùng bị tổn thương bằng một vết sẹo. Nhưng thời gian là thứ xa xỉ. Chúng chết mà không được cảnh báo trước.

Trong vài phút, có lẽ, sự sống còn yếu ớt nán lại ở một số vùng xa xôi hẻo lánh trên cơ thể. Nhưng rồi, từng phần, từng phần một cứ dần buông xuôi, tất cả chìm vào trong bóng tối. Và nếu có chút nào còn sót lại của kẻ tầm thường mà chúng ta gọi là George đang bị cuốn đi xa cùng dòng chảy của đại dương ra xa, tránh được khỏi khoảnh khắc nghiệt ngã bất ngờ này, thì khi nó trở về, nó cũng không còn nơi trú ngụ. Nó sẽ không còn có thể kết nối với cái đang nằm không nhúc nhích, không còn ngáy, trên giường kia. Cái thân xác cồng kềnh kia giờ đây đã cùng là một loài với đồng rác trong thùng ngoài hiên sau nhà - đều cần phải được chở đi xa và tiêu hủy trước khi bốc mùi thối rữa.

Tiểu sử

Christopher Isherwood sinh năm 1904 tại Cheshire, trong một gia đình ảnh hưởng sâu sắc văn hóa Edward, Anh. Ông bắt đầu sự nghiệp văn chương của mình khi đang theo học tại Cambridge. Về sau, ông chuyển đến sống ở Berlin, vừa dạy tiếng Anh vừa sáng tác. Có nhiều nhận xét cho rằng, khi ông rời bỏ nước Anh, ông cũng đồng thời rời bỏ lối viết văn truyền thống, ông sáng tác với sự quan sát tinh tế, giọng văn phi thường và những triết lý sâu sắc. Ông đã tận mắt chứng kiến sự hình thành và thịnh vượng của Hitler và đảng Đức quốc xã, một số tác phẩm tiêu biểu nhất của ông như *Tạm biệt Berlin*, *Những chuyến tàu của ngài Norries*, được sáng tác dựa trên trải nghiệm này. Nhân vật Sally Bowles do ông xây dựng đã được dùng để viết nên vở nhạc kịch *Cabaret* và bộ phim cùng tên nổi tiếng. Những sáng tác của Isherwood đã có ảnh hưởng lớn đến văn học hiện đại Mỹ và các tác giả lúc bấy giờ, như W.H. Auden, Truman Capote (nhân vật Sally Bowles là nguồn cảm hứng để Truman Capote sáng tác cuốn tiểu thuyết nổi tiếng của ông, *Bữa sáng ở Tiffany*). Trong những năm cuối thập niên 30 của thế kỷ 20, Isherwood đã cùng W.H. Auden du lịch khắp Trung Quốc trước khi ông đặt chân đến Mỹ - quê hương thứ hai và cũng là nơi ông sống suốt quãng đời còn lại. Valentine năm 1953, Isherwood gặp Don Bachardy, lúc bấy giờ mới 18 tuổi - một họa sỹ chân dung nổi tiếng về sau - họ đã yêu và sống cùng nhau suốt hơn 30 năm, cho đến khi Isherwood qua đời vì bệnh ung thư tuyến tiền liệt vào tháng Một năm 1986.

Sau khi qua đời

Căn nhà ở quận Schöneberg, Berlin được khắc bia để tưởng nhớ thời gian từ 1929 đến 1933, quãng thời gian Isherwood đã sống tại đây.

Năm 2008, bộ phim *Chris và Don: Một chuyện tình* ghi lại mối tình sắt son trọn đời của

Isherwood và Bachardy được ra mắt.

Năm 2009, tác phẩm *Người cô độc* của Isherwood được chuyển thể thành phim với sự tham gia của Colin Firth - người giành giải Liên hoan phim Vience cho hạng mục Nam diễn viên chính xuất sắc nhất với vai diễn trong phim và được đề cử giải Oscar ở cùng hạng mục.

Năm 2010, tự truyện của Isherwood, *Christopher và bản ngã*, được đài BBC dựng thành phim truyền hình, do Matt Smith thủ vai Isherwood và được đạo diễn bởi Geoffrey Sax. Phim được công chiếu ở Pháp, Đức, trên kênh Arte vào tháng 2 năm 2011 và ở Anh trên đài BBC 2 một tháng sau đó.

Các tác phẩm tiêu biểu của Christopher Isherwood

All the Conspirators

The Memorial

Lions and Shadows

Prater Violet

The Condor and the Cows

The World in the Evening Down

There on a Visit

Ramakrishna and His Disciples

A Meeting by the River

Kathleen and Frank

Christopher and his Kind

My Guru and his Disciple

Exhumations

Mr Norries Changes Trains

Goodbye to Berlin

Các sáng tác cùng Don Bachardy

October

Các sáng tác cùng W.H. Auden

The Dog Beneath the Skin

The Ascent of F6

On the Frontier

Journey to a War

[1] James Augustine Aloysius Joyce (2/2/1882 đến 13/1/1941): là một nhà thơ, tiểu thuyết gia người Ai Len, ông được xem là một trong những người có ảnh hưởng sâu sắc nhất trong phong trào cách tân văn học hiện đại.

[2] John Ruskin (1819-1900): nhà văn, nhà phê bình nghệ thuật và bình luận xã hội người Anh.

[3] Pasadena: Một thành phố thuộc tiểu bang California, Hoa Kỳ.

[4] Montmartre: Một khu phố cổ của Paris, từng là nơi tập trung của nhiều họa sĩ nổi tiếng.

[5] Hart Cane (21/07/1899 đến 27/04/1932): là nhà thơ nổi tiếng người Mỹ, người có ảnh hưởng lớn đến phong trào văn thơ trong thế hệ của ông.

[6] Ben Hur: Nhân vật trong phim sử thi của Mỹ, sản xuất năm 1959, được chuyển thể từ tiểu thuyết *Ben Hur: A Tale of the Christ* của nhà văn Lew Wallace. Cảnh đua xe chariot (xe 2 bánh không mui do ngựa kéo) dài 9 phút trong phim đã trở thành một trong các cảnh nổi tiếng nhất của điện ảnh.

[7] Angkor là một tên thường gọi của một khu vực tại Campuchia đã từng là kinh đô của Đế quốc Khmer và đã phát triển rực rỡ vào khoảng thế kỷ 9 đến thế kỷ 15.

[8] Via Veneto là con đường nổi tiếng và xa hoa nhất thành Rome, Ý.

[9] *Finnegans Wake* là tiểu thuyết của nhà văn người Ai Len, James Joyce, xuất bản ngày 4 tháng 5 năm 1939.

[10] Katherine Anne Porter (15/5/1890 đến 18/9/1980): là nữ phóng viên, nhà văn, nhà báo, tiểu thuyết gia và nhà hoạt động chính trị đã đoạt giải Pulitzer.

[11] Charles Percy Snow (15/10/1905 đến 01/01/1980): là nhà hóa học, nhà văn nổi tiếng với bộ tiểu thuyết *Stranger & Brothers* và *The Two Cultures*.

[12] Norman Kingsley Mailer (31/01/1923 đến 10/11/2007): là nhà văn, nhà báo, nhà phê bình, biên kịch và là nhà sản xuất phim, diễn viên và ứng cử viên chính trị. Ông nổi tiếng với tác phẩm *The Executioner's Song*, tác phẩm đã mang về cho ông một giải Pulitzer trên tổng số hai giải trong cả sự nghiệp của ông.

[13] *Esquire*: tạp chí đàn ông của Mỹ.

[14] Nguyên gốc: *After many a summer dies the swan* là câu chuyện về một triệu phú Mỹ đi tìm kiếm sự bất tử.

[15] William Butler Yeats (13/6/1865 đến 28/1/1939): là nhà thơ, nhà soạn kịch người Ireland đoạt giải Nobel Văn học năm 1923.

[16] Goniar: nhân vật trong tiểu thuyết, sống đến hơn 200 tuổi.

[17] Jo Stoyte: nhân vật triệu phú.

[18] Obispo: vị bác sĩ được Jo Stoyte thuê để nghiên cứu về sự bất tử.

[19] Mephistopheles: con quỷ trong văn học dân gian Đức.

[20] Goethe (28/08/1749 đến 22/03/1832): nhà văn, nhà thơ và nhà hoạt động chính trị người Đức.

[21] Virginia Maunciple: người tình trẻ của Jo Stoyte.

[22] Thomas Jefferson (1743-1826) là tổng thống thứ 3 của Hợp chủng quốc Hoa Kỳ, người sáng lập ra Đảng Dân chủ-Cộng hòa Hoa Kỳ.

[23] Nguyên gốc: *The 120 days of Sodom* là cuốn tiểu thuyết của nhà văn người Pháp Marquis de Sade viết năm 1785.

[24] Francis Quarles (08/05/1592 đến 08/09/1644): là nhà thơ nổi tiếng người Anh.

[25] Hội John Birch là một tổ chức chính trị Mỹ ủng hộ quan điểm chống Cộng sản. Chủ yếu được miêu tả như một hội bảo thủ cực đoan.

[26] Nikita Sergeyevich Khrushchyov (17/04/1894 đến 11/09/1971): là cựu Tổng bí thư Đảng Cộng sản Liên Xô.

[27] Au revoir (tiếng Pháp): Hẹn gặp lại!

[28] Cotswolds: dãy núi đá vôi ở Tây Nam nước Anh, kéo dài từ Bath đến phía Bắc Oxfordshire.

[29] Vitaì Lampada: ánh sáng cuộc sống.

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>